



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017





# MỤC LỤC

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 04

---

DẤU ẤN QUAN TRỌNG NĂM 2017 06

---

TỔNG QUAN VỀ MB 09

---

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 21

---

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 51

---

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 57

---

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 63

---

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 71

# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2017 chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế khi GDP tăng 6,81% - mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây và vượt mục tiêu Chính phủ đặt ra. Lạm phát kiểm chế ở mức tăng 3,53% so với năm 2016. NHNN tiếp tục có 1 năm điều hành chính sách tiền tệ thành công khi thanh khoản hệ thống, lãi suất và tỷ giá ổn định; hành lang pháp lý được kiện toàn, kỷ cương trên toàn thị trường ngân hàng; nợ xấu toàn hệ thống được kiểm soát tốt (<3%).



Năm 2017 là năm đầu tiên MB chính thức triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021 với phương châm **“Tăng trưởng đột phá, Hiệu quả - An toàn”** nhằm giữ vững mục tiêu **“MB nằm trong Top 5 Ngân hàng hàng đầu về hiệu quả”**. Nhất quán với phương châm hoạt động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường với tinh thần **“Đổi mới - Sáng tạo”**, MB đã hoàn thành và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể, các chỉ tiêu của MB có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với 2016: Tổng Tài sản tăng 22%, LNTT tăng 26% (trong đó LNTT riêng Ngân hàng tăng 44%); một số chuyển dịch đạt kết quả tích cực như Doanh thu tăng 41%, Tổng thu lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 66%, Năng suất lao động tăng 33%; đồng thời kiểm soát rủi ro chặt chẽ với tỷ lệ nợ xấu là 1,20% - mức thấp trong hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, MB đã triển khai đầu tư toàn diện nhiều dự án để củng cố năng lực bền vững như: tăng năng lực tài chính thông qua việc tăng vốn điều lệ 2017 lên 18.155 tỷ đồng, đầu tư năng lực hạ tầng CNTT, ngân hàng số, nền tảng QTRR hiệu quả, quản lý chi phí chặt chẽ góp phần tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận của MB và qua đó đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Giá cổ phiếu MBB tăng trưởng 100% - mức tăng mạnh mẽ nhất kể từ khi niêm yết; Giá trị vốn hóa tăng ~ 2 lần so với năm 2016.

Mô hình quản trị ngân hàng mẹ và các công ty thành viên được củng cố và tăng cường chất lượng, tập trung các hoạt động cốt lõi, tăng cường hợp tác với các đối tác của MB và khai thác tối đa tập khách hàng của các đơn vị trong hệ thống. Kết quả, 5 công ty thành lập trước năm 2016 cơ bản hoàn thành tái cơ cấu, kiện toàn các mặt hoạt động và tăng cường quản trị rủi ro; tổng LNTT của 5 công ty đạt 321,25 tỷ đồng (trong đó, 2 công ty niêm yết là MBS và MIC có sự tăng trưởng cao về giá trị cổ phiếu trên thị trường); 2 công ty mới thành lập là MBAL và Mcredit hoạt động hiệu quả tốt với mạng lưới phát triển mạnh tại các tỉnh thành trên cả nước.

Trong bối cảnh có sự chuyển giao vị trí Tổng Giám đốc, MB vẫn duy trì sự ổn định trong tổ chức hoạt động và tính thống nhất/đoàn kết chặt chẽ. Tư duy về quản trị, điều hành trên phạm vi toàn MB và các CTTV theo các thông lệ quốc tế hướng đến sự minh bạch, hiệu quả; việc điều chỉnh mô hình tổ chức, kiện toàn nhân sự các cấp phù hợp với Chiến lược mới, xây dựng triển khai các mô hình kinh doanh mới góp phần triển khai hiệu quả các chuyển dịch đột phá của Ngân hàng và cơ chế lương mới theo hiệu suất được áp dụng tạo động lực làm việc quyết tâm và khí thế cho toàn hệ thống MB đã giúp MB có sự tăng trưởng ấn tượng và bền vững trên các mặt hoạt động như nêu trên.

MB luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và của NHNN, quản lý chặt chẽ các giới hạn an toàn theo quy định, đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả. Trong năm, MB và các CTTV hoàn thành tốt chương trình Kiểm toán Nhà nước, được lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước đánh giá sơ bộ MB là ngân hàng có hoạt động quản trị điều hành khá tốt, không có vi phạm trọng yếu.

Với kết quả đó, MB tiếp tục tạo dựng được lòng

tin với khách hàng, cổ đông, uy tín thương hiệu được cộng đồng ghi nhận và đánh giá cao. Năm 2017, MB vinh dự được nhận nhiều cờ thi đua của Thủ tướng Chính Phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và UBND TP Hà Nội; đồng thời đạt **“Top 5 DN lớn đạt chuẩn về công bố thông tin”** theo chương trình bình chọn của HOSE phối hợp với các đơn vị tổ chức. Đồng thời, MB cũng tham gia tích cực các chương trình từ thiện, an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc, được ghi nhận là một Ngân hàng có trách nhiệm với cộng đồng.

Năm 2018, nền kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng khả quan hơn năm 2017, triển vọng ngành ngân hàng 2018 với chất lượng tài sản và nguồn vốn ngày càng cải thiện, vận động cùng chiều với triển vọng tích cực của kinh tế vĩ mô; Chính sách tiền tệ thực thi nới lỏng linh hoạt nhằm đảm bảo thanh khoản hệ thống, hỗ trợ nền kinh tế tăng trưởng. Tuy nhiên, các ngân hàng có thể phải đối mặt với một số thách thức về áp lực tăng vốn để đảm bảo hệ số an toàn CAR theo cách tính mới tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN; về quản trị và kiểm soát hoạt động an toàn đảm bảo các tiêu chuẩn của Basel II; và áp lực từ sự cạnh tranh trong và ngoài ngành dưới tác động của cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Sẵn sàng đón nhận những vận hội và cả những thách thức mới của năm 2018, với sự chỉ đạo kịp thời, sát sao từ Hội đồng Quản trị, sự giám sát chặt chẽ từ Ban kiểm soát và đặc biệt là sự nhạy bén, linh hoạt, quyết liệt của Ban Điều hành và truyền thống văn hóa đoàn kết, gắn bó của người MB, cùng sự tận tâm nỗ lực cố gắng của toàn thể cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống, MB quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch năm 2018, bám sát phương châm, mục tiêu, trụ cột Chiến lược phát triển 2017 - 2021, hướng đến mục tiêu: **“Top 5 các NHTM về hiệu quả kinh doanh và an toàn”**. Ngân hàng tiếp tục tập trung các giải pháp thực hiện 4 chuyển dịch chiến lược (đặc biệt là ngân hàng số); kiện toàn hệ thống quy định, chính sách nội bộ trong đó tăng cường các công cụ quản trị hiệu quả, giám sát và kiểm soát chặt chẽ chất lượng; đẩy nhanh tốc độ phục vụ khách hàng; đồng thời quan tâm tới bồi dưỡng và đào tạo để phát triển đội ngũ cán bộ các cấp có đức, có tài làm nòng cốt cho MB hiện tại và tương lai; đẩy mạnh hoạt động bán chéo trong tập đoàn thông qua việc thiết kế các sản phẩm tích hợp mang lại nhiều giá trị gia tăng hơn cho khách hàng và các cổ đông.



Lê Hữu Đức  
Chủ tịch HĐQT

# DẤU ẤN QUAN TRỌNG NĂM 2017

**01** Năm 2017, MB thông qua chiến lược 2017 - 2021 với các chuyển dịch quan trọng: chuyển dịch ngân hàng số, nâng cao quan hệ khách hàng, quản trị rủi ro vượt trội, nâng cao hiệu quả hoạt động công ty thành viên

**02** Xây dựng và ứng dụng các mô hình kinh doanh mới: Ngân hàng số, Bancas, Mô hình quản lý khách hàng CIB, Mô hình hợp tác với các đối tác chiến lược Tân Cảng, Kho bạc nhà nước, Bảo hiểm xã hội...

**03** Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh: Hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 18.155 tỷ đồng, giá Cổ phiếu tăng trưởng 100%, tổng tài sản lần đầu vượt mốc ba trăm ngàn tỷ, Doanh thu thuần tăng 38,7%, lợi nhuận riêng ngân hàng tăng trưởng trên 44% so với năm 2016...

**04** Ứng dụng ngân hàng số ra mắt eMBee fanpage - trở thành ngân hàng đầu tiên cho phép giao dịch qua facebook, mở rộng kênh tiếp cận người tiêu dùng trẻ trên mạng xã hội, hình thức giao dịch thân thiện & thuận tiện.

**05** Hoàn thành các dự án quan trọng hỗ trợ tích cực cho kinh doanh trên nền tảng công nghệ số: Moffice, smart RM, dự án PD..., chứng chỉ PCI DSS.

**06** Các công ty thành viên triển khai kinh doanh, chuyển đổi mô hình tổ chức theo chiến lược được phê duyệt, xây dựng khung cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quản trị...; cơ bản hoàn thành kế hoạch năm 2017, 5 công ty thành lập trước năm 2016 giữ vững vị thế trên thị trường, hai công ty mới thành lập có kết quả năm đầu hoạt động ấn tượng.



02. MB ký kết hợp tác với Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn



04. Dịch vụ giao dịch tài chính ngân hàng qua Facebook Chat



05. MB nhận chứng chỉ PCI DSS



07. Họp báo ra mắt liên doanh MB shinsei



09. Đại nhạc hội eMBee Music Connection (Tiesto)



10. MB nhận giải thưởng Best CRM project

**07** Ra mắt liên doanh MB Shinsei hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng với 49% vốn góp từ tập đoàn Shinsei.

**08** Hình ảnh thương hiệu MB có nhiều chuyển biến ấn tượng và tích cực: hoàn thành và ứng dụng hình ảnh nhận diện mới, nhân vật đại diện MB Fanpage, tổ chức một loạt các sự kiện truyền thông tiếp thị thương hiệu để lại ấn tượng vừa mạnh mẽ vừa sâu lắng đến từng phân khúc khách hàng: eMBee Music Connection (Tiesto), MB Connection tại Hà Nội...

**09** “Giải thưởng “Best CRM Project in Vietnam - Dự án CRM tốt nhất Việt Nam” được trao cho MB dựa trên những thành tựu ứng dụng nền tảng công nghệ trong quản lý thông tin khách hàng và quản trị lực lượng bán hàng. Đặc biệt vinh dự, MB tiếp tục nhận được Cờ thi đua của Chính phủ, NHNN, Bộ Quốc phòng, UBND Thành phố HN... cùng nhiều giải thưởng, danh hiệu uy tín do các tổ chức trong và ngoài nước trao tặng.

**10** Công tác an ninh - chính trị nội bộ được giữ ổn định; Hoàn thành tổ chức và hướng dẫn tổ chức Đại hội Đoàn, Đại hội Công đoàn các cấp, phát huy sức trẻ, đoàn kết & sáng tạo, góp phần đẩy mạnh kinh doanh.





## TỔNG QUAN VỀ MB

- Thông tin khái quát  
.....
- Quá trình hình thành và phát triển  
.....
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
.....
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý  
.....
- Định hướng Chiến lược phát triển  
.....
- Quản trị rủi ro



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT & NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

## THÔNG TIN TỔNG QUÁT

|                            |   |
|----------------------------|---|
| Tên đầy đủ bằng tiếng Việt | : Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội |
| Tên viết tắt               | : Ngân hàng Quân đội (MB)               |
| Tên đầy đủ bằng tiếng anh  | : Military Commercial Joint-stock Bank  |
| Ngày thành lập             | : 04/11/1994                            |
| Vốn điều lệ                | : 18,155,054,000,000 đồng               |
| Mã chứng khoán             | : MBB                                   |

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100283873 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 41 ngày 19/10/2017.

|                     |   |
|---------------------|---|
| <b>Trụ sở chính</b> | : Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại          | : 024 62661088  |
| Fax                 | : 024 62661080  |
| Email               | : info@mbbank.com.vn  |
| Webiste             | : www.mbbank.com.vn   |

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động chính của ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1994  
2004

Từ ý tưởng ban đầu là xây dựng một tổ chức tín dụng phục vụ doanh nghiệp quân đội trong nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thời kỳ tiền hội nhập, ngày 4/11/1994, Ngân hàng TMCP Quân đội được thành lập với số vốn gần 20 tỷ đồng, 25 nhân sự và một điểm giao dịch duy nhất tại 28A Điện Biên Phủ, Hà Nội. Mười năm đầu (1994-2004) là giai đoạn mang tính "mở lối" định hình phương châm hoạt động, xác định chiến lược kinh

doanh và xác định thương hiệu. Kiên định với mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, MB đã vững vàng vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và là ngân hàng cổ phần duy nhất có thành lập, tròn 10 năm của MB tăng gấp 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

2005  
2009

Trong giai đoạn 2005-2009, MB áp dụng một loạt các giải pháp đổi mới tổng thể từ mở rộng quy mô hoạt động, phát triển mạng lưới, đầu tư công nghệ, tăng cường nhân sự, hướng mạnh về khách hàng với việc tách bạch chức năng quản lý và chức năng kinh doanh giữa Hội sở và Chi nhánh, tổ chức lại đơn vị kinh doanh theo nhóm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ,

nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ... Có thể nói, đây là giai đoạn tạo cơ sở vững chắc để MB đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược sau này, góp phần đưa MB trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam hiện nay. Năm 2009, đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

Sau 23 năm phát triển, MB khẳng định vị thế của một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam, với các chỉ số hiệu quả luôn nằm trong nhóm dẫn đầu thị trường.

# 2010 2016

Năm 2010 là bước ngoặt ý nghĩa đưa MB ghi dấu ấn trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam sau này. MB bắt đầu nghiên cứu xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2011 - 2015, với kỳ vọng đưa MB vào TOP 3 ngân hàng TMCP không do nhà nước nắm cổ phần chi phối. Đây cũng là giai đoạn hết sức khó khăn của nền kinh tế. Dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Ngành Ngân hàng thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ, nhiều ngân hàng suy giảm lợi nhuận, thậm chí phải sát nhập, biến mất trên thị trường. Trong bối cảnh đó, MB kiên định với chiến lược phát triển bền vững, an toàn đã vươn lên dẫn đầu về nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng, hoàn thành mục tiêu năm trong TOP 3 trước 2 năm - vào năm 2013. Với những thành quả đã đạt được, năm 2014, MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất. Đến năm 2015, tiếp tục được Phong tặng danh hiệu Anh Hùng Lao động.

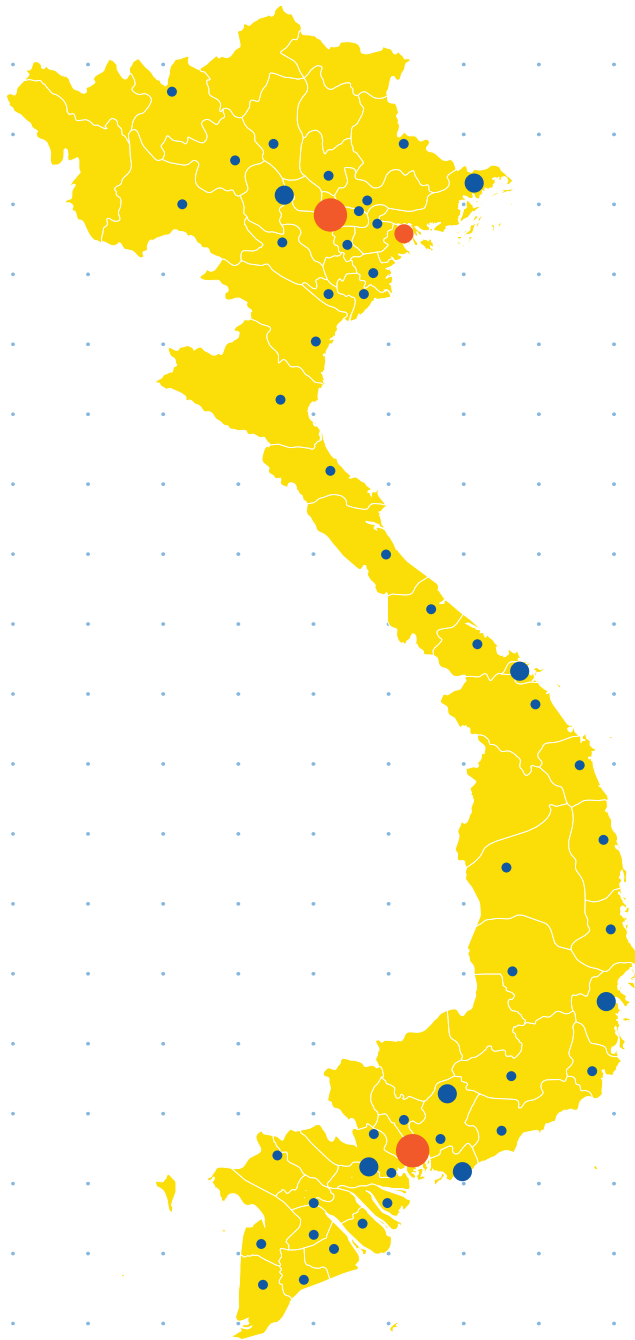
# 2017

Đây là năm mở đầu quan trọng của giai đoạn chiến lược mới 2017-2021, trong đó MB định hướng tầm nhìn "Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất" với mục tiêu đến năm 2021 sẽ nằm trong Top 5 hệ thống Ngân hàng Việt Nam về hiệu quả kinh doanh và an toàn. Năm 2017, MB đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, bứt phá trong hoạt động kinh doanh, các chỉ tiêu kinh doanh của ngân hàng cũng đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Với kết quả này, MB nằm trong nhóm dẫn đầu về lợi nhuận trong các ngân hàng TMCP không có vốn chi phối của nhà nước. Đồng thời, MB cũng thực sự ghi nhiều dấu ấn trong hoạt động kinh doanh nhờ sự thay đổi quyết liệt trong điều hành và quản trị ngân hàng, năng suất lao động bình quân năm tăng hơn 20%, mức tăng ấn tượng, chưa từng có trong những năm qua.

# ĐỊA BÀN KINH DOANH

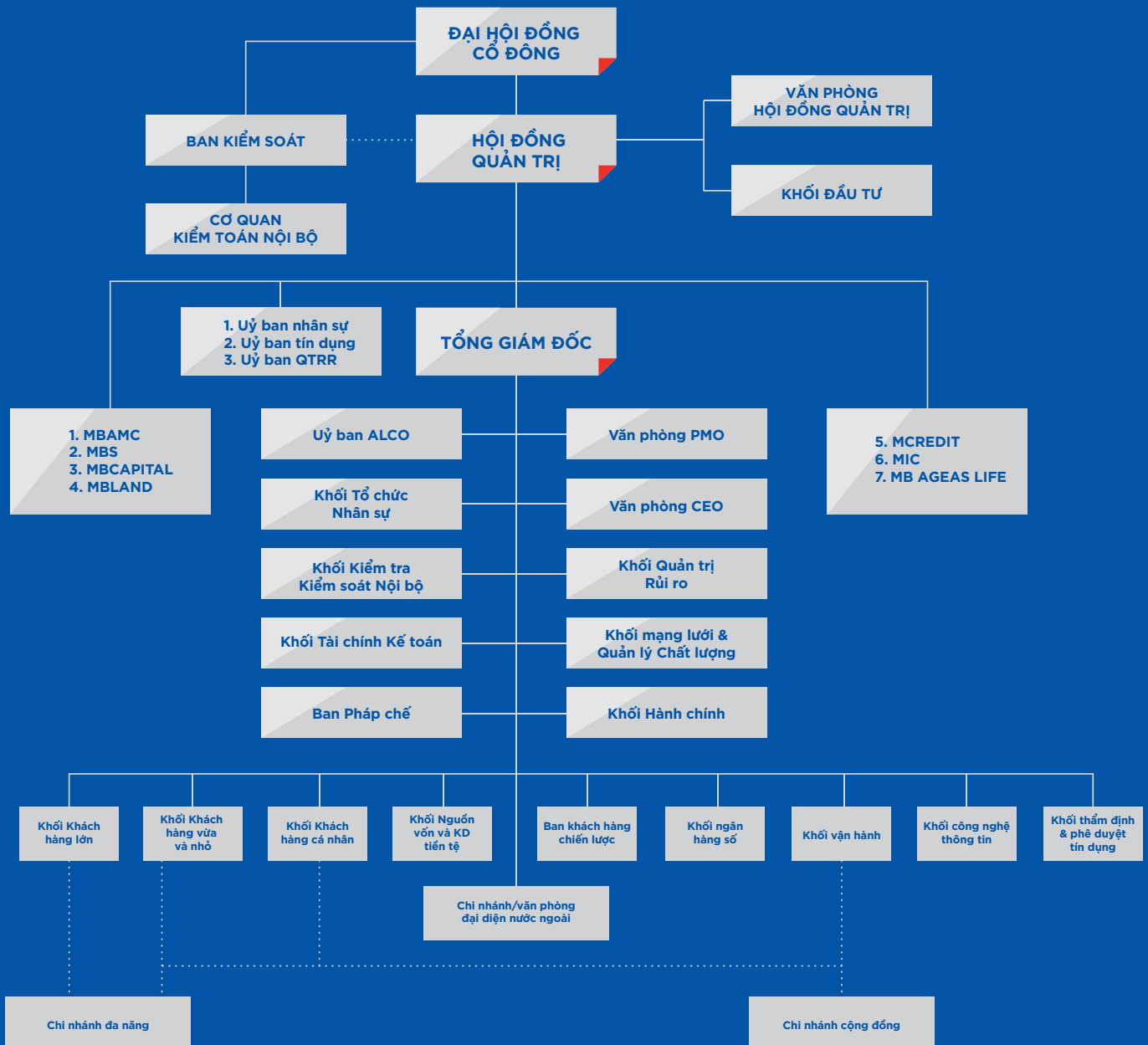
Tính tới 31/12/2017, hệ thống mạng lưới MB bao gồm 01 Trụ sở chính và 285 điểm giao dịch được cấp phép đi vào hoạt động, trong đó có:

- 94 Chi nhánh và 188 Phòng giao dịch ở trong nước
- 2 Chi nhánh tại nước ngoài (Lào, Campuchia)
- 1 Văn phòng đại diện tại Nga



|                          |           |
|--------------------------|-----------|
| <b>Hà Nội</b> .....      | <b>68</b> |
| Hưng Yên .....           | 4         |
| Bắc Ninh .....           | 3         |
| Hải Phòng .....          | 13        |
| Hải Dương .....          | 3         |
| Quảng Ninh .....         | 7         |
| Việt Trì .....           | 5         |
| Vĩnh Phúc .....          | 2         |
| Thái Nguyên .....        | 4         |
| Ninh Bình .....          | 4         |
| Thanh Hóa .....          | 4         |
| Nghệ An .....            | 4         |
| Lào Cai .....            | 3         |
| Bắc Giang .....          | 2         |
| Thái Bình .....          | 3         |
| Hà Tĩnh .....            | 3         |
| Nam Định .....           | 3         |
| Hà Nam .....             | 2         |
| Hòa Bình .....           | 1         |
| Sơn La .....             | 2         |
| Lạng sơn .....           | 1         |
| Tuyên Quang .....        | 1         |
| Yên Bái .....            | 1         |
| Huế .....                | 4         |
| Quảng Trị .....          | 2         |
| Đà Nẵng .....            | 8         |
| Quảng Nam .....          | 4         |
| Quảng Ngãi .....         | 3         |
| Bình Định .....          | 3         |
| Khánh Hòa .....          | 5         |
| Đắk Lắk .....            | 3         |
| Gia Lai .....            | 3         |
| Quảng Bình .....         | 1         |
| Phú Yên .....            | 1         |
| <b>Hồ Chí Minh</b> ..... | <b>48</b> |
| Đồng Nai .....           | 6         |
| Bà Rịa Vũng Tàu .....    | 5         |
| Cần Thơ .....            | 4         |
| Bình Dương .....         | 7         |
| An Giang .....           | 4         |
| Đồng Tháp .....          | 2         |
| Long An .....            | 2         |
| Kiên Giang .....         | 4         |
| Tây Ninh .....           | 4         |
| Tiền Giang .....         | 2         |
| Cà Mau .....             | 1         |
| Lâm Đồng .....           | 4         |
| Bình Thuận .....         | 2         |
| Bình Phước .....         | 3         |
| Bến Tre .....            | 1         |
| Sóc Trăng .....          | 1         |
| Vĩnh Long .....          | 1         |
| Trà Vinh .....           | 1         |

# CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



# CÔNG TY THÀNH VIÊN



## CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

**Giấy phép hoạt động:** 0105281799 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/9/2002  
**Lĩnh vực kinh doanh:** Quản lý nợ và khai thác tài sản  
**Vốn điều lệ (Tỷ VND):** 1.082,68  
**Tỷ lệ sở hữu của MB:** 100,00%



## CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MB SHINSEI

**Giấy phép hoạt động:** Giấy phép số 58/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 21/9/2017  
**Lĩnh vực kinh doanh:** Tài chính tiêu dùng  
**Vốn điều lệ (Tỷ VND):** 500,00  
**Tỷ lệ sở hữu của MB:** 50,00%



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

**Giấy phép hoạt động:** Giấy phép số 07/UBCK-GP do UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 29/09/2006  
**Lĩnh vực kinh doanh:** Quản lý quỹ đầu tư  
**Vốn điều lệ (Tỷ VND):** 323,79  
**Tỷ lệ sở hữu của MB:** 90,77%



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

**Giấy phép hoạt động:** Giấy phép số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 9/12/2013  
**Lĩnh vực kinh doanh:** Môi giới đầu tư & kinh doanh chứng khoán  
**Vốn điều lệ (Tỷ VND):** 1.221,00  
**Tỷ lệ sở hữu của MB:** 79,52%



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

**Giấy phép hoạt động:** 43 GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp lần đầu ngày 8/10/2007  
**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh bảo hiểm Phi nhân thọ  
**Vốn điều lệ (Tỷ VND):** 800,00  
**Tỷ lệ sở hữu của MB:** 69,58%



## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MBLAND

(Sở hữu gián tiếp thông qua MBAMC)

**Giấy phép hoạt động:** 0102631822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/01/2008  
**Lĩnh vực kinh doanh:** Đầu tư & Kinh doanh bất động sản  
**Vốn điều lệ (Tỷ VND):** 653,73  
**Tỷ lệ sở hữu của MB:** 65,29%



## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MB AGEAS

**Giấy phép hoạt động:** 74/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 21/07/2016  
**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính  
**Vốn điều lệ (Tỷ VND):** 1.100,00  
**Tỷ lệ sở hữu của MB:** 61,00%



# ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

2018

## I. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC NĂM 2018

Năm 2017, thực hiện chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, MB đã bắt tay vào triển khai chiến lược giai đoạn 2017-2021 với việc tập trung thực hiện đồng bộ 4 chuyển dịch chiến lược then chốt bao gồm Chuyển dịch Ngân hàng số, Chuyển dịch Nâng cao quan hệ khách hàng, chuyển dịch Quản trị rủi ro vượt trội và Chuyển dịch nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty thành viên. Sau 1 năm quyết tâm triển khai các giải pháp chiến lược, MB đã đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ, bứt phá trong hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận của ngân hàng đạt 5.355 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch 125%, tăng 44% so với năm 2016. Cùng với đó là sự tăng trưởng ở tất cả các chỉ tiêu chiến lược như Quy mô khách hàng sử dụng kênh số tăng gấp 3 lần so với năm 2016, tỷ lệ khách hàng hoạt động tăng 4,7%, hiệu suất bán hàng của RM tăng bình quân 15%. Chất lượng quan hệ khách hàng không ngừng được cải thiện, thời gian cấp tín dụng cho khách hàng giảm ở tất cả các phân khúc, chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt, tỷ lệ nợ xấu là 1,21%, thấp hơn nhiều so với mức chung của ngành.

Năm 2018, MB tiếp tục kiên định triển khai các chuyển dịch chiến lược đã xây dựng bao gồm:

- Chuyển dịch ngân hàng số: Tăng cường năng lực kinh doanh Số, tổ chức kinh doanh trực tiếp trên kênh số và kênh đối tác chiến lược, bán chéo trên kênh truyền thống; Tái kiến trúc ứng

dụng CNTT và nâng cấp hệ thống quản lý quy trình BPM phục vụ chuyển dịch Số.

- Chuyển dịch nâng cao quan hệ khách hàng: Khối SME dẫn dắt các chi nhánh ngân hàng cộng đồng và phòng giao dịch trở thành ngân hàng thuận tiện nhất tại cộng đồng địa phương; khối KHCCN được bao quát bởi kế hoạch Số và kinh doanh có hiệu quả danh mục sản phẩm KHCCN; Khối CIB tổ chức kinh doanh trực tiếp tại các hub/ chi nhánh đa năng theo phương pháp ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, trở thành ngân hàng phục vụ chính cho khoảng 60-100 khách hàng lớn, triển khai mạnh mô hình kinh doanh khách hàng FDI và hoàn thiện mô hình kinh doanh IB.

- Chuyển dịch Quản trị rủi ro vượt trội: Hoàn thành dự án PD và ứng dụng mạnh mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng; Tiếp tục triển khai và hoàn thiện mô hình thu hồi nợ, tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm; xây dựng khung quản trị rủi ro công nghệ thông tin và ứng dụng công cụ rủi ro hoạt động để đo lường, giám sát rủi ro Công nghệ thông tin của ngân hàng.

- Tiếp tục định hướng, quản lý hiệu quả hoạt động Công ty thành viên chặt chẽ, tăng tỷ trọng đóng góp lợi nhuận của các công ty thành viên trong tập đoàn theo mục tiêu chiến lược.

2017

## II. CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2017-2021

### 1. TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC:

“Trở thành ngân hàng thuận tiện nhất”

### 2. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC:

“TOP5 về hiệu quả kinh doanh và an toàn”

### 3. PHƯƠNG CHÂM CHIẾN LƯỢC:

“Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững”

### 4. NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI PHÁT TRIỂN TRÊN 03 TRỤ CỘT CHIẾN LƯỢC

Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, Ngân hàng số và 2 nền tảng chiến lược Quản trị rủi ro vượt trội, Năng lực thực thi nhanh; Trọng tâm vào 04 chuyển dịch then chốt là Chuyển dịch ngân hàng số, Nâng cao quan hệ khách hàng, Quản trị rủi ro vượt trội, Nâng cao hiệu quả hoạt động công ty thành viên; Thực hiện đồng bộ 4 nhóm giải pháp: Quản trị điều hành, Kinh doanh, Công nghệ, Nhân sự.

2021

# QUẢN TRỊ RỦI RO

## TỐI ƯU CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ VÀ HOÀN THIỆN THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ

2017

2021

Năm 2017 là năm đầu tiên MB chính thức triển khai Chiến lược giai đoạn 2017 - 2021 với phương châm “Tăng trưởng đột phá, Hiệu quả - An toàn”, dựa trên 3 trụ cột: ngân hàng cộng đồng, ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, ngân hàng số; và 2 nền tảng: quản trị rủi ro vượt trội và năng lực thực thi nhanh. Với định hướng chiến lược mới, MB đã thực thi nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro với mục tiêu đồng hành cùng kinh doanh, đáp ứng xu hướng của thị trường tài chính cũng như yêu cầu tuân thủ Basel II của NHNN. Quản trị rủi ro quản lý, kiểm soát toàn diện và hiệu quả các loại rủi ro trên toàn tập đoàn, đóng góp tích cực vào kết quả chung của toàn ngân hàng, hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, quản trị tốt chất lượng danh mục, kiểm soát các giới hạn an toàn tuân thủ quy định.

### VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC:

MB đã tổ chức ứng dụng mô hình 3 vòng bảo vệ vào hoạt động quản trị của ngân hàng đảm bảo phân tách rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tránh chồng chéo, tăng ý thức trách nhiệm của toàn ngân hàng trong việc nhận diện, đánh giá, theo dõi và kiểm soát rủi ro. Trong đó, các khâu tiềm ẩn rủi ro xung đột lợi ích như bán hàng, thẩm định, phê duyệt và hỗ trợ tín dụng được thực hiện bởi các đơn vị độc lập nhau, đảm bảo khách quan, minh bạch. Đồng thời, để kiểm soát tốt rủi ro, hạn chế phát sinh lỗi do sai sót/cố ý vi phạm, MB đã tổ chức tập trung tại Hội sở các chức năng: thẩm định, phê duyệt, hỗ trợ tín dụng; kế toán - tài chính, nhân sự, công nghệ thông tin. Theo đó, Các chi nhánh của MB được giải phóng nguồn lực tối đa để phát triển kinh doanh, nhưng vẫn đảm bảo rủi ro được kiểm soát khi quy mô kinh doanh và khối lượng khách hàng ngày càng lớn.

### VỀ KHUNG CHÍNH SÁCH:

Khung quản trị rủi ro toàn hàng tiếp tục được kiện toàn đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro công nghệ, rủi ro pháp lý, ...) theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO; ISO. Ngoài ra, năm 2017 MB cũng tập trung quản trị đối với rủi ro công nghệ - rủi ro đặc trưng của kỷ nguyên công nghệ

số 4.0. Theo đó, MB đã và đang áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất để quản trị loại rủi ro này như tiêu chuẩn COBIT, ITIL, tiêu chuẩn ISO 27001. Đồng thời trong bối cảnh rủi ro đạo đức phát sinh ngày càng nhiều trên thị trường quốc tế và Việt Nam, MB đã từng bước xây dựng khung quản trị rủi ro gian lận nhằm chủ động phòng ngừa, giảm thiểu những tổn thất tài chính cũng như những tác động tiêu cực đến uy tín, hình ảnh của ngân hàng và bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

Song song với việc kiện toàn khung quản trị rủi ro tại ngân hàng, MB cũng đã cơ bản hoàn tất việc thiết lập nền tảng quản trị rủi ro tại các công ty con. Sự kết nối chặt chẽ giữa quản trị rủi ro của ngân hàng với quản trị rủi ro của các công ty con đảm bảo chiến lược, chính sách về rủi ro được triển khai xuyên suốt và thống nhất trong toàn tập đoàn.

### VỀ CÁC MÔ HÌNH CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG RỦI RO:

Năm 2017, MB tập trung triển khai xây dựng các mô hình đo lường rủi ro tín dụng PD (xác suất vỡ nợ), LGD (tỷ lệ tổn thất khi khách hàng vỡ nợ), EAD (giá trị chịu rủi ro khi KH vỡ nợ) theo tiêu chuẩn nâng cao (AIRB - Phương pháp dựa trên xếp hạng nội bộ nâng cao) của Basel 2. Mục tiêu là ứng dụng các mô hình này vào công tác thẩm định, phê duyệt tín dụng, nâng cao hiệu quả và an toàn trong hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng. Ngoài ra, các mô hình/công cụ đo lường cho các loại rủi ro khác nhau đã được MB xây dựng trong giai đoạn trước như (VaR - Giá trị chịu rủi ro, khe hở thanh khoản, khe hở tài định giá, công cụ Thu thập dữ liệu tổn thất LDC; Tự đánh giá rủi ro và các biện pháp kiểm soát RCSA; Chỉ số rủi ro chính KRI...) tiếp tục được MB ứng dụng mạnh mẽ trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh và quản trị, điều hành, đảm bảo các quyết định đều được cân nhắc kỹ lưỡng trên cơ sở cân bằng thu nhập - rủi ro.

### VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO:

Năm 2017 tiếp tục là một năm MB ứng dụng mạnh mẽ công nghệ vào hoạt động quản trị rủi ro. Năm nay, điểm nhấn của việc ứng dụng các phần mềm quản trị rủi ro là tính kết nối cao với nhu cầu kinh doanh, đảm bảo một phần mềm phục vụ đa dạng các nhu cầu của ngân hàng.



# RISK MANAGEMENT

Đồng thời, MB cũng đã chủ động xây dựng và đưa vào ứng dụng phần mềm tính toán tài sản có rủi ro theo Basel 2, cung cấp cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và đưa ra các quyết định về phân bổ vốn. Như vậy, việc ứng dụng các công nghệ này không chỉ hỗ trợ hiệu quả cho công tác giám sát rủi ro tại MB, giúp tăng cường hiệu lực thực thi của Khung chính sách đã được xây dựng, mà cũng tạo ra các giá trị hỗ trợ phát triển kinh doanh.

## VỀ VĂN HÓA QUẢN TRỊ RỦI RO:

Cùng với việc ứng dụng mô hình 3 vòng bảo vệ và tăng cường truyền thông về rủi ro trong toàn ngân hàng, văn hóa quản trị rủi ro của toàn bộ cán bộ nhân viên MB không ngừng được củng cố và nâng cao. Mỗi cán bộ nhân viên MB đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cân nhắc các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, việc cảnh báo rủi ro và chia sẻ, truyền thông bài học kinh nghiệm từ các rủi ro đã xảy ra được MB thực hiện thường xuyên, liên tục, giúp các cán bộ nhân viên nâng cao ý thức tuân thủ các quy định pháp luật, quy định/quy trình nội bộ.

Trong thời gian tới, xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung và chuyển dịch ngân hàng số nói riêng của MB sẽ đòi hỏi năng lực quản trị rủi ro tiếp tục chuyển mình để đảm bảo quản trị hiệu quả những rủi ro phát sinh từ mô hình kinh doanh mới. Cụ thể, là yêu cầu về nâng cao năng lực đo lường, cảnh báo rủi ro, năng lực phân tích dữ liệu lớn và tăng cường kết nối, tương tác với các đơn vị kinh doanh. Với chiến lược quản trị rủi ro giai đoạn 2017 - 2021 đã được xác định rõ, trong đó lấy việc triển khai và ứng dụng Basel 2 làm cốt lõi, MB đã xác định được rõ ràng lộ trình, các chương trình hành động để củng cố ngày càng vững chắc nền tảng quản trị rủi ro vượt trội đã thiết lập trong thời gian qua. Với những nỗ lực trong thời gian qua, sự bài bản trong triển khai và sự ủng hộ cao của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo ngân hàng, sự quyết tâm đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên..., quản trị rủi ro tại MB chắc chắn sẽ có những bước tiến mới, thay đổi mạnh mẽ về chất và thể hiện tốt vai trò là một trong hai nền tảng vững chắc giúp MB khẳng định vị thế trên thị trường và là một trong các ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam, “năng động trong kinh doanh và chắc chắn trong công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro.”



## HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Hoạt động kinh doanh 2017  
.....
- Tổ chức và nhân sự MB  
.....
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án  
.....
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
.....
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

# HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2017

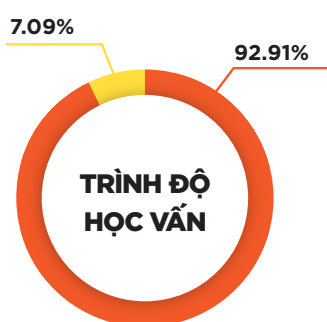
| CHỈ TIÊU CHUNG                                    | ĐƠN VỊ TÍNH   | NĂM 2016 | NĂM 2017 | % TĂNG GIẢM |
|---|---------------|----------|----------|-------------|
| Điểm giao dịch (bao gồm trụ sở chính)*            | Số ĐGD        | 269      | 286      |             |
| Số cán bộ nhân viên<br>(ngân hàng và công ty con) | Người         | 10,656   | 13,094   |             |
| <b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>                         |               |          |          |             |
| <b>1. QUY MÔ VỐN</b>                              |               |          |          |             |
| Vốn chủ sở hữu                                    | tỷ đồng       | 26,588   | 29,601   | 11          |
| Trong đó: Vốn điều lệ                             | tỷ đồng       | 17,127   | 18,155   | 6           |
| Tổng tài sản                                      | tỷ đồng       | 256,259  | 313,878  | 22          |
| Tỷ lệ an toàn Vốn CAR                             | %             | 12.5     | 12.0     |             |
| <b>2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>            |               |          |          |             |
| Tiền gửi của TCKT và cá nhân                      | tỷ đồng       | 194,812  | 220,176  | 13          |
| Tổng dư nợ cho vay                                | tỷ đồng       | 150,738  | 184,188  | 22          |
| Doanh thu   | tỷ đồng       | 18,085   | 25,140   | 39          |
| Lợi nhuận từ HĐKD trước dự phòng                  | tỷ đồng       | 5,681    | 7,868    |             |
| Chi phí thuế TNDN                                 | tỷ đồng       | 767      | 1,125    |             |
| Thu nhập lãi thuần                                | tỷ đồng       | 7,979    | 11,219   | 41          |
| Lợi nhuận trước thuế                              | tỷ đồng       | 3,651    | 4,616    | 26          |
| Lợi nhuận sau thuế                                | tỷ đồng       | 2,884    | 3,490    | 21          |
| ROE (LNST/VCSH bình quân)*                        | %             | 12.6     | 16.1     |             |
| ROA (LNST/Tổng tài sản bình quân)*                | %             | 1.3      | 1.5      |             |
| Chi phí dự phòng rủi ro                           | tỷ đồng       | 2,030    | 3,252    |             |
| Tỷ lệ nợ xấu                                      | %             | 1.32     | 1.20     |             |
| EPS   | Đồng/cổ phiếu | 1,625    | 1,953    |             |
| <b>3. KHẢ NĂNG THANH KHOẢN</b>                    |               |          |          |             |
| Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (>=10%)                  | %             | 22       | 22       |             |
| Tỷ lệ chi trả 30D VND (>=50%)                     | %             | 87       | 82       |             |
| Tỷ lệ chi trả 30D ngoại tệ (>=10%)                | %             | 199      | 96       |             |
| <b>(*) Riêng ngân hàng</b>                        |               |          |          |             |

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ MB

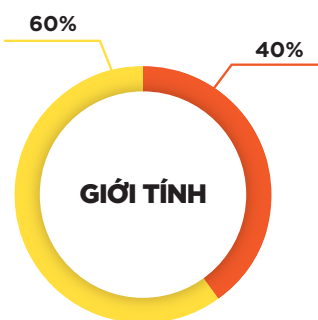
## THỐNG KÊ NHÂN SỰ

Nhân sự thời điểm 31/12/2017

# 8,129

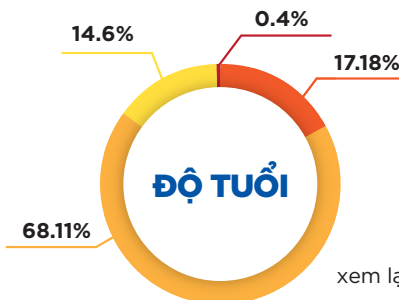
 CBNV


- Đại học & Trên Đại học (7553/8129)
- Cao đẳng trở xuống (576/8129)



- Nam (3261/8129)
- Nữ (4868/8129)

TUỔI ĐỜI BÌNH QUÂN  
**29 TUỔI**



- Dưới 25 (1397/8129)
  - 25 - 35 (5537/8129)
  - 35 - 50 (1187/8129)
  - >= 50 (31/8129)
- xem lại màu

## CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

# THU NHẬP BÌNH QUÂN: 25.85 TRĐ

(Riêng Ngân hàng)

## GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**ÔNG LÊ HỮU ĐỨC**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thượng tướng Lê Hữu Đức, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, tốt nghiệp tiến sỹ tại Học viện Quốc phòng. Ông có 20 năm giữ các chức vụ chủ chốt tại Quân chủng phòng không - Không quân. Là Chủ tịch HĐQT MB từ năm 2011 đến nay, Ông đã ghi dấu ấn đậm nét về chỉ đạo xây dựng mô hình quản trị, định hướng chiến lược và phương thức quản lý của mình tại MB. Đồng thời, Ông cũng chỉ đạo rất quyết liệt hoạt động tái cơ cấu toàn diện các công ty thành viên, mang lại kết quả rất tích cực cho các công ty. Ông cũng là người củng cố bản sắc quân đội trong văn hóa doanh nghiệp MB với phương châm “Kỷ luật nghiêm - Thượng tôn pháp luật - Hiệu quả - An toàn - Không sợ cạnh tranh - Có trách nhiệm với xã hội”.

### THAY ĐỔI CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Không có thay đổi trong năm.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**ÔNG NGUYỄN MẠNH HÙNG**  
Phó Chủ tịch HĐQT

Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học KTQD, Thạc sỹ Điện tử - Viễn thông - ĐH Tổng hợp Sydney (Úc), Kỹ sư vô tuyến điện - Học viện thông tin Ulianop (Nga). Ông đã có nhiều năm gắn bó và đóng góp quan trọng vào sự thành công và phát triển của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel). Tham gia HĐQT MB từ năm 2009, Ông Hùng là cầu nối gắn kết giữa MB và Viettel trong việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ với hàm lượng công nghệ cao. Khuyến khích CBNV phát huy tính sáng tạo, ham học hỏi và luôn đổi mới là yếu tố thành công đã và đang được Ông truyền lại cho MB. Hiện Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng là Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel. Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng hiện là Ủy viên BCH Trung ương Đảng Khóa XII.



**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



**ÔNG LƯU TRUNG THÁI**  
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii - Mỹ. Ông Thái đã có 20 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như Phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng Giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Ngày 16/01/2017, ông được HĐQT tín nhiệm bầu làm Tổng Giám đốc MB. Ông Thái đảm nhiệm các chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc MB; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần bưu chính Viettel, Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính TNHH MTV MB (từ 04/02/2016 đến ngày 12/01/2017).

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



**ÔNG LÊ CÔNG**  
Phó Chủ tịch HĐQT

Thiếu tướng Lê Công tốt nghiệp cử nhân kinh tế Đại học Tài chính Kế toán, tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội và là Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính. Ông gia nhập MB từ 1995 và trước đó đã có 16 năm công tác tại Bộ Quốc phòng. Từ năm 1997 - 2010, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MB. Năm 2010, Ông được HĐQT đề bạt làm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Ông Lê Công được đánh giá là một trong những Tổng Giám đốc NHTM có uy tín, đạt được nhiều thành công và được NHNN đánh giá cao trong những năm qua. Năm 2013, với những thành tích và đóng góp trong quá trình công tác, Ông vinh dự được thăng quân hàm Thiếu tướng, đứng trong hàng ngũ các tướng lĩnh quân đội tham gia mặt trận kinh tế. Ghi nhận những cống hiến của Ông đối với sự phát triển của Ngân hàng, năm 2014, ông vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3. Hiện Ông là Phó Chủ tịch HĐQT MB; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hóa dầu Quân đội.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



**ÔNG HÀ TIẾN DŨNG**  
Thành viên HĐQT

Thiếu tướng Hà Tiến Dũng tốt nghiệp Học viện Gagarin, cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông Hà Tiến Dũng có gần 18 năm ở các cương vị quản lý cấp cao tại Tổng Công ty Bay dịch vụ Việt Nam (nay là Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam). Ông đã tham gia HĐQT MB từ năm 2009 và hiện là Tư lệnh binh đoàn 18; Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tổng Công Ty MB Land; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại Hải Âu.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



**ÔNG NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM**  
Thành viên HĐQT

Thiếu tướng Nguyễn Đăng Nghiêm tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đại học Hàng Hải. Ông đã có hơn 26 năm kinh nghiệm tại nhiều vị trí quan trọng trong Quân cảng Sài Gòn. Ông Nghiêm đã tham gia HĐQT MB từ năm 2009 và đã có nhiều đóng góp giúp tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa MB và Tân Cảng. Ngoài vai trò Thành viên HĐQT MB, Ông giữ chức vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Cát Lái; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tân Cảng - Cái Mép.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



**ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG**  
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp cử nhân kinh tế Praha Tiếp Khắc. Ông đã có nhiều kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp với vai trò Thành viên HĐQT Tổng Công ty 28. Hiện tại, ngoài vai trò là Thành viên HĐQT MB, Ông là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



**BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC**  
Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học California Miramar. Bà Ngọc là một trong những thành viên gia nhập MB từ những ngày đầu. Bà Ngọc đã trải qua nhiều lĩnh vực công tác tại MB từ quản lý dự án đầu tư, kế hoạch, pháp chế và là người lãnh đạo Văn phòng HĐQT từ khi thành lập văn phòng. Bà Ngọc có nhiều đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị công ty của MB tiên tiến, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Bà Ngọc hiện là Thành viên HĐQT MB, Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MBCapital).

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



**BÀ NGUYỄN THỊ THỦY**  
Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Thủy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - ĐH Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ. Bà Thủy là một trong những cán bộ gắn bó lâu năm với MB, là người quản lý, xây dựng chi nhánh Thăng Long trở thành chi nhánh hàng đầu MB, góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tốt cho hệ thống MB với nhiều Giám đốc chi nhánh, cán bộ quản lý trưởng thành từ MB Thăng Long. Bà Thủy hiện là Thành viên HĐQT MB, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



**ÔNG NGUYỄN VĂN HUỆ**  
Thành viên HĐQT độc lập

Ông Nguyễn Văn Huệ tốt nghiệp thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - ĐH Kinh tế Quốc Dân. Ông Huệ đã từng giữ những chức vụ quan trọng tại Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng như Trưởng phòng Kế hoạch Ngân sách, Chi Cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp. Được Đại hội đồng cổ đông tin nhiệm bầu là thành viên Hội đồng quản trị độc lập từ ngày 23/4/2014, Ông đồng thời là thành viên Ủy ban Quản trị rủi ro của MB.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**

**ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH**  
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Chí Thành tốt nghiệp Thạc sĩ quản lý chính sách công, Viện nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản (GRIPS). Ông Thành đã có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và trên 10 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý rủi ro, đầu tư tài chính. Ông đã từng giữ các chức vụ quan trọng tại Vụ quản lý ngoại hối Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Kể từ Đại hội cổ đông thường niên MB 2016 (28/04/2016), Ông đã trúng cử là thành viên HĐQT, đồng thời là người đại diện phần vốn góp của SCIC tại MB. Hiện tại Ông đang đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng giám đốc Phụ trách Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Domesco, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Tháp Truyền hình Việt Nam.

**THÀNH VIÊN  
BAN KIỂM  
SOÁT**



**BÀ VŨ THỊ HẢI PHƯỢNG**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hải Phượng tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế tại Học viện Ngân hàng. Bà được bầu vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Bà công tác tại Ngân hàng TMCP Quân đội từ những ngày đầu thành lập (năm 1994) và đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý trước khi là Trưởng Ban Kiểm soát như: Giám đốc Phòng giao dịch, Giám đốc Chi nhánh Lý Nam Đế, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Phó Giám đốc/Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ, Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính, Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Phía Nam, Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Mạng lưới và Phân phối.

**THÀNH VIÊN  
BAN KIỂM  
SOÁT**



**BÀ LÊ MINH HỒNG**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Minh Hồng tốt nghiệp Tiến sỹ Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà được bầu vào Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Bà Lê Minh Hồng tham gia quản trị ngân hàng MB từ tháng 4/2013 với vai trò thành viên HĐQT độc lập (nhiệm kỳ 2009-2014). Bà đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty quản lý quỹ đầu tư MB từ tháng 10/2014 đến 04/2017. Trước khi gia nhập MB, Bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tín dụng và cơ quan nhà nước: Phó Tổng giám đốc Quý tín dụng nhân dân Trung ương, Vụ Phó/Hàm Vụ trưởng Vụ Đổi mới doanh nghiệp - Văn phòng Chính phủ.

**THÀNH VIÊN  
BAN KIỂM  
SOÁT**



**ÔNG ĐẶNG QUỐC TIẾN**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Đặng Quốc Tiến tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại Đại học Ngoại Thương và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Pacific Western. Ông được bầu vào Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Ông công tác tại Ngân hàng TMCP Quân đội từ năm 1996 và từng đảm nhiệm các vị trí quản lý trước khi là thành viên Ban Kiểm soát như: Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Phía Nam.

**THÀNH VIÊN  
BAN KIỂM  
SOÁT**



**BÀ NGUYỄN THANH BÌNH**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thanh Bình tốt nghiệp Cử nhân Tài chính doanh nghiệp tại Đại học Kinh tế Praha. Bà được bầu vào Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội từ tháng 6/2009 (nhiệm kỳ 2009 - 2014) và bầu lại vào tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Trước khi tham gia Ban Kiểm soát, Bà đã có 30 năm kinh nghiệm quản lý tài chính doanh nghiệp tại Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng - Bộ Quốc Phòng. Bà cũng đảm nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Chứng khoán MB từ tháng 12/2011 đến 4/2016 (nhiệm kỳ 2008-2013 và 2013-2018).

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**ÔNG LƯU TRUNG THÁI**

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii - Mỹ. Ông Thái đã có hơn 20 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như: Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng Giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được tín nhiệm bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Ông Lưu Trung Thái đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT MB; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần bưu chính Viettel; Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính TNHH MTV MB (từ 4/2/2016 đến ngày 12/1/2017). Từ ngày 16/1/2017, Ông được Hội đồng Quản trị tín nhiệm bổ nhiệm là Tổng Giám đốc MB.

**THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM**

Ông Lê Công giữ chức vụ Tổng Giám Đốc đến ngày 16/01/2017

Ông Lưu Trung Thái được bổ nhiệm Tổng Giám Đốc ngày 16/01/2017

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**ÔNG ĐỖ VĂN HƯNG**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Văn Hưng tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính-ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và cử nhân Anh văn Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông gia nhập MB từ năm 1999 và từng nhiều năm liền giữ các vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Thanh toán quốc tế, Trưởng khối Tổ chức - Nhân sự - Hành chính. Từ tháng 10/2005, Ông Hưng được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc. Hiện nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc - Bí thư Đảng ủy Ngân hàng phụ trách công tác Đảng và Khối Hành chính của ngân hàng.



**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**BÀ PHẠM THỊ TRUNG HÀ**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế, Bà Hà có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại MB. Bà từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Từ tháng 4/2011, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc. Hiện nay Bà đang phụ trách khối Quản trị rủi ro, Cơ quan Pháp chế của MB & là chủ tịch Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC).

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**ÔNG LÊ HẢI**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Hải tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, đã được đào tạo tại Học viện Tài chính, Học viện Hậu Cần, Đại học Kinh tế Quốc Dân. Gia nhập từ năm 1998, Ông từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại ngân hàng như Giám đốc chi nhánh Việt Trì, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ, Giám đốc khối SME, giám đốc khối Khách hàng cá nhân. Từ tháng 08/2013, ông Lê Hải được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB. Hiện Ông đang phụ trách Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng.

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**ÔNG TRẦN MINH ĐẠT**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Đạt tốt nghiệp thạc sỹ tài chính - Đại học Kinh tế quốc dân và nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB từ năm 2008 như Giám đốc chi nhánh Hai Bà Trưng, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ. Tháng 11/2014, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của MB chỉ đạo trực tiếp các hoạt động của Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng.

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**BÀ NGUYỄN MINH CHÂU**  
THÀNH VIÊN CAO CẤP BAN ĐIỀU HÀNH

Bà Châu tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng Tài chính Trường Đại học Kinh tế Paris Dauphine của Pháp và Trường Cao học Quản lý Kinh tế Châu Âu ESCP - EAP. Bà chính thức trở thành thành viên của MB từ tháng 11/2009 với vị trí Phó Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm về hoạt động Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ. Hiện nay, Bà đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei.

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**BÀ NGUYỄN THỊ AN BÌNH**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế - chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Bà Nguyễn Thị An Bình đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và gắn bó với MB từ ngày đầu thành lập. Bà có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực như kiểm tra kiểm soát nội bộ; hành chính và quản lý chất lượng; thiết kế và cải tiến quy trình theo hướng tin học hóa. Bà Bình nhiều năm liên quản lý và dẫn dắt Khối Kiểm soát nội bộ đạt các danh hiệu xuất sắc tại MB và được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen năm 2009. Bà Nguyễn Thị An Bình được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc từ tháng 11/2009 và hiện đang phụ trách Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ.

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**ÔNG LÊ QUỐC MINH**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàn thành thạc sỹ trường Đại học Kinh tế Quốc dân, chuyên ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, ông Lê Quốc Minh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Trong 12 năm công tác tại MB, ông Lê Quốc Minh đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Ninh Bình; Phó Giám đốc khối Doanh nghiệp lớn và các định chế tài chính; Giám đốc khối khách hàng lớn. Tháng 11/2015, ông Lê Quốc Minh chính thức được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB, phụ trách Ban Khách hàng chiến lược, văn phòng đại diện MB tại Nga, đồng thời là Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần chứng khoán MB (MBS).

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**BÀ LÊ THỊ LỢI**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM  
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Bà Lê Thị Lợi tốt nghiệp Tiến sỹ Tài chính ngân hàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp với MB từ những ngày đầu thành lập ngân hàng. Tại chi nhánh Điện Biên Phủ bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng và đã góp phần đưa chi nhánh này trở thành đơn vị dẫn đầu trong toàn hệ thống MB. Năm 2009, Bà được bổ nhiệm Phó Giám đốc tài chính. Tháng 6/2014, Bà được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính MB.

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**ÔNG UÔNG ĐÔNG HƯNG**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Uông Đông Hưng là một trong những lãnh đạo trẻ đã trưởng thành từ môi trường của MB. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Học viện Ngân hàng và từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các chi nhánh trong hệ thống MB như Giám đốc Chi nhánh Trần Duy Hưng và Giám đốc Sở Giao dịch 1, Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Miền Trung Tây Nguyên. Từ tháng 08/2013, Ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB. Hiện nay, Phó Tổng Giám đốc Uông Đông Hưng phụ trách chi nhánh Lào và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty CP Bảo hiểm Quân đội (MIC).

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**ÔNG HÀ TRỌNG KHIÊM**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàn thành thạc sỹ chuyên ngành kinh tế - quản trị kinh doanh của trường Đại học KHXH và Nhân Văn, ông Hà Trọng Khiêm gia nhập MB từ năm 1996. Trong 21 năm công tác tại MB, ông Hà Trọng Khiêm đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Cần Thơ, Giám đốc chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực phía Nam. Tháng 11/2015, ông Hà Trọng Khiêm chính thức được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách khu vực phía Nam và chi nhánh Campuchia.

**THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU  
HÀNH**



**ÔNG LÊ XUÂN VŨ**  
THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Lê Xuân Vũ tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Northcentral - Hoa Kỳ. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt là lĩnh vực hiện đại hoá ngân hàng và áp dụng các chuẩn mực quốc tế về công tác quản trị các hoạt động tài chính, ngân hàng. Là một lãnh đạo mới gia nhập môi trường MB, Ông Lê Xuân Vũ được giao phụ trách Khối Vận hành của ngân hàng.

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư, dự án lớn : không thực hiện trong năm 2017

Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính các công ty thành viên:

## CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (MBAMC)

|                             |   |
|-----------------------------|---|
| <b>Tên đầy đủ</b>           | : Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội  |
| <b>Tên gọi tắt</b>          | : Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quân Đội  |
| <b>Tên tiếng Anh</b>        | : Military Bank Assets Management Company Limited   |
| <b>Tên viết tắt</b>         | : MBAMC CO., LTD  |
| <b>Logo</b>                 | :    |
| <b>Trụ sở chính</b>         | : Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội                                    |
| <b>Website</b>              | : www.mbamc.com.vn.   |
| <b>Giấy Chứng nhận ĐKKD</b> | : 0105281799 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 và sửa đổi lần thứ 18 ngày 11/07/2014.    |
| <b>Vốn điều lệ</b>          | : 1.082.689.080.000 VND (Một nghìn không trăm tám mươi hai tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). |

MBAMC là Công ty TNHH một thành viên do MB sở hữu 100% vốn điều lệ. MBAMC hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực Xử lý nợ, Quản lý khai thác tài sản và Thẩm định giá tài sản.

Tính đến hết năm 2017, Công ty đã đạt được những kết quả ấn tượng về hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 193% so với năm 2016.

Năm 2018, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lõi, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Khách hàng cũng như của MB. Hoạt động xử lý nợ tiếp tục là thế mạnh kinh doanh trọng yếu, đóng góp lớn nhất vào kết quả hoạt động của MBAMC. Bên cạnh đó, hai hoạt động cốt lõi khác là khai thác tài sản và tư vấn định giá tài sản tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, tăng độ tin cậy và hướng đến chuyên nghiệp. Hiện thực hóa mục tiêu chiến lược đến 2020, MBAMC trở thành Top 3 Công ty AMC thuộc các ngân hàng TMCP hoạt động tại Việt Nam và là Công ty AMC có chất lượng dịch vụ tốt nhất, đặc biệt hiệu quả nhất trong hoạt động xử lý nợ.

## CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MB SHINSEI (MCREDIT)

|                             |  |
|-----------------------------|--|
| <b>Tên đầy đủ</b>           | : Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei  |
| <b>Tên tiếng Anh</b>        | : MB Shinsei Finance Limited Liability Company   |
| <b>Tên viết tắt</b>         | : MB FINANCE   |
| <b>Logo</b>                 | :                                       |
| <b>Trụ sở chính</b>         | : Tầng 12 tòa nhà TNR Tower, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          |
| <b>Website</b>              | : https://mcredit.com.vn/  |
| <b>Giấy Chứng nhận ĐKKD</b> | : số 0107349019 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/10/2017. |
| <b>Vốn điều lệ</b>          | : 500.000.000.000 VND (Năm trăm tỷ đồng).  |

MCredit được thành lập ngày 10/03/2016 với vốn điều lệ 500 tỷ đồng do MB sở hữu 100% vốn. Mcredit đã chính thức khai trương ra mắt hoạt động vào ngày 24/12/2016, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính tín dụng tiêu dùng.

Trong năm 2017, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lõi, mở rộng mạng lưới kinh doanh đến 42 tỉnh thành trên cả nước, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Công ty đã hoàn thành xin chấp thuận của NHNN chuyển đổi hình thức pháp lý Mcredit sang mô hình Công ty TNHH hai thành viên trở lên ngày 21/09/2017 với sự tham gia góp vốn chính của MB và Ngân hàng Shinsei của Nhật Bản.

Với phương châm “Đột phá mạnh mẽ, chiếm lĩnh thị trường”, mục tiêu trong năm 2018, Mcredit sẽ tập trung đa dạng hóa sản phẩm và kênh bán hàng, quản trị chặt chẽ và kiểm soát tốt nợ xấu, phần đầu trở thành 1 trong 5 công ty tài chính tiêu dùng hàng đầu thị trường về quy mô và mạng lưới kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB (MB CAPITAL)

|                      |   |
|----------------------|---|
| <b>Tên đầy đủ</b>    | : Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB   |
| <b>Tên tiếng Anh</b> | : MB Capital Management Joint Stock Company   |
| <b>Tên viết tắt</b>  | : MB Capital  |
| <b>Logo</b>          | :  |
| <b>Trụ sở chính</b>  | : Tầng 8, Số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội                                      |
| <b>Website</b>       | : www.mbcapital.com.vn.   |
| <b>Vốn điều lệ</b>   | : 323.795.000.000 VND (Ba trăm hai mươi ba tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng)   |

**Giấy Chứng nhận ĐKKD:** 07/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 29/09/2006; GP chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần số 21/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 15/11/2007.

MB Capital được thành lập năm 2006 với mức vốn điều lệ ban đầu 10 tỷ đồng. Đến nay, trải qua 12 năm phát triển, MBCapital đã tăng vốn điều lệ lên mức 323,795 tỷ đồng (trong đó, MB sở hữu 90,77% cổ phần).


Hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản ủy thác đầu tư, MBCapital đã khẳng định vị thế là một công ty quản lý quỹ hàng đầu thị trường với tổng tài sản quản lý đạt trên 2.000 tỷ đồng và nằm trong Top 3 công ty quản lý quỹ có lợi nhuận cao nhất.

MB Capital hiện đang quản lý hai quỹ mở cổ phiếu và trái phiếu, một quỹ thành viên có sự tham gia của các đối tác Nhật Bản, đồng thời gia tăng uy tín thông qua quản lý danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Năm 2017, MBCapital đã phát triển mạnh mẽ mảng kinh doanh cốt lõi, doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ, quản lý danh mục tăng 1,8 lần so với năm trước.

Trong năm 2018, công ty tiếp tục chú trọng phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi, nghiên cứu triển khai các sản phẩm đầu tư mới, thành lập quỹ đầu tư mới hướng tới mục tiêu tăng giá trị tài sản quản lý đồng thời nâng cao hiệu quả các quỹ và danh mục đầu tư, duy trì chiến lược Top 3 công ty quản lý quỹ về hiệu quả hoạt động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

|                      |   |
|----------------------|---|
| <b>Tên đầy đủ</b>    | : Công ty Cổ phần Chứng khoán MB  |
| <b>Tên tiếng Anh</b> | : MB Securities Joint Stock Company   |
| <b>Tên viết tắt</b>  | : MBS   |
| <b>Logo</b>          | :                            |
| <b>Trụ sở chính</b>  | : Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội   |
| <b>Website</b>       | : www.mbs.com.vn  |
| <b>Vốn điều lệ</b>   | : 1.221.242.800.000 VND (Một nghìn hai trăm hai mươi mốt tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng). |

Giấy Chứng nhận ĐKKD: 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 12/GPĐC- UBCK ngày 11/06/2014.


MBS hiện có vốn điều lệ 1.221 tỷ VND (trong đó, MB chiếm tỷ lệ 79,52%), hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới, dịch vụ ngân hàng đầu tư và kinh doanh chứng khoán. Được Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) thành lập từ tháng 5 năm 2000, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên ra đời tại Việt Nam.

Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh của MBS có tăng trưởng tốt với doanh thu đạt 846,6 tỷ đồng, tăng trưởng 64% so với năm trước. Giữ vị trí Top 5 các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất. Hoạt động tư vấn doanh nghiệp cũng đạt được doanh thu tăng trưởng mạnh, nằm trong Top 5 các công ty chứng khoán trong nước có doanh thu tư vấn lớn nhất.

Với các nỗ lực trong hoạt động kinh doanh trong năm 2017, MBS đã được Sở GDCK Hà Nội bình chọn là Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2017.

Trong năm 2018, MBS tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, rút ngắn khoảng cách với Top 5 các công ty chứng khoán về doanh thu môi giới và tư vấn doanh nghiệp, đồng thời chú trọng quản trị rủi ro, cải tiến hệ thống công nghệ, cải thiện chất lượng dịch vụ, tăng cường uy tín, thương hiệu MBS với Khách hàng.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI (MIC)

|                            |   |
|----------------------------|---|
| <b>Tên đầy đủ</b>          | : Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội  |
| <b>Tên tiếng Anh</b>       | : Military Insurance Corporation  |
| <b>Tên viết tắt</b>        | : MIC   |
| <b>Logo</b>                | :                                      |
| <b>Trụ sở chính</b>        | : Tầng 15, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội                                      |
| <b>Website</b>             | : www.mic.vn  |
| <b>Giấy phép hoạt động</b> | : Giấy phép cấp lần đầu số 43 GP/KDBH ngày 08/10/2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 43/GPĐC27/KDBH ngày 08/11/2017. |
| <b>Vốn điều lệ</b>         | : 800.000.000.000 VND (Tám trăm tỷ đồng).   |

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội) được thành lập theo Quyết định số 871/BQP ngày 22/2/2007 của Quân ủy Trung ương và Giấy phép số 43GP/KDBH ngày 08/10/2007 của Bộ Tài chính. MB là một trong số các cổ đông sáng lập MIC và hiện là cổ đông lớn nhất của MIC, sở hữu 69,58% cổ phần của MIC.

Bên cạnh những sản phẩm đặc thù phục vụ riêng cho các đơn vị trong quân đội, MIC chú trọng



phát triển và cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ cho nhiều đối tượng Khách hàng và đã khẳng định được hình ảnh, thương hiệu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Trải qua gần 10 năm xây dựng và phát triển, MIC đã phát triển mạnh mẽ với mạng lưới rộng khắp với 63 công ty thành viên tại hầu khắp các tỉnh, thành trên cả nước. Năm 2017, Doanh thu phí bảo hiểm gốc của MIC đạt hơn 1.900 tỷ đồng, tăng trưởng 10,5% và là công ty có thị phần bảo hiểm phi nhân thọ lớn thứ 6 tính theo doanh thu phí bảo hiểm.

Năm 2018, mục tiêu của MIC tiếp tục duy trì vị Top 6 về thị phần bảo hiểm phi nhân thọ rút ngắn khoảng cách về doanh thu với Top 5 công ty trong ngành đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư theo hướng bền vững. Ngoài ra, MIC sẽ chú trọng cải tiến hệ thống công nghệ thông tin và chất lượng dịch vụ để tăng khả năng cạnh tranh trong ngành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MBLAND (MBLAND)



|                             |   |
|-----------------------------|---|
| <b>Tên đầy đủ</b>           | : Công ty cổ phần Tổng công ty MBLand   |
| <b>Tên tiếng Anh</b>        | : MB Real Estate Stock Company  |
| <b>Tên viết tắt</b>         | : Tổng công ty MBLand   |
| <b>Logo</b>                 | :    |
| <b>Trụ sở chính</b>         | : Tầng 4, tháp A, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6 Đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. |
| <b>Website</b>              | : www.mbland.vn   |
| <b>Giấy Chứng nhận ĐKKD</b> | : 0102631822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2008 và sửa đổi lần thứ 15 ngày 21/12/2016.                 |
| <b>Vốn điều lệ</b>          | : 653.730.980.000 VND (Sáu trăm năm mươi ba tỷ bảy trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).                                     |

MBLand được MBAMC thành lập năm 2008 trên cơ sở phương án khai thác tài sản xử lý nợ của MBAMC cho MB. Hoạt động trong lĩnh vực chính là đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng cải tạo các dự án trụ sở, chi nhánh cho MB, sau 10 năm hình thành và phát triển, MBLand đã xây dựng được vị thế, tên tuổi trên thị trường bất động sản.

Năm 2017, với việc triển khai các dự án bất động sản lớn như dự án Central Field Trung Kính, Golden Field Mỹ Đình, Dự án Pan Pacific – Quảng Nam, MB Grand Tower và nhiều dự án trọng điểm khác, MBLand đã khẳng định hiệu quả trong hoạt động cốt lõi của Công ty gồm: phân phối bất động sản, tạo lập quỹ đất và tổng thầu các công trình xây dựng lớn.

Năm 2018, với sự điều chỉnh cơ cấu cổ đông mới, MBLand vẫn giữ định hướng tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh, phát triển quỹ đất đồng thời chú trọng xây dựng nền tảng quản trị rủi ro nhằm thực thi chiến lược phát triển bền vững và hiệu quả.

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MB AGEAS (MBAL)

|  |   |
|--|---|
| <b>Tên công ty</b>                       | : Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas   |
| <b>Tên Tiếng Anh</b>                     | : MB Ageas Life Insurance Company Limited   |
| <b>Tên viết tắt</b>                      | : MB Ageas Life  |
| <b>Logo</b>                              | :                |
| <b>Trụ sở chính</b>                      | : Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội                        |
| <b>Giấy phép thành lập và hoạt động:</b> | 74/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/07/2016.   |
| <b>Vốn điều lệ</b>                       | : 1.100.000.000.000 VND (Một nghìn một trăm tỷ đồng)  |

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas được thành lập trên cơ sở hợp tác liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Tập đoàn bảo hiểm Ageas (Vương quốc Bỉ) và Công ty BHNT Muang Thai Life Assurance (Thái Lan). MBAL được Bộ tài chính cấp phép hoạt động vào ngày 21/07/2016, với vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng (trong đó MB chiếm tỷ lệ là 61%), Công ty kinh doanh trong các lĩnh vực: Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe và Đầu tư tài chính.

Trọng tâm chiến lược của MBAL là hướng tới Khách hàng, từ đó đem lại những sản phẩm, dịch vụ đa dạng, phù hợp nhất từng phân khúc Khách hàng với tiêu chí mang lại một cuộc sống tươi đẹp, hạnh phúc cho người dân Việt Nam.

Trong năm 2017, bên cạnh việc hoàn thiện bộ máy tổ chức nhân sự, nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường, đột phá trong hoạt động kinh doanh MBAL đã chú trọng xây dựng và hoàn thiện sản phẩm, kiện toàn hệ thống văn bản quản trị, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng trong hoạt động kinh doanh và vận hành công ty theo chiến lược phát triển nhanh và bền vững.

MB Ageas Life đặt khát vọng đến năm 2020 sẽ trở thành Công ty bảo hiểm nhân thọ đứng đầu về thị trường trong hoạt động bảo hiểm qua ngân hàng tại Việt Nam.

### **TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN**

Triển khai chiến lược hoạt động các Công ty con đến năm 2020, gắn kết với chiến lược hoạt động của MB;

Triển khai hoạt động quản trị trên phạm vi MB - Công ty thành viên trong các mảng Tài chính, Quản trị rủi ro, Pháp chế, Công nghệ thông tin, Mạng lưới, Nhân sự, Truyền thông nhằm củng cố và hỗ trợ toàn diện hoạt động của các Công ty thành viên, đảm bảo theo đúng định hướng đã đề ra.

Hỗ trợ phát triển các nguồn lực kinh doanh: Nguồn nhân lực, Cơ sở hạ tầng trụ sở, Công nghệ; Thực hiện đầu tư tăng vốn điều lệ, cấp bổ sung Nguồn vốn kinh doanh;

Phối hợp chặt chẽ hoạt động thường xuyên giữa các Công ty với MB, chia sẻ các nguồn lực kinh doanh dùng chung của hệ thống; đẩy mạnh hoạt động bán chéo phát triển dịch vụ của toàn hệ thống.

### **ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ CÔNG TY THÀNH VIÊN**

Hiện nay, MB đang hướng tới hoạt động theo mô hình Ngân hàng mẹ và các công ty thành viên thuộc các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm... Theo đó, các công ty thành viên tận dụng tối đa lợi thế Tập đoàn, hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Năm 2017, MB và Công ty thành viên đẩy mạnh việc cung cấp các giải pháp tài chính, đầu tư, bảo hiểm trọn gói cho Khách hàng trên cơ sở tích hợp tối đa sản phẩm dịch vụ của các đơn vị thành viên; đồng thời, mỗi lĩnh vực hoạt động chính của các Công ty sẽ là các vệ tinh cung cấp các sản phẩm hỗ trợ cùng với các dịch vụ của Ngân hàng. Trên cơ sở đó, MB đã và đang xây dựng chiến lược chung hướng tới các hoạt động cụ thể như sau:

Phát triển đồng bộ các Công ty thành viên theo định hướng chiến lược kinh doanh chung. Tích cực đầu tư hạ tầng công nghệ, cải tiến quy trình vận hành, phát triển các sản phẩm dịch vụ của Công ty thành viên trên nền tảng công nghệ số.

Đầu tư tăng năng lực tài chính và phát triển các nguồn lực kinh doanh; phát triển đối tác cổ đông chiến lược; góp phần nâng cao năng lực quản trị, phát triển kinh doanh các Công ty thành viên.

Thiết lập và tăng cường cơ chế phối hợp đầu tư, kinh doanh hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động bán chéo, tận dụng tối đa lợi thế của MB - Công ty thành viên.

### **ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NĂM 2018**

Quản lý tập trung hoạt động đầu tư trên toàn hệ thống (bao gồm MB và công ty thành viên) thông qua việc ban hành quy định, chính sách, định hướng đầu tư và giám sát việc thực thi theo các quy định, tiêu chuẩn, thông lệ chung của MB.

Triển khai hoạt động đầu tư tuân thủ quy định pháp luật, theo đúng định hướng chiến lược, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của MB.

Nghiên cứu thực hiện các phương án M&A, tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm nâng cao năng lực hoạt động quản trị, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên.

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

**TRONG NĂM 2017, MB ĐÃ THỰC HIỆN TĂNG VỐN THEO KẾ HOẠCH BAO GỒM:**

TĂNG VỐN ĐỂ TRẢ CỔ TỨC ĐỢT 2 NĂM 2016 BẰNG CỔ PHIẾU:

**85.637.045**  
CỔ PHIẾU

TĂNG VỐN THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

**17.127.409**  
CỔ PHIẾU

DO VẬY, VỐN ĐIỀU LỆ CỦA MB TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2017 ĐÃ ĐẠT

**18.155.053.630.000** Đồng

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT:

**1.815.505.363**  
CỔ PHIẾU

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH:

**1.815.505.363**  
CỔ PHIẾU

**SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ: KHÔNG CÓ**

**TRONG ĐÓ**

SỐ CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, ĐIỀU LỆ MB, CAM KẾT CỦA NGƯỜI SỞ HỮU:

**690.147.994**  
CỔ PHIẾU

SỐ CỔ PHIẾU CHUYỂN NHƯỢNG TỰ DO:

**1.125.357.369**  
CỔ PHIẾU

MB ĐÃ THỰC HIỆN TẠM ỨNG CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT 01 ĐỢT CHO NĂM 2017 VỚI TỶ LỆ:

**6% trong Quý 1/2018**

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thời điểm 31/12/2017

| STT      | Đối tượng              | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----------|------------------------|------------------|--------------------------|------------------|
| <b>1</b> | <b>Cổ đông tổ chức</b> | <b>325</b>       | <b>1.479.631.724</b>     | <b>81,50</b>     |
| <b>A</b> | Trong nước             | 209              | 1.118.981.949            | 61,63            |
| <b>B</b> | Nước ngoài             | 116              | 360.649.775              | 19,86            |
| <b>2</b> | <b>Cổ đông cá nhân</b> | <b>28.425</b>    | <b>335.873.639</b>       | <b>18,50</b>     |
| <b>A</b> | Trong nước             | 28.328           | 333.422.350              | 18,37            |
| <b>B</b> | Nước ngoài             | 97               | 2.451.289                | 0,14             |
|          | Tổng                   | 28.750           | 1.815.505.363            | 100              |

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

(sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

Thời điểm 31/12/2017

| STT      | Tên cổ đông  | Địa chỉ   | Ngành nghề hoạt động chính | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----------|--|---|----------------------------|--------------------|------------------|
| <b>1</b> | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)             | Số 198 Trần Quang Khải, Hà Nội                                | Ngân hàng                  | 126.560.653        | 6,97             |
| <b>2</b> | Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn      | 722 Điện Biên Phủ, Phường Bình Thạnh, TP HCM                  | Dịch vụ vận tải            | 135.295.199        | 7,45             |
| <b>3</b> | Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn | Số 172 đường Trường Chinh, P.Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội   | Dịch vụ bay                | 140.954.769        | 7,76             |
| <b>4</b> | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH    | Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội | Kinh doanh vốn             | 176.841.000        | 9,74             |
| <b>5</b> | Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)                         | Số 01 Giang Văn Minh, Hà Nội                                  | Viễn thông                 | 265.261.500        | 14,61            |

## TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN, NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẪM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

| STT | Họ tên TV HĐQT     | Tỷ lệ sở hữu<br>31/12/2015 | Tỷ lệ sở hữu<br>31/12/2016 | Tỷ lệ sở hữu<br>31/12/2017 |
|-----|--------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| 1   | Lê Hữu Đức         | 0,0060%                    | 0,0061%                    | 0,0066%                    |
| 2   | Nguyễn Mạnh Hùng   | 0,0150%                    | 0,0143%                    | 0,0147%                    |
| 3   | Lưu Trung Thái     | 0,0200%                    | 0,0193%                    | 0,0268%                    |
| 4   | Lê Công            | 0,0890%                    | 0,0875%                    | 0,0958%                    |
| 5   | Nguyễn Thị Ngọc    | 0,0040%                    | 0,0036%                    | 0,0042%                    |
| 6   | Nguyễn Thị Thủy    | 0,0250%                    | 0,0247%                    | 0,0250%                    |
| 7   | Hà Tiến Dũng       | 0,0100%                    | 0,0102%                    | 0,0107%                    |
| 8   | Nguyễn Văn Hùng    | 0,0006%                    | 0,0006%                    | 0,0012%                    |
| 9   | Nguyễn Đăng Nghiêm | 0,0090%                    | 0,0089%                    | 0,0093%                    |
| 10  | Nguyễn Văn Huệ     | 0,0006%                    | 0,0006%                    | 0,0012%                    |
| 11  | Nguyễn Chí Thành   | 0%                         | 0%                         | 0,0006%                    |

### CỔNG THÔNG TIN GIAO TIẾP VỚI CỔ ĐÔNG:

Cổ đông MB có thể tìm hiểu thông tin thông qua mục Nhà Đầu tư trên website: [www.mbbank.com.vn](http://www.mbbank.com.vn) hoặc liên hệ trực tiếp với Phòng Quản lý cổ đông - Văn phòng HĐQT (Địa chỉ liên hệ: Tầng 15 - 21 Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội; Điện thoại: 024. 37623326)

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Với tinh thần Thượng tôn Pháp luật, MB luôn nỗ lực tuân thủ các quy định của Pháp luật, bao gồm pháp luật về Bảo vệ môi trường. MB khuyến khích các CBNV thực hiện nội dung thông qua việc tham gia tích cực các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường với các cộng đồng mà đơn vị đặt trụ sở như: thu gom rác thải nơi công cộng/công viên/bãi biển, phong trào ngày thứ 6 xanh, phong trào 5S (sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ nơi làm việc theo tinh thần 5S Kanzai).

Trong năm, MB không bị phạt/cảnh cáo nào từ cơ quan quản lý nhà nước do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG/ NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ít sử dụng các sản phẩm đầu vào về nguyên vật liệu như các doanh nghiệp sản xuất khác, nhưng MB luôn có ý thức tiết kiệm việc sử dụng các nguồn năng lượng, nguyên vật liệu, để góp phần tiết kiệm môi trường như sau:

Đối với nguồn năng lượng xăng dầu: MB thực hiện tiết kiệm việc sử dụng xăng dầu cho việc di chuyển, đi lại của các CNBV bằng các hình thức sau:

- Rà soát lại định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng loại xe có tính đến thời gian sử dụng của xe; nghiên cứu phương thức quản lý km sử dụng của xe, ban hành các tiêu chuẩn, định mức nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm chi phí xăng xe tại đơn vị. MB sử dụng các phương án quản lý quỹ tập trung cho các khu vực ngoài Hà Nội, Hồ Chí Minh để hạn chế việc sử dụng xe tiếp quỹ, giảm vận hành xe, tiết kiệm tiêu hao xăng xe và chi phí xăng xe 5% - 10% so với ngân sách đã lập.
- MB không tổ chức các hội nghị, hội thảo nội dung không thiết thực, không hiệu quả hoặc nội dung trùng với các hội nghị khác; Các đơn vị của MB tích cực phối hợp, rà soát để thực hiện nhiệm vụ, để kết hợp các nội dung, công việc tại đơn vị mình cũng như phối kết hợp với các đơn vị khác tại MB có các nội dung liên quan hoặc cùng đối tượng tham



dự; chuẩn bị kỹ đầy đủ đúng yêu cầu, nội dung chương trình và triệu tập thành phần tham gia phù hợp đảm bảo tiết kiệm; Đồng thời, MB tăng cường sử dụng hình thức tổ chức hội nghị, hội thảo trực tuyến trong chỉ đạo, điều hành và xử lý các công việc liên quan, qua đó tiết kiệm chi công tác phí, xăng dầu, văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại của thành phần tham dự.

Đối với nguyên liệu/vật liệu giấy tờ in: MB thực hiện khoán chi phí văn phòng phẩm đến từng CBNV để khuyến khích tiết kiệm. MB hướng tới 1 môi trường làm việc không giấy tờ để giảm thải các tác động về môi trường thông qua việc sử dụng quá nhiều giấy và mực in. Theo đó, MB phát triển hệ thống M-office và hệ thống phê duyệt tin dụng tự động. Các nội dung trình từ cấp chỉ nhánh lên Hội sở hoặc từ cấp CBNV lên lãnh đạo hoặc nội dung phối hợp giữa các đơn vị, công văn, giấy tờ sẽ được xem xét và xử lý thông qua các hệ thống này. Chuyên viên xử lý và các lãnh đạo không phải in giấy tờ để trình ký như trước mà lãnh đạo sẽ ký duyệt trên cơ sở xem xét các báo cáo/tờ trình được đẩy qua hệ thống này. Đối với các giấy tờ cần thiết phải in, MB thực hiện in trên giấy 2 mặt. Chi phí giấy tờ, in ấn, văn phòng phẩm/đầu người của MB giảm 11%, tương ứng 3 triệu 450 nghìn đồng/người trên toàn hệ thống năm 2017 cũng đã thể hiện rõ tác dụng của việc hướng tới 1 môi trường làm việc xanh của MB.

Đối với nguồn năng lượng điện, nước: MB tuyên truyền thực hành tiết kiệm điện, nước tại nơi làm việc, tăng năng suất lao động để hạn chế làm việc ngoài giờ, cuối tuần nếu không cần thiết; thiết lập chế độ điều hòa nhiệt độ hợp lý, tiếp tục triển khai phương án ngắt điện tự động khi đến giờ nghỉ theo qui định để tiết kiệm điện.



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

MB luôn chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên (CBNV) thông qua các chính sách, chế độ như: chính sách lương, thưởng, đãi ngộ; chính sách đào tạo, phát triển nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên; chế độ đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho cán bộ nhân viên...

### CHẾ ĐỘ ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CHO CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Cán bộ nhân viên MB được hưởng các chế độ: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ làm việc, nghỉ lễ tết, gia nhập công đoàn, kết nạp Đảng ... theo quy định hiện hành. Hàng năm, người lao động đều được hưởng các chế độ phúc lợi khác như: khám sức khỏe định kỳ, đi thăm quan, nghỉ mát, được hưởng trợ cấp khi đau ốm... và các chế độ khác theo quy định của từng thời kỳ.

### CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ ĐÃI NGỘ

Hàng tháng, CBCNV MB được nhận thu nhập theo vị trí chức danh, hiệu quả hoạt động Ngân hàng, năng suất lao động cá nhân. Ngoài ra, tại MB người lao động còn được hưởng thành tích vào các ngày lễ tết, các chương trình khen thưởng cho tập thể/cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có sáng kiến, đóng góp giá trị cho Ngân hàng, tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên. Nhắm động viên, quan tâm, gắn kết mỗi cá

nhân CBNV với Ngân hàng, tại MB còn áp dụng một số chế độ đãi ngộ dành cho CBNV và gia đình như sau: tặng quà nhân dịp sinh nhật, tặng quà cho các cháu là con CBNV MB, tặng quà cho gia đình nhân dịp tết Nguyên đán, tổ chức giao lưu giữa CBNV trong đơn vị, chế độ bảo hiểm sức khỏe kết hợp cho cá nhân.

Tỷ lệ % người lao động được hưởng thỏa ước tập thể: 100%

### CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP CHO CÁN BỘ NHÂN VIÊN

MB đặc biệt chú trọng công tác đào tạo bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên để từ đó đáp ứng tốt nhất nhu cầu hoạt động ngân hàng, định hướng phát triển kinh doanh của ngân hàng.

Ngoài các khóa đào tạo của hệ thống đã được quy chuẩn theo khung chức danh, Các chương trình cập nhật chuyên môn thường xuyên hay các chương trình phát triển kỹ năng điều hành, quản lý, bán hàng, đàm phán, thuyết trình, ngoại ngữ..., cán bộ nhân viên MB còn tham dự các khóa đào tạo nội bộ tại đơn vị, các khóa đào tạo chuyên gia (CDCS, CPIA, Oracle, ToGap...), chương trình đào tạo nguồn (giám đốc chi nhánh, phó giám đốc kinh doanh, giám đốc phòng giao dịch...), hoặc được hỗ trợ đào tạo ngắn hạn, dài hạn ở các trường/ học viện bên ngoài và tham quan khảo sát học tập tại nước ngoài. MB luôn chủ động thực hiện công tác



quy hoạch cán bộ, đào tạo bổ sung nâng cao kiến thức cho người lao động để hoàn thành tốt công việc hoặc phát triển trong tương lai.

Tỷ lệ % của người lao động nhận được đánh giá thường xuyên về hiệu suất công việc và phát triển sự nghiệp: 100%

- Ngân sách chi cho đào tạo: 7 tỷ
- Số lượt đào tạo: 73,345
- Số giờ đào tạo: 522,698 giờ
- Chi phí đào tạo/người: 860,000 VNĐ/ người
- Số lượt đào tạo/ người: 9 lượt/ người
- Số giờ đào tạo/ người: 64.3 giờ
- Các chương trình tham quan khảo sát học tập tại nước ngoài: 16 khóa/ 53 người
- Chương trình đào tạo nguồn: Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Phòng giao dịch, Trưởng/ Phó phòng Khách hàng cá nhân & Khách hàng doanh nghiệp: 7 chương trình/ 249 người
- Các chương trình đào tạo chuyên gia: CDCS, CPIA, CIA, CHRO, Lead Auditor, Giám đốc Ngân hàng Thương mại, Moody's: 8 chương trình/ 22 người
- Các chương trình đào tạo theo khung chức danh tại Hội sở và chi nhánh: 27 chương trình/ 4,602 người
- Các chương trình cập nhật chuyên môn thường xuyên cho cán bộ nhân viên MB: 348 khóa ...

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Trong năm 2017, Ngân hàng TMCP Quân đội tiếp tục bám sát chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tập trung tín dụng để thực hiện chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo chủ trương của Chính phủ và các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên gồm nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Ngoài việc tập trung cấp tín dụng cho lĩnh vực ưu tiên của NHNN, MB còn chú trọng kiểm soát, đánh giá các tác động môi trường khi cấp tín dụng đối với các dự án sản xuất kinh doanh. Theo đó, MB đã ban hành hướng dẫn trong toàn ngân hàng về việc cần đánh giá những tác động đến môi trường khi thực hiện thẩm định phương án, đặc biệt là đối với các phương án cho vay dự án nhà máy, nhà xưởng tại Khu công nghiệp, dự án bất động sản, ... Các phương án này, ngoài đảm bảo tính hiệu quả, khả năng trả nợ gốc, lãi cho MB, thì chỉ được MB quyết định cấp tín dụng khi được các cơ quan quản lý Nhà nước (Sở tài nguyên và môi trường) đánh giá và phê duyệt về các tác động, ảnh hưởng đến môi trường (vd: phê duyệt lượng khí thải, nước thải...).





## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh những kết quả nổi bật trong các hoạt động kinh doanh, MB được biết đến là một trong những ngân hàng thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Năm 2017, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, Đảng ủy ngân hàng, phát huy truyền thống, văn hóa doanh nghiệp, MB đã tích cực phối hợp tham gia các chương trình do Ngân hàng nhà nước, Bộ Quốc Phòng, Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, các cơ quan ban ngành tại các địa phương trên cả nước.

MB đã xây dựng 60 nhà tình nghĩa và nhà đại đoàn kết tặng các gia đình chính sách, thăm và tặng quà 6 trung tâm điều dưỡng thương binh nhân dịp Tết Đinh Dậu và kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh Liệt sĩ, đồng thời đóng góp Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Bộ Quốc phòng, và hỗ trợ kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang và đền thờ Liệt sĩ huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Phát huy đạo lý thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách, MB đã có các hoạt động hỗ trợ giúp đỡ người nghèo, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai lũ lụt. Năm 2017, MB đã ủng hộ các Quỹ vì người nghèo của TW Mặt trận Tổ quốc và tỉnh Nghệ An, TP Hồ Chí Minh.... Đặc biệt, MB luôn đồng hành ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ ống, lũ quét huyện Mường La, tỉnh Sơn La; huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, tỉnh Hòa Bình; và khắc phục hậu quả cơn bão số 12 tại các tỉnh Miền Trung Tây Nguyên góp phần giúp đỡ đồng bào vượt qua khó khăn, ổn định

cuộc sống. Ngoài ra, MB còn trao tặng 34 máy thông tin cho ngư dân hai tỉnh Cà mau và Ninh Bình.

Trong lĩnh vực y tế góp phần chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, MB đã tham gia hoạt động tài trợ kinh phí xây dựng trạm y tế xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ và tài trợ xe cứu thương cho Cục Quân Y, Bộ Quốc phòng.

Nhiều hoạt động khác như tặng sổ tiết kiệm, trao học bổng cho trẻ em nghèo, trẻ em khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên nghèo, sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập; hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam; tặng quần áo, sách vở cho học sinh vùng cao; chương trình Tết cho người nghèo... đã được các cán bộ nhân viên MB tại mỗi Khối phòng ban và chi nhánh chung tay thực hiện bằng trách nhiệm và sự tận tâm với xã hội, cộng đồng.

Những hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa và hoạt động vì cộng đồng của MB trong những năm qua là trách nhiệm, là tình cảm sâu sắc của cán bộ, nhân viên MB với Tổ quốc với Quân đội và nhân dân. MB sẽ duy trì và không ngừng tăng cường thực hiện tốt trách nhiệm này, bởi đó cũng là một trong những nội dung của triết lý kinh doanh mà MB thực thi trong những năm qua: "Tận tâm tạo ra giá trị gia tăng cho cộng đồng - xã hội". Triết lý kinh doanh gắn với cộng đồng này chính là nét văn hóa tạo ra sự khác biệt và thành công của Ngân hàng mang tên Quân đội - MB.



# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Đánh giá kết quả kinh doanh 2017  
.....
- Kế hoạch hoạt động 2018

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 2017

## PHẦN I: KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

| Chỉ tiêu                                      | KH 2017    | KQ 2017        | so với 2016 | so với KH   |
|---|------------|----------------|-------------|-------------|
| <b>1 TỔNG TÀI SẢN</b>                         | TĂNG 10%   | <b>313,878</b> | 122%        | <b>110%</b> |
| <b>2 VỐN ĐIỀU LỆ</b>                          | TĂNG 6%    | <b>18,155</b>  | 106%        | <b>100%</b> |
| <b>3 TIỀN GỬI CỦA KH</b>                      | TĂNG 8-10% | <b>220,176</b> | 113%        | <b>103%</b> |
| <b>4 DƯ NỢ CHO VAY KH</b>                     | TĂNG ~ 16% | <b>184,188</b> | 122%        | <b>103%</b> |
| <b>5 TỶ LỆ NỢ XẤU</b>                         | <1,5%      | <b>1.20%</b>   |             |             |
| <b>6 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ LNTT (RIÊNG NH)</b> | 4.532 TỶ   | <b>4,616</b>   | 126%        | <b>102%</b> |
|   | 4.300 TỶ   | <b>5,355</b>   | 144%        | <b>125%</b> |
| <b>7 TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC</b>                 | ~11%       | <b>~11%</b>    |             |             |

Nguồn: BCTC riêng lẻ, BCTC hợp nhất 2017; Đơn vị: Tỷ Vnd

### 1. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017:

Hoàn thành và hoàn thành vượt vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017. Thu thuần kinh doanh năm 2017 đạt ~ 13.867 tỷ, tăng 40,7 % so với 2016. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 4.616 tỷ vượt kế hoạch. Các chỉ tiêu đo lường hiệu quả như ROE ~ 12,4%, ROA ~ 1,2% (riêng ngân hàng ROE ~ 16,1%, ROA ~ 1,5%) nằm trong TOP dẫn đầu các ngân hàng hoạt động hiệu quả.

Năng suất lao động được duy trì và cải thiện. Trong năm 2017 đã tái tổ chức sắp xếp hợp lý hóa lao động và gần như không tăng thêm người. Chỉ số LNTT/người bình quân riêng ngân hàng đạt ~ 0,67 tỷ/người.năm (tăng 33% so với 2016).

Chất lượng hoạt động được đảm bảo và kiểm soát chặt chẽ như chất lượng tín dụng và tỷ lệ

nợ xấu của MB ~ 1,20% (thấp hơn năm 2016 ~ 1,32%), đã xử lý xong toàn bộ nợ xấu trái phiếu VAMC trước thời hạn qui định. Hoàn thiện qui trình, cơ chế kiểm soát các loại rủi ro hoạt động vận hành, rủi ro công nghệ thông tin, các loại rủi ro khác.

Quản lý chặt chẽ các giới hạn an toàn theo quy định như hệ số an toàn vốn CAR - 12% (quy định NHNN ≥ 9%), tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn: - 41,11% (quy định NHNN ≤ 60%), LDR (riêng ngân hàng) - 72,99% (quy định NHNN ≤ 80%).

Toàn hệ thống có 285 điểm giao dịch được cấp phép, tăng thêm 17 điểm giao dịch so với 2016. Tất cả các điểm kinh doanh hoạt động an toàn, hiệu quả, chất lượng tốt.

Các công ty thành viên kinh doanh ổn định, trong đó 5 công ty (AMC, MBC, MBLand, MBS, MIC) đạt tổng lợi nhuận LNTT 321,25 tỷ. Trong năm 2017 triển khai kinh doanh 2 công ty mới thành lập (MBAL, MCredit) đúng tiến độ, hoạt động đi vào ổn định đúng định hướng.

Giá trị cổ phiếu MBB và giá trị vốn hóa thị trường đến cuối năm 2017 tăng gấp gần 2 lần so với năm 2016.

## 2. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH:

### Chiến lược:

Triển khai các giải pháp chiến lược giai đoạn 2017 - 2021, các dự án trọng điểm về CNTT, năng lực quản trị rủi ro, chuyển dịch kinh doanh ngân hàng số đúng tiến độ (như các dự án DWH/MIS, PD, BPM, CRA, Ebanking).

Điều chỉnh mô hình tổ chức theo các cấu trúc tổ chức kinh doanh mới, phân khúc khách hàng sâu hơn theo chiều dọc. Sắp xếp hợp lý hóa nhân sự các cấp. Tổng nhân sự toàn hệ thống gồm ngân hàng và công ty - 13.094. Số lượng người riêng ngân hàng - 8.129 người chỉ tăng -3% so với 2016, trong khi tổng tài sản, dư nợ tăng trên 20%, đưa vào hoạt động mới 16 CN/PGD.

Đầu tư tăng năng lực hạ tầng công nghệ thông tin như: nâng cấp T24, Oracle - GL, Bankplus. Cải thiện chất lượng vận hành CNTT.

### Kinh doanh:

Xây dựng triển khai các mô hình kinh doanh mới, thiết kế cung cấp dịch vụ ngân hàng phân khúc sâu theo chiều dọc như mô hình cung cấp dịch vụ khách hàng chiến lược (BQP, KBNN, BHXH, các bộ ngành); tập trung hóa mô hình kinh doanh khách hàng lớn, mô hình khách hàng FDI;

Triển khai các dự án Ngân hàng số, thu hút được - 2,7 triệu user active trên kênh dịch vụ số. Phát triển sản phẩm ứng dụng công nghệ số trên mạng xã hội, kênh Mobile/ NH điện tử.

Đẩy mạnh hợp tác bán chéo giữa các công ty, giữa NH và công ty trong Tập đoàn (như Bancas, Thẻ...), tổ chức bán chéo dịch vụ, hợp tác các đối tác chiến lược, cổ đông chiến lược.

### Công tác quản lý:

Tiếp tục củng cố năng lực QTRR như dự án xây dựng mô hình xác suất lượng hóa rủi ro (PD), các tiểu dự án theo lộ trình thực hiện Basel2.

Hoàn thiện thiết kế quy trình xử lý nợ xấu, qui trình quản trị theo phân khúc khách hàng. Tổ chức trung tâm xử lý nợ, hoàn thiện công tác

kiểm soát sau vay, các bước xử lý nợ nhiều tầng nhằm tăng tốc độ xử lý các khoản vay có vấn đề..

Nâng cao chất lượng và chuyên môn hóa công tác thẩm định phê duyệt: tổ chức Ủy ban tín dụng, Hội đồng tín dụng, giám đốc phê duyệt các cấp. Tổ chức thẩm định theo trực dọc kinh doanh, ứng dụng mô hình lượng hóa để tăng tỷ lệ thẩm định tự động.

Cải tiến quy trình vận hành, qui trình tín dụng rút ngắn thời gian phục vụ khách hàng. Triển khai mô hình kinh doanh tại Sàn giao dịch. Tổ chức quản lý quỹ tập trung tại HN/HCM, các thành phố lớn giúp tối ưu hóa vận hành kho quỹ, an toàn và giảm chi phí.

Áp dụng cơ chế trả lương cho lực lượng kinh doanh theo hiệu suất. Nhờ đó, tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

Kiểm toàn và hoàn thiện công tác kiểm tra kiểm soát tuân thủ. Tăng cường giám sát từ xa. Trong năm 2017 đã hoàn thành chương trình kiểm toán nhà nước được đánh giá chất lượng hoạt động của ngân hàng khá tốt, không có vi phạm trọng yếu.

Giữ vững ổn định Chính trị nội bộ, tập thể đoàn kết, tuân thủ pháp luật. Duy trì và phát huy bản sắc văn hóa doanh nghiệp MB, vinh dự được trao tặng nhiều danh hiệu cao quý như cờ thi đua NHNN, cờ thi đua của Bộ Quốc Phòng và gần 60 các giải thưởng/ bằng khen/ kỷ niệm chương cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động ngân hàng.

## 3. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC:

Hoạt động Marketing, nhận diện hình ảnh MB chưa được đầu tư thích đáng.

Năng lực hạ tầng CNTT còn chưa đáp ứng tốc độ phát triển kinh doanh.

Cải cách hành chính, rút ngắn thủ tục qui trình dịch vụ đối với khách hàng còn chậm.

Năng lực quản lý và kiểm soát rủi ro ở các cấp còn chưa đồng đều, toàn diện.

Sự phối hợp kinh doanh giữa ngân hàng và các công ty cần cải thiện hơn.

## PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2018

### 1. MỤC TIÊU KINH DOANH 2018

Tiếp tục triển khai các giải pháp, dự án chiến lược giai đoạn 2017 - 2021 đã đề ra, hướng đến mục tiêu Ngân hàng Top 5 hiệu quả kinh doanh và an toàn. Thúc đẩy nhanh 4 chuyển dịch chiến lược xây dựng ngân hàng số; củng cố quan hệ khách hàng; nâng cao năng lực quản trị rủi ro; và quản lý hiệu quả hoạt động các công ty thành viên.

#### KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018:

| CHỈ TIÊU                    | KH 2018      | TĂNG TRƯỞNG                   |
|-----------------------------|--------------|-------------------------------|
| 1 TỔNG TÀI SẢN              | ~ 347.600 TỶ | TĂNG 11%                      |
| 2 VỐN ĐIỀU LỆ               | ~ 21.605 TỶ  | TĂNG 19%                      |
| 3 HUY ĐỘNG VỐN DÂN CỨ, TCKT | ~ 245.400 TỶ | TĂNG 11%                      |
| 4 DƯ NỢ CHO VAY             | ~ 212.500 TỶ | TĂNG 15% (THEO QUY ĐỊNH NHNN) |
| 5 TỶ LỆ NỢ XẤU              | < 1,5%       |                               |
| 6 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ      | ~ 6.800 TỶ   | TĂNG 47%                      |
| LNTT (RIÊNG NH)             | ~ 6.500 TỶ   | TĂNG 21%                      |
| 7 TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC      | >=11%        |                               |

### 2. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018

#### Chiến lược:

Đầu tư năng lực hạ tầng công nghệ (hệ thống hạ tầng lõi, BPM, Thẻ...) và các dự án CNTT hỗ trợ cho quản lý, vận hành, phát triển kinh doanh.

Triển khai các dự án kinh doanh Ngân hàng số, thí điểm mô hình điểm giao dịch tự động (Autobank).

Đầu tư nhận diện thương hiệu, cải thiện hiệu quả kinh doanh các phòng giao dịch từ đầu tư đồng bộ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất trang bị, năng lực quản lý cho các PGD.

Tổ chức kinh doanh bán chéo giữa MB và các công ty trong tập đoàn chặt chẽ hơn.

#### Kinh doanh:

Tối ưu cấu trúc danh mục sản phẩm và tái thiết kế sản phẩm, qui trình bán hàng để tối ưu hóa

quá trình chuyển giao dịch vụ từ ngân hàng đến khách hàng, thỏa mãn và tăng trải nghiệm cho khách hàng. Tăng số lượng SP/DV sử dụng trên mỗi khách hàng.

Hoàn thiện các mô hình kinh doanh thẻ, bancas, KHCN cao cấp, bán chéo giữa doanh nghiệp & KHCN tạo đột phá trong kinh doanh bán lẻ. Tăng hiệu quả các mô hình kinh doanh khách hàng lớn, khách hàng FDI, hoạt động Ngân hàng đầu tư (IB), mô hình NH cộng đồng.

Triển khai và hoàn thiện mô hình kinh doanh bán lẻ, dịch vụ tại sàn giao dịch để tăng chất lượng dịch vụ và trải nghiệm mang đến cho khách hàng tại sàn.

Triển khai các dự án Smart RM, xây dựng công cụ bán hàng trên ứng dụng số hỗ trợ tăng khả năng tiếp cận, cung cấp dịch vụ đến khách hàng của lực lượng kinh doanh.



**Công tác quản lý khác:**

Tiếp tục triển khai các dự án tăng năng lực quản trị rủi ro như hoàn thiện dự án mô hình xác suất lượng hóa rủi ro (PD) ứng dụng vào công tác thẩm định phê duyệt, triển khai các dự án trong lộ trình thực hiện Basel 2, hoàn thiện quy trình cảnh báo sớm rủi ro tín dụng, quy trình xử lý nợ, hệ thống nhắc nợ tự động và tổ chức công tác xử lý nợ trong MB..

Cải cách hành chính, tối ưu các quy trình, đơn giản hóa thủ tục với khách hàng, nâng cao tốc độ xử lý của các trung tâm hỗ trợ. Triển khai mô hình ngân hàng không giấy tờ.

Đẩy mạnh công tác truyền thông marketing, làm mới hình ảnh nhận diện của MB cùng với nâng cao chất lượng dịch vụ và đổi mới mô hình kinh doanh tại sàn giao dịch.

Xây dựng cơ chế, chính sách, đãi ngộ cho người lao động gắn với hiệu quả. Nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nhân sự các cấp.

Vun đắp giá trị văn hóa MB tạo sự gắn kết đội ngũ, tinh thần đoàn kết, kỷ luật, phát huy sức mạnh tập thể MB với bản sắc văn hóa riêng.





# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những kết quả đạt được

---

Triển vọng và kế hoạch phát triển  
trong tương lai

# NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2017

## 2017

Năm 2017, MB đã hoàn chỉnh và bước đầu triển khai thành công Chiến lược giai đoạn 2017-2021 với tầm nhìn **“Trở thành ngân hàng thuận tiện nhất”**, phương châm: **“Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững”** hướng đến mục tiêu: **“Top 5 các NHTM về hiệu quả kinh doanh và an toàn”**. Kế thừa và làm sâu sắc hơn các yếu tố từ Chiến lược giai đoạn trước là 3 trụ cột (Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, Ngân hàng số) và 2 nền tảng (QTRR vượt trội và Năng lực thực thi nhanh), đồng thời triển khai mạnh mẽ 4 chuyển dịch chiến lược giai đoạn mới là: Ngân hàng số; Củng cố quan hệ khách hàng; Nâng cao năng lực quản trị rủi ro; Quản lý hiệu quả hoạt động các công ty thành viên (CTTV), bước đầu đã giúp MB tạo được một số kết quả khả quan.

Linh hoạt bám sát diễn biến thị trường với tinh thần **“Đổi mới - Sáng tạo”** cùng những tư duy mới được triển khai chủ động, tích cực mang lại nhiều hiệu quả. Tư duy về quản trị, điều hành trên phạm vi toàn MB và các CTTV theo các thông lệ quốc tế hướng đến sự minh bạch giúp mô hình quản trị rõ nét với MB là trung tâm, các CTTV là vệ tinh; đồng thời các hoạt động kinh doanh, bán chéo toàn hệ thống được định hướng/chỉ đạo từ cấp HĐQT - Tổng Giám đốc MB phù hợp quy định. Việc điều chỉnh mô hình tổ chức, kiện toàn nhân sự các cấp phù hợp với Chiến lược mới, xây dựng triển khai các mô hình kinh doanh mới góp phần triển khai hiệu quả các chuyển dịch đột phá của Ngân hàng. Cơ chế lương mới theo hiệu suất được áp dụng tạo động lực làm việc quyết tâm và khí thế cho CBNV toàn hệ thống.

Trong năm, MB đã triển khai đầu tư toàn diện nhiều dự án để củng cố năng lực bền vững như: đầu tư năng lực hạ tầng CNTT (nâng cấp hệ thống T24 phiên bản R16 với nhiều tính năng vượt trội, giúp giảm thời gian chạy đóng ngày xuống còn 3h30 phút, thấp nhất trong số các NHTM có quy mô tương đương, tăng khả năng xử lý giao dịch 400%, góp phần chất lượng dịch vụ cho khách hàng), Dự án ngân hàng số (phát triển các sản phẩm dịch vụ tiện ích có hàm lượng công nghệ cao, hợp tác với Công ty facebook triển khai dịch vụ tài chính ngân hàng qua mạng xã hội MB Fanpage payment), dự án nền tảng QTRR hiệu quả, quản lý chi phí chặt chẽ/hiệu quả góp phần tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận của MB, đảm bảo an toàn an ninh hệ thống. Trong năm, MB khai thác sâu tập khách hàng thông qua việc tích hợp với các sản phẩm đặc thù của các CTTV trong lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm và các sản phẩm hợp tác với các đối tác lớn (sản phẩm thẻ liên kết với Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (E-port Tân

Cảng), sản phẩm thẻ đồng thương hiệu với Tập đoàn Vingroup (MB - VinID).

Cùng các giải pháp thực thi quyết liệt đối với các chuyển dịch chiến lược và sự đầu tư bài bản, toàn diện để củng cố các nền tảng, MB đã hoàn thành và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể, các chỉ tiêu của MB có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với 2016: Tổng Tài sản tăng 22%, LNTT tăng 26% (trong đó LNTT riêng Ngân hàng tăng 44%); một số chuyển dịch đạt kết quả tích cực như Doanh thu tăng 41%, Tổng thu lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 66%, Năng suất lao động tăng 33%; đồng thời kiểm soát rủi ro chặt chẽ với tỷ lệ nợ xấu là 1,20% - mức thấp trong hệ thống ngân hàng. MB cũng là 1 trong 3 Ngân hàng tại Việt Nam đã hoàn thành việc mua lại toàn bộ trái phiếu VAMC (- 3.000 tỷ đồng). Đây là một nỗ lực của MB trong việc vừa đảm bảo kết quả kinh doanh tốt, vừa đảm bảo xử lý nợ để nâng cao chất lượng tài sản, minh bạch hoạt động và tập trung toàn bộ nguồn lực của ngân hàng cho việc phát triển kinh doanh trong thời gian tới. Trong năm, MB và các CTTV hoàn thành tốt chương trình Kiểm toán Nhà nước, được lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước đánh giá sơ bộ MB là ngân hàng có hoạt động quản trị điều hành khá tốt và không có vi phạm trọng yếu.

Mô hình quản trị ngân hàng mẹ và các công ty thành viên được củng cố và tăng cường chất lượng, tập trung các hoạt động cốt lõi, tăng cường hợp tác với các đối tác của MB và khai thác tối đa tập khách hàng của các đơn vị trong hệ thống. Kết quả, 5 công ty thành lập từ năm 2016 trở về trước cơ bản hoàn thành tái cơ cấu, kiện toàn các mặt hoạt động và tăng cường quản trị rủi ro; tổng LNTT của 5 công ty đạt 321,25 tỷ đồng (trong đó, 2 công ty niêm yết là MBS và MIC có sự tăng trưởng cao về giá trị cổ phiếu trên thị trường); 2 công ty mới thành lập là MBAL và MCredit hoạt động hiệu quả tốt với mạng lưới phát triển tại các tỉnh thành trên cả nước. Trong thời gian tới, hai công ty sẽ đóng góp tích cực trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ trọn gói của MB cho các khách hàng trên toàn quốc, góp phần tạo ra các giá trị gia tăng cho MB và các cổ đông.

Các dự án chiến lược đầu tư phát triển trụ sở cho Ngân hàng tại các địa bàn trọng điểm như dự án trụ sở chính của MB tại 63 Lê Văn Lương, Hà Nội; dự án trụ sở MB khu vực miền Trung tại 54 Điện Biên Phủ thành phố Đà Nẵng...được tập trung triển khai chất lượng, đẩy nhanh tiến độ; cùng với việc triển khai dự án thay đổi hình ảnh nhận diện của MB trên toàn hệ thống, giúp MB có diện

mạo mới trẻ trung, năng động và đến gần hơn với đông đảo khách hàng trong và ngoài nước.

Nỗ lực thực hiện các cam kết với cổ đông, năm 2017, HĐQT đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 18.155 tỷ đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% và chương trình phát hành cho CBNV, góp phần nâng cao năng lực tài chính cho MB; đồng thời đến thời điểm hiện tại đã hoàn thành tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% cho cổ đông hiện hữu. Trong năm, giá cổ phiếu MBB tăng trưởng 100% - mức tăng mạnh mẽ nhất kể từ khi niêm yết (đạt mức 25.400 đồng/cổ phiếu cuối năm 2017 so với mức 12.440 đồng ở thời điểm cuối năm 2016); Giá trị vốn hóa tăng - 2 lần so với năm 2016 (tăng từ mức 23.978 nghìn tỷ đồng cuối năm 2016 lên mức 46.114 nghìn tỷ đồng cuối năm 2017). Theo đó MB phần nào đáp ứng được kỳ vọng của các nhà đầu tư/các quỹ đầu tư nước ngoài mong muốn nắm giữ cổ phiếu MBB, củng cố tỷ lệ sở hữu của một số đối tác chiến lược và cổ đông đã gắn bó như Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trục thép Việt Nam, Tổng Công ty May 28, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Cơ cấu cổ đông của MB tiếp tục duy trì được sự ổn định và thống nhất cao trong định hướng quản trị điều hành và hợp tác cùng phát triển. Là tổ chức niêm yết, MB đã thực hiện công khai minh bạch thông tin, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang web của ngân hàng và của các cơ quan quản lý liên quan.

Công tác quản trị - điều hành được kiện toàn theo hướng HĐQT chỉ đạo rà soát/hoàn thiện/thiết lập các nguyên tắc/tiêu chuẩn/các quy trình/chính sách khung, lõi của toàn MBGroup phù hợp quy định và theo đặc thù hoạt động, thực hành các thông lệ quản trị hiệu quả và theo lộ trình triển khai Basel 2, đồng thời quản trị/giám sát việc thực hiện của Ban Điều hành và Người đại diện vốn của MB tại các công ty thành viên, hạn chế xử lý các sự vụ cụ thể. Để tăng cường giám sát và nâng cao tính tuân thủ, HĐQT đã chỉ đạo việc điều chỉnh/hoàn thiện chế độ thông tin báo cáo của HĐQT, quy chế công bố thông tin của MB; rà soát để cập nhật các quy định mới của pháp luật (Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Thông tư 95/2017/TT-BTC; Luật các TCTD 2017; Nghị định 93/2017/NĐ-CP...). Trong năm, HĐQT đã kiện toàn tổ chức hoạt động của các Ủy ban trực thuộc (Ủy ban QTRR, Ủy ban Tín dụng, Ủy ban Nhân sự), tổ chức hoạt động hệ thống phê duyệt phù hợp với mô hình mới.

Như vậy, năm 2017 HĐQT MB đã thực hiện tích cực vai trò chức năng quản trị điều hành theo đúng các cam kết với Đại hội cổ đông. MB giữ vững sự ổn định nội bộ, quản trị tốt rủi ro, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và tạo được nhiều đột phá và chuyển biến hiệu quả trong hoạt động. Bằng những kết quả đạt được, MB tiếp tục tạo dựng được lòng tin với khách hàng, cổ đông; khẳng định vị thế của mình trên thị trường và đóng góp tích cực vào việc thực hiện các chính sách tiền tệ của NHNN VN và vinh dự được nhận nhiều cờ thi đua của Chính Phủ, Bộ Quốc Phòng, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính, đồng thời đạt "Top 5 DN lớn đạt chuẩn về công bố thông tin" theo chương trình bình chọn của HOSE phối hợp với các đơn vị tổ chức.

Về công tác nhân sự, tháng 1/2017, được sự đồng ý của Quân ủy Trung ương - BQP, NHNN, MB đã có sự chuyển giao vị trí Tổng Giám đốc theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ MB. Đồng thời, HĐQT đã bổ sung 1 Phó Chủ tịch HĐQT, điều chỉnh phân công nhiệm vụ các thành viên theo hướng tách bạch chức năng quản trị - điều hành và tăng cường nguồn lực triển khai các nhiệm vụ; chỉ đạo việc đánh giá và sắp xếp nhân sự cấp cao trong hệ thống phù hợp với Chiến lược và mô hình tổ chức mới. Bên cạnh đó, việc phát triển đội ngũ nhân sự cấp cao/nhân sự đứng đầu đơn vị có chất lượng; xây dựng nguồn cán bộ có năng lực, tận tâm và sẵn sàng đương đầu với thách thức cũng luôn là công tác trọng tâm được ưu tiên. HĐQT đã luân chuyển/bổ nhiệm một số Giám đốc/Phó Giám đốc Khối chủ chốt và nhân sự cấp cao tại MB và các CTTV; chỉ đạo kiện toàn các quy định/chính sách về nhân sự, đào tạo và triển khai các cơ chế tạo động lực, tạo khí thế làm việc, nâng cao hiệu quả lao động trên toàn hệ thống (LNTT /người bình quân của riêng Ngân hàng năm 2017 tăng 33% so với 2016).

Bên cạnh việc phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo tổ chức các chương trình kiểm tra, kiểm toán toàn diện/đợt xuất/chuyên đề trong MBGroup, HĐQT đề cao cơ chế đối thoại và trao đổi thường xuyên để kịp thời nắm bắt và hỗ trợ Ban Điều hành, những người đại diện MB tại Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh. Chính vì vậy, trong năm các cuộc họp Thường trực HĐQT được tổ chức hàng tuần, họp HĐQT và các Ủy ban của HĐQT hàng quý, ngoài ra Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT tích cực phát huy vai trò và dành nhiều thời gian làm việc trực tiếp với các đơn vị để đánh giá chính xác tình hình hoạt động và định hướng/chỉ đạo phù hợp với thực tế.

Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và các Thành viên Điều hành trong năm 2017, công tác điều hành mọi mặt hoạt động của ngân hàng đã được thực hiện theo đúng chỉ đạo, định hướng của HĐQT, năng lực kinh doanh và quản trị điều hành ngân hàng được nâng cao, tạo được một số đột phá tích cực khi triển khai các chuyển dịch chiến lược. Công tác phối hợp giữa các thành viên trong hệ thống được tập trung đẩy mạnh, đặc biệt trong việc bán chéo, cung cấp các gói sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng và tận dụng lợi thế về quy mô.



# TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## 2018

Kinh tế thế giới năm 2018 được dự báo sẽ tăng trưởng khả quan hơn năm 2017 nhờ việc bình ổn giá năng lượng và hàng hóa, lòng tin kinh doanh được cải thiện (theo khảo sát PwC về triển vọng 2018, tỷ lệ các lãnh đạo doanh nghiệp tin tưởng vào sự cải thiện của tăng trưởng kinh tế toàn cầu tăng gấp đôi so với năm ngoái), đồng thời hy vọng vào các cuộc cải cách thuế, kích thích tài chính của chính quyền Mỹ, sự phục hồi mang tính chu kỳ ở châu Âu và chính sách đẩy mạnh tăng trưởng của Trung Quốc. Kinh tế Việt Nam năm 2018 sẽ tiếp tục phục hồi theo đà tích cực của năm 2017 với sự tăng trưởng ổn định theo hướng bền vững nhờ những cải cách về thể chế, môi trường đầu tư, giá năng lượng và hàng hóa phục hồi, tạo tiền đề tăng trưởng cho khu vực tư nhân. Động lực tăng trưởng tiếp tục đến từ ngành Công nghiệp chế biến chế tạo với đầu tàu là khối đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tuy nhiên, cấu trúc đầu tư nội địa, cấu trúc ngành, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu nền kinh tế vẫn là thách thức trong năm 2018. Lạm phát sẽ được kiểm soát và ổn định theo mục tiêu đề ra.

Triển vọng ngành ngân hàng 2018 với chất lượng tài sản và nguồn vốn ngày càng cải thiện, vận động cùng chiều với triển vọng tích cực của kinh tế vĩ mô. Chính sách tiền tệ thực thi nơi lỏng linh hoạt nhằm đảm bảo thanh khoản hệ thống, hỗ trợ nền kinh tế tăng trưởng. Nguồn cung ngoại tệ được dự báo sẽ gia tăng trong năm 2018, hỗ trợ cho các mức tỷ giá duy trì ổn định, tạo điều kiện cho NHNN tiếp tục nâng quy mô dự trữ ngoại hối. Một số thách thức các ngân hàng có thể đối mặt là (i) giữ vững mặt bằng lãi suất trước các biến động vĩ mô; (ii) áp lực tăng vốn để đảm bảo hệ số an toàn CAR theo cách tính mới tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN; (iii) quá trình tái cơ cấu cần đẩy nhanh, xử lý nợ xấu đúng mục tiêu định hướng, nhất là trong công tác về quản trị, kiểm soát rủi ro, hoạt động kinh doanh an toàn đảm bảo các tiêu chuẩn của Basel II; (iv) sự cạnh tranh gay gắt trong và ngoài ngành dưới tác động của cách mạng công nghệ 4.0.

Sẵn sàng đón nhận những vận hội và cả những thách thức mới của năm 2018, với sự chỉ đạo kịp thời, sát sao từ HĐQT, sự giám sát chặt chẽ từ Ban Kiểm soát và đặc biệt là sự nhạy bén, linh hoạt, quyết liệt của Ban Điều hành và truyền thống văn hóa đoàn kết, gắn bó của người MB, cùng sự tận tâm nỗ lực cố gắng của toàn thể cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống, MB quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch năm

2018, bám sát phương châm, mục tiêu, trụ cột Chiến lược phát triển 2017 - 2021, hướng đến mục tiêu: **“Top 5 các NHTM về hiệu quả kinh doanh và an toàn”** với Lợi nhuận trước thuế của toàn hệ thống là 6.800 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận của riêng Ngân hàng là 6.500 tỷ đồng. Ngoài việc phấn đấu đảm bảo mức chi trả cổ tức 11% năm 2018, MB dự kiến thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu để chia cho cổ đông (gọi tắt là chia cổ phiếu thưởng) với tỷ lệ 14% phù hợp quy định pháp luật. Như vậy, tổng mức chi trả cổ tức và chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông trong năm 2018 của MB dự kiến là 25%. Đây là một nỗ lực của MB nhằm mang lại giá trị cho cổ đông khi đảm bảo mức chi trả cổ tức đều đặn hàng năm, trong bối cảnh nhiều ngân hàng cổ phần không chi trả cổ tức trong thời gian dài.

Với các giải pháp chiến lược tập trung trên 2 nền tảng, 3 trụ cột, MB tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nhằm nâng cao năng lực cốt lõi của ngân hàng, tăng cường Quan hệ khách hàng, mở rộng các lĩnh vực thanh toán và quản trị rủi ro vượt trội. Các CTTV tập trung các hoạt động cốt lõi, kiện toàn hệ thống quy định nội bộ theo thông lệ quản trị hiệu quả; tăng cường hợp tác với các đối tác của MB và khai thác tối đa tập khách hàng của các đơn vị trong hệ thống, góp phần cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói nhiều tiện ích tới khách hàng, giúp gia tăng giá trị cho cổ đông và các nhà đầu tư. Đồng thời, ngân hàng tiếp tục tập trung các giải pháp thực hiện 4 chuyển dịch chiến lược (đặc biệt là ngân hàng số); kiện toàn hệ thống quy định, chính sách nội bộ trong đó tăng cường các công cụ quản trị hiệu quả, giám sát và kiểm soát chặt chẽ chất lượng; đẩy nhanh tốc độ phục vụ khách hàng đồng thời quan tâm tới bồi dưỡng và đào tạo để phát triển đội ngũ cán bộ các cấp có đức, có tài làm nòng cốt cho MB hiện tại và tương lai.

Năm 2018, HĐQT cam kết sẽ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao và đồng hành cùng Ban Điều hành, đưa MB vững bước tiến lên hoàn thành, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ năm 2018 đồng thời các công ty thành viên phấn đấu bám đuổi mục tiêu hiệu quả mà MB đang duy trì, tập trung các hoạt động cốt lõi, tăng cường bán chéo với các đơn vị trong toàn hệ thống MB, góp phần cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói nhiều tiện ích tới khách hàng, giúp gia tăng giá trị cho cổ đông và các nhà đầu tư.



## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Hoạt động của Hội đồng quản trị  
.....
- Hoạt động của Ban kiểm soát  
.....
- Các giao dịch thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành

# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT, THƯỜNG TRỰC HĐQT VÀ CÁC ỦY BAN CỦA HĐQT:

Trong năm 2017, HĐQT, Thường trực HĐQT và các ủy ban của HĐQT đã tổ chức 63 phiên họp (gồm 4 phiên họp thường kỳ của HĐQT và 59 phiên họp theo cơ chế Thường trực HĐQT và các ủy ban của HĐQT) để định hướng, chỉ đạo hoạt động của MB và các Công ty thành viên trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT phù hợp

quy định pháp luật, quy định nội bộ của MB, hỗ trợ hiệu quả cho Ban Điều hành, những người đại diện MB tại Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh. Chi tiết thống kê sự tham gia của các Thành viên HĐQT tại các phiên họp HĐQT, Thường trực HĐQT và các Ủy ban trong năm như sau:

| Stt | Thành viên HĐQT                                  | Chức vụ                 | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | Số buổi họp /ủy quyền tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp | Ghi chú Note   |
|-----|--|-------------------------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------------|--|
| 1   | <b>Lê Hữu Đức</b>                                | Chủ tịch HĐQT           | 23.04.2014                      | 48/48                         | 100%              |                         | TV HĐQT, TT HĐQT, Ủy ban Nhân sự, TV Ủy ban Tín dụng đến 02/08/2017              |
| 2   | <b>Nguyễn Mạnh Hùng</b>                          | Phó Chủ tịch            | 23.04.2014                      | 46/57                         | 80,70%            | Lịch công tác           | TV HĐQT, TT HĐQT, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban QTRR; TV Ủy ban Tín dụng đến 02/08/2017 |
| 3   | <b>Lưu Trung Thái (Người được ủy quyền CBTT)</b> | Phó Chủ tịch kiêm TGD   | 23.04.2014                      | 61/63                         | 96,83%            | Lịch công tác           | TV HĐQT, TT HĐQT và các Ủy ban   |
| 4   | <b>Lê Công</b>                                   | Phó Chủ tịch            | 23.04.2014                      | 54/57                         | 94,74%            | Lịch công tác           | TV HĐQT, TT HĐQT và các Ủy ban   |
| 5   | <b>Nguyễn Thị Ngọc</b>                           | Thành viên              | 23.04.2014                      | 54/55                         | 98,18%            | Lịch công tác           | TV HĐQT, TT HĐQT, Ủy ban QTRR, Ủy ban Nhân sự (từ 25/01/2017)                    |
| 6   | <b>Nguyễn Thị Thủy</b>                           | Thành viên              | 23.04.2014                      | 55/56                         | 98,21%            | Lịch công tác           | TV HĐQT, TT HĐQT và các Ủy ban (riêng Ủy ban Nhân sự từ 25/01/2017)              |
| 7   | <b>Hà Tiến Dũng</b>                              | Thành viên              | 23.04.2014                      | 4/4                           | 100%              |                         | TV HĐQT  |
| 8   | <b>Nguyễn Văn Hùng</b>                           | Thành viên              | 23.04.2014                      | 4/4                           | 100%              |                         | TV HĐQT  |
| 9   | <b>Nguyễn Đăng Nghiêm</b>                        | Thành viên              | 23.04.2014                      | 4/4                           | 100%              |                         | TV HĐQT  |
| 10  | <b>Nguyễn Văn Huệ</b>                            | Thành viên HĐQT độc lập | 23.04.2014                      | 13/13                         | 100%              |                         | TV HĐQT, Ủy ban QTRR   |
| 11  | <b>Nguyễn Chí Thành</b>                          | Thành viên              | 28.04.2016                      | 4/4                           | 100%              |                         | TV HĐQT  |



## HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

### THÔNG TIN CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN

#### Ủy ban Nhân sự:

- a) Ông Lê Hữu Đức .....Chủ nhiệm Ủy ban
- b) Ông Nguyễn Mạnh Hùng .....Phó Chủ nhiệm Ủy ban
- c) Ông Lưu Trung Thái .....Thành viên Ủy ban
- d) Ông Lê Công .....Thành viên Ủy ban
- e) Bà Nguyễn Thị Thủy .....Thành viên Ủy ban (từ 25/01/2017)
- f) Bà Nguyễn Thị Ngọc .....Thành viên Ủy ban (từ 25/01/2017)

#### Ủy ban Quản trị rủi ro:

- a) Ông Lê Công - .....Chủ nhiệm Ủy ban
- b) Ông Nguyễn Mạnh Hùng .....Thành viên Ủy ban
- c) Ông Lưu Trung Thái .....Thành viên Ủy ban
- d) Bà Nguyễn Thị Thủy .....Thành viên Ủy ban
- e) Bà Nguyễn Thị Ngọc .....Thành viên Ủy ban
- f) Ông Nguyễn Văn Huệ .....Thành viên Ủy ban/Thành viên HĐQT độc lập

#### Ủy ban Tín dụng:

- a) Ông Lưu Trung Thái .....Chủ nhiệm Ủy ban (từ 02/08/2017, trước đó là Thành viên Ủy ban)
- b) Bà Nguyễn Thị Thủy .....Thành viên Ủy ban
- c) Ông Lê Công .....Thành viên Ủy ban
- d) Ông Lê Hữu Đức .....Chủ nhiệm Ủy ban đến 02/08/2017; từ 02/08/2017 không tham gia Ủy ban
- e) Ông Nguyễn Mạnh Hùng .....Thành viên Ủy ban đến 02/08/2017; từ 02/08/2017 không tham gia Ủy ban

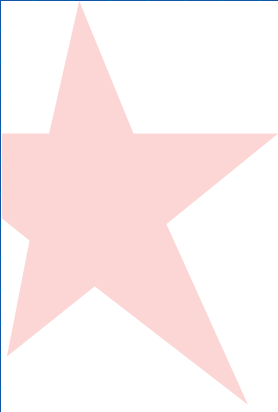
### THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN CỦA HĐQT TRONG NĂM

**Ủy ban Quản trị rủi ro** đã tổ chức họp 9 cuộc trong năm, thực hiện các công việc thuộc chuyên đề rủi ro tín dụng, thị trường, hoạt động và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: Tham mưu cho HĐQT ban hành chính thức Chính sách Tín dụng năm 2017, Chính sách QTRR tín dụng, Quy chế tổ chức hoạt động của Ủy ban Tín dụng, quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng tín dụng, Quy định tổ chức hoạt động phê duyệt tín dụng, Quy định tổ chức hoạt động phê duyệt và thẩm quyền trong hoạt động kinh doanh vốn và tiền tệ tại MB, Chính sách Phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tuân thủ cấm cận, Bộ chỉ tiêu xếp hạng khách hàng định chế tại MB và Điều chỉnh nội dung các chính sách QTRR Thị trường, Thanh khoản và Lãi suất trên sổ Ngân hàng; Tham mưu điều chỉnh/sửa đổi/xây dựng Quy chế tổ chức hoạt động của Ủy ban QTRR, Quy định xử lý các trường hợp khẩn cấp tại MB, Chính sách Tín dụng năm 2018...; Chỉ đạo xây dựng triển khai dự án Basel 2 theo lộ trình đã được phê duyệt và bổ sung chuyên đề về QTRR công nghệ và quản trị dữ liệu nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn MB và hướng dẫn mới của NHNN (Thông tư 41); Thường xuyên giám sát chất lượng tín dụng của MB; ....

**Ủy ban Nhân sự** đã tổ chức 11 cuộc họp trong năm, thực hiện đánh giá thi đua khen thưởng

cấp HĐQT năm 2016 và kỳ 1 năm 2017; Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ủy ban Nhân sự và Kế hoạch nhân sự tập đoàn năm 2017; Định hướng phương án Mô hình tổ chức MB giai đoạn 2017 - 2021 phù hợp với chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2021; đồng thời dành nhiều thời gian để phòng vấn tuyển chọn nhân sự, bố trí, sắp xếp một số vị trí cán bộ quản lý, phù hợp với mô hình tổ chức và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của MB và các công ty thành viên.

**Ủy ban Tín dụng** ưu tiên lấy ý kiến biểu quyết từ xa (bằng văn bản/email), tập trung đóng góp xây dựng các chính sách liên quan, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tín dụng, đáp ứng hiệu quả hơn nhu cầu kinh doanh của MB như: tham gia tích cực đóng góp ý kiến với Ủy ban Quản trị rủi ro trong quá trình xây dựng Chính sách tín dụng, thiết lập mô hình phê duyệt và hệ thống thẩm quyền, giám sát chất lượng tín dụng; chỉ đạo và định hướng các cơ quan xây dựng hạn mức, quy hoạch các nhóm Khách hàng có quan hệ về sở hữu .... Ngoài ra, Ủy ban Tín dụng thực hiện phê duyệt đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phán quyết của Hội đồng Quản trị liên quan đến cấp tín dụng và ban hành các gói sản phẩm tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn, hiệu quả cho MB.



# HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ theo quy định Pháp luật, Điều lệ MB, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và định hướng kế hoạch hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện xây dựng kế hoạch hành động và phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát theo năng lực và kinh nghiệm để triển khai tốt nhiệm vụ. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát tổ chức họp để đánh giá tình hình triển khai hoạt động của Ban Kiểm soát, kết quả triển khai hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành trong quý nhằm kịp thời phát hiện, kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành kiện toàn hệ thống, nâng cao hiệu quả hoạt động của MB, đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ cho quý kế tiếp dựa trên kế hoạch năm đã thống nhất. Các nội dung chính được Ban Kiểm soát tổ chức triển khai trong năm 2017 như sau:

**Giám sát việc tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ MB và Nghị quyết của ĐHĐCĐ:** Ban Kiểm soát thực hiện giám sát việc tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ MB và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong hoạt động quản trị, điều hành, công tác giám sát tập trung vào: giám sát báo cáo tài chính, giao dịch với các bên liên quan và việc triển khai các dự án đầu tư nâng cao năng lực quản trị điều hành. Thông qua giám sát cho thấy về cơ bản MB đã tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ MB và Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông; hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2017; tình hình tài chính MB và các công ty thành viên minh bạch, hiệu quả; giao dịch với bên liên quan được kiện toàn theo đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo hài hòa lợi ích các bên; việc triển khai các dự án đầu tư nâng cao năng lực được thực hiện tích cực.

**Thẩm định Báo cáo tài chính:** Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, 1 năm và đánh giá tính trung thực hợp lý, hợp pháp, mức độ cần trọng trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính. Đồng thời thực hiện giám sát độc lập quá trình kiểm toán và kết quả kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập KPMG về việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017. Sau thẩm định cho thấy báo cáo tài chính của riêng ngân hàng và hợp nhất đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của MB năm 2017.

**Triển khai kiểm toán, kiểm tra kiểm soát tại MB và các công ty thành viên:** Ban Kiểm soát chỉ đạo Cơ quan Kiểm toán nội bộ MB phối hợp với Khối Kiểm tra Kiểm soát nội bộ, Trưởng Ban Kiểm soát các công ty thành viên tổ chức triển khai các chương trình kiểm tra kiểm soát, kiểm toán tại các đơn vị/hoạt động đảm bảo hoạt động kiểm tra kiểm soát, kiểm toán mang tính toàn diện và tránh chồng chéo trong triển khai. Trong năm 2017, MB và các công ty thành viên đã tổ chức nhiều chương trình kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán với nội dung tập trung vào: Thẩm định BCTC; thẩm tra, quyết toán dự án XD CB là các trụ sở chi nhánh; kiểm toán hoạt động thẩm định, quản trị rủi ro; kiểm toán hoạt động cho vay đối với khách hàng lớn tại các chi nhánh; kiểm tra tuân thủ tại tất cả các chi nhánh; kiểm toán toàn diện/chuyên đề tại các công ty thành viên. Kết quả kiểm tra, kiểm toán đã phát hiện các tồn tại, lưu ý và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện, kiện toàn các hoạt động, hệ thống và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh các chương trình kiểm tra nội bộ, MB và các công ty thành viên đã phối hợp làm việc với các đoàn kiểm tra, kiểm toán từ các đơn vị quản lý Nhà nước như: Ngân hàng Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước, Thuế, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giám sát bảo hiểm), Ủy ban Chứng khoán, đặc biệt đây là năm đầu tiên MB làm việc với Kiểm toán Nhà nước. Công tác kiểm tra nhìn chung được triển khai nghiêm túc, có chất lượng cao, kết quả kiểm tra cho thấy MB và các công ty thành viên cơ bản chấp hành tốt các quy định của Pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán, hoạt động kinh doanh theo quy định của Nhà nước và các quy định nội bộ; kinh doanh an toàn, có lãi và đóng góp lớn cho ngân sách Nhà nước.

**Cập nhật danh sách người có liên quan:** Ban Kiểm soát thực hiện quản lý và cập nhật định kỳ danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành và các cổ đông lớn của MB theo đúng quy định pháp luật.

**Kiện toàn hệ thống kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ:** Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã phối hợp với ngân hàng tổ chức triển khai hoạt động quản trị rủi ro theo mô hình 3 vòng bảo vệ, thực hiện phân định rõ chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị nhằm phát huy vai trò kiểm soát trước tại các đơn vị tuyến đầu cũng như vai trò giám sát từ xa, kiểm tra tại chỗ của các đơn

vị thuộc vòng bảo vệ thứ 2 và 3 như quản trị rủi ro, quản trị tài chính, kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ. Năng lực và chất lượng kiểm toán, kiểm soát nội bộ tiếp tục nâng cao thông qua việc: thực hiện đầu tư ứng dụng CNTT vào hoạt động kiểm toán và quản lý thông tin kiểm toán; ban hành sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Cơ quan Kiểm toán nội bộ MB phù hợp với quy định pháp luật và cập nhật

theo thông lệ làm cơ sở để Cơ quan Kiểm toán nội bộ triển khai tốt các chức năng nhiệm vụ; tuyển dụng bổ sung nhân sự là các chuyên gia kiểm toán và kiểm toán viên có chất lượng từ các công ty kiểm toán Big4, các ngân hàng lớn trong hệ thống; thuê chuyên gia đào tạo và cử nhân sự tham dự các khóa đào tạo tại Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH:

Việc Sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát nằm trong hạn mức đã được ĐHCĐ phê duyệt năm 2017. Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được hưởng thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo phù hợp Điều lệ MB, các quy định nội bộ của MB về lương/dãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan.



## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

- Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ có số lượng cổ phiếu phát sinh tăng trong kỳ do tham gia chương trình tăng vốn điều lệ năm 2017.

- Người liên quan của người nội bộ có phát sinh giao dịch trong kỳ cụ thể như sau:

| Stt No | Người thực hiện giao dịch               | Quan hệ với người nội bộ  | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |          | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)   |
|--------|---|---|---------------------------|--------|----------------------------|----------|--|
|        |   |   | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ  | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ    |  |
| 1      | <b>Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC</b>     | Ông Nguyễn Chí Thành<br>-Thành viên HĐQT MB<br>là Phó TGD phụ trách tại Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước- công ty mẹ của Công ty TNHH MTV đầu tư SCIC | 1.379.280                 | 0,08   | 1.655.093                  | 0,09     | - Mua 197.000 cp vì mục đích đầu tư tài chính.<br>- Tăng 78.813 cp theo chương trình tăng vốn điều lệ 2017 của MB. |
| 2      | <b>Lê Quốc Dũng</b>                     | Ông Lê Quốc Minh - Phó TGD MB là anh trai Ông Lê Quốc Dũng  | 2.947                     | 0,0002 | 154                        | 0,000009 | - Bán 2.800 cp vì mục đích chi tiêu cá nhân.<br>- Tăng 7cp theo chương trình tăng vốn điều lệ 2017 của MB          |
| 3      | <b>Quý đầu tư Japan Asia MB Capital</b> | Bà Nguyễn Thị Ngọc-<br>Thành viên HĐQT MB<br>là Chủ tịch HĐQT Công ty quản lý quỹ đầu tư MB - đơn vị quản lý Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital                       | 2.358                     | 0,0001 | 0                          | 0        | - Bán 2.358 cp vì mục đích cơ cấu danh mục đầu tư.   |
| 4      | <b>Đặng Thị Xuân</b>                    | Ông Đặng Quốc Tiến<br>- Thành viên BKS MB<br>là anh trai Bà Đặng Thị Xuân   | 33.207                    | 0,002  | 18.617                     | 0,001    | - Bán 17.000 cp vì mục đích chi tiêu cá nhân.<br>- Tăng 2.410 cp theo chương trình tăng vốn điều lệ 2017           |
| 5      | <b>Nguyễn Quỳnh Mai</b>                 | Ông Hà Trọng Khiêm - Phó TGD MB là chồng bà Nguyễn Quỳnh Mai  | 14.081                    | 0,0008 | 6.836                      | 0,0004   | - Bán 13.380 cp vì mục đích chi tiêu cá nhân.<br>- Tăng 6.135 cp theo chương trình tăng vốn điều lệ 2017.          |
| 6      | <b>Võ Thị Thanh Mai</b>                 | Ông Nguyễn Văn Huệ<br>-Thành viên HĐQT độc lập MB là chồng Bà Võ Thị Thanh Mai  | 20.100                    | 0,001  | 0                          | 0        | - Bán 20.100 cp vì mục đích chi tiêu cá nhân.  |
| 7      | <b>Lê Xuân Linh</b>                     | Bà Lê Thị Lợi - Phó TGD MB kiêm Giám đốc tài chính là em gái Ông Lê Xuân Linh.  | 4.672                     | 0,0003 | 2                          | 0,00     | - Bán 4.670 cp vì mục đích chi tiêu cá nhân.   |
| 8      | <b>Nguyễn Đăng Minh</b>                 | Ông Nguyễn Đăng Nghiê- Thành viên HĐQT MB là bố của Ông Nguyễn Đăng Minh.   | 0                         | 0      | 0                          | 0        | Mục đích đầu tư, chi tiết các giao dịch:<br>- Mua 5.000 cp<br>- Bán 5.000 cp                                       |

## VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Trong những năm qua, MB luôn tuân thủ tốt các quy định pháp luật về quản trị công ty; đồng thời thường xuyên tiếp thu, cập nhật thông lệ quản trị công ty tiên tiến nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành tại MB. Theo đó, MB đã ban hành các Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, BKS, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Điều hành, Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán...phù hợp với quy định về quản trị công ty. Bên cạnh đó, MB luôn tự hào là một trong những Ngân hàng thương mại tại Việt Nam thực hiện tốt chính sách đối với các bên có liên quan (cổ đông, đối tác, khách hàng và CBNV, cộng đồng địa phương).

Đối với cổ đông, MB đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông, đối xử công bằng, minh bạch; đồng thời, cam kết: 1) Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất để bảo vệ giá trị cổ phiếu, đảm bảo quyền lợi cổ đông; 2) Cam kết cung cấp các bản báo cáo tài chính chất lượng, chính trực và minh bạch; 3) Cập nhật các cổ đông về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; Kết quả, năm 2017 MB đạt “Top 5 DN lớn đạt chuẩn về công bố thông tin” theo chương trình bình chọn của HOSE phối hợp với các đơn vị tổ chức.

Đối với đối tác và khách hàng, MB nỗ lực không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ với mong muốn đến lại các sản phẩm tiện ích và giá trị

gia tăng; Các chính sách quản trị rủi ro, tín dụng của MB phù hợp với quy định của NHNN, kiểm soát rủi ro chặt chẽ và hướng đến sự đảm bảo về an toàn cho các dịch vụ cung cấp tới khách hàng. MB là đối tác tin cậy được đánh giá cao với chính sách và chất lượng dịch vụ tốt.

Đối với CBNV, MB tạo công ăn việc làm cho hơn 9.000 người lao động trong toàn hệ thống và MB được bình chọn Top 5 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam trong ngành tài chính - ngân hàng (theo chương trình khảo sát do Aphabe thực hiện năm 2017). MB có các chính sách quản lý, đãi ngộ và phát triển nhân sự tiên tiến được áp dụng, chú trọng các cơ chế tạo động lực bên cạnh những giá trị văn hóa doanh nghiệp được đúc kết từ nhiều năm giúp MB thu hút cũng như giữ chân đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm, đạo đức, gắn bó, nhiệt huyết.

Đối với cộng đồng địa phương, MB thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng thuế, là một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, tham gia đóng góp về kinh phí cho các hoạt động xây dựng địa phương tại những nơi MB hiện diện, đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, từ thiện

(Chi tiết của từng mục, xin xem thêm tại các mục riêng trong Báo cáo).



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Thông tin về ngân hàng  
.....
- Báo cáo của Ban Điều hành  
.....
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất  
.....
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất  
.....
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất  
.....
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

## THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

|                                      |   |   |
|--------------------------------------|---|---|
| <b>GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG</b>           | 0054/NH-GP  | Ngày 14 tháng 9 năm 1994  |
| <b>NGÂN HÀNG SỐ</b>                  | Giấy phép Hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp.  |   |
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>             | Ông Lê Hữu Đức<br>Ông Lưu Trung Thái<br>Ông Nguyễn Mạnh Hùng<br>Ông Lê Công   | Chủ tịch<br>Phó Chủ tịch<br>Phó Chủ tịch<br>Phó Chủ tịch<br>(điều chuyển từ ngày 16/1/2017)   |
| <b>BAN KIỂM SOÁT</b>                 | Ông Hà Tiến Dũng<br>Ông Nguyễn Đăng Nghiêm<br>Bà Nguyễn Thị Thủy<br>Bà Nguyễn Thị Ngọc<br>Ông Nguyễn Văn Hùng<br>Ông Nguyễn Chí Thành<br>Ông Nguyễn Văn Huệ   | Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên HĐQT độc lập   |
| <b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>                 | Bà Vũ Thị Hải Phượng<br>Bà Nguyễn Thanh Bình<br>Bà Lê Minh Hồng<br>Ông Đặng Quốc Tiến<br><br>Ông Lưu Trung Thái<br>Ông Lê Công<br>Ông Đỗ Văn Hưng<br>Bà Nguyễn Thị An Bình<br>Bà Nguyễn Minh Châu<br><br>Bà Phạm Thị Trung Hà<br>Ông Uông Đông Hưng<br>Ông Lê Hải<br>Bà Lê Thị Lợi<br>Ông Trần Minh Đạt<br>Ông Hà Trọng Khiêm<br>Ông Lê Quốc Minh<br>Ông Lê Xuân Vũ | Trưởng ban Kiểm soát<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br><br>Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/1/2017)<br>Tổng Giám đốc (đến ngày 16/1/2017)<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Thành viên Cao cấp Ban Điều hành<br>(từ ngày 19/5/2017)<br>Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18/5/2017)<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Tài chính<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Thành viên Ban Điều hành (từ ngày 3/6/2017) |
| <b>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</b> | Ông Lê Hữu Đức  | Chủ tịch Hội đồng Quản trị  |
| <b>TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ</b>                | Số 21 Cát Linh, Quận Đống Đa<br>Thành phố Hà Nội, Việt Nam  |   |
| <b>CÔNG TY KIỂM TOÁN</b>             | Công ty TNHH KPMG<br>Việt Nam   |   |



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “MB”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng:

- a. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 89 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- b. Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng MB sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



**Lưu Trung Thái**

**Tổng Giám đốc**

**Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các Cổ đông

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “MB”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 02 năm 2018 được trình bày từ trang 5 đến trang 89.

#### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam,

Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-003/4  
  
Wang Toan Kim  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

  
Trương Vĩnh Phúc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Kiểm soát số: 1901-2018-0007-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

(Mẫu B02/TCTD-HN)

|             | Thuyết minh  | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|-------------|--|-------------------------|-------------------------|
| <b>A</b>    | <b>TÀI SẢN</b>   |                         |                         |
| <b>I</b>    | <b>Tiền mặt và vàng</b>  | <b>4</b>                | <b>1.842.032</b>        |
| <b>II</b>   | <b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>                               | <b>5</b>                | <b>6.683.682</b>        |
| <b>III</b>  | <b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác</b>        | <b>6</b>                | <b>53.497.402</b>       |
| <b>1</b>    | Tiền gửi tại các TCTD khác   |                         | 38.765.361              |
| <b>2</b>    | Cho vay các TCTD khác  |                         | 14.928.041              |
| <b>3</b>    | Dự phòng rủi ro  |                         | (196.000)               |
| <b>IV</b>   | <b>Chứng khoán kinh doanh</b>  | <b>7</b>                | <b>2.804.525</b>        |
| <b>1</b>    | Chứng khoán kinh doanh   |                         | 2.839.964               |
| <b>2</b>    | Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh                               |                         | (35.439)                |
| <b>V</b>    | <b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b> | <b>8</b>                | <b>121.592</b>          |
| <b>VI</b>   | <b>Cho vay khách hàng</b>  |                         | <b>182.062.458</b>      |
| <b>1</b>    | Cho vay khách hàng   | 9                       | 184.188.142             |
| <b>2</b>    | Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                                   | 10                      | (2.125.684)             |
| <b>VIII</b> | <b>Chứng khoán đầu tư</b>  | <b>11</b>               | <b>50.677.071</b>       |
| <b>1</b>    | Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán                                   |                         | 43.091.877              |
| <b>2</b>    | Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                              |                         | 7.945.077               |
| <b>3</b>    | Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư                                   |                         | (359.883)               |
| <b>IX</b>   | <b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>                                       | <b>12</b>               | <b>984.562</b>          |
| <b>3</b>    | Đầu tư vào công ty liên kết  |                         | 50.061                  |
| <b>4</b>    | Đầu tư dài hạn khác  |                         | 1.064.147               |
| <b>5</b>    | Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn                                     |                         | (129.646)               |
| <b>X</b>    | <b>Tài sản cố định</b>   |                         | <b>2.604.460</b>        |
| <b>1</b>    | Tài sản cố định hữu hình   | 13                      | 1.586.633               |
| <b>a</b>    | Nguyên giá   |                         | 3.083.031               |

(Các thuyết minh đính kèm là bộ phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này)

|            | Thuyết minh  | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|------------|--|-------------------------|-------------------------|
| <b>b</b>   | Giá trị hao mòn lũy kế                                     | (1.496.398)             | (1.338.054)             |
| <b>3</b>   | Tài sản cố định vô hình                                    | 1.017.827               | 943.630                 |
| <b>a</b>   | Nguyên giá   | 1.602.987               | 1.404.148               |
| <b>b</b>   | Giá trị hao mòn lũy kế                                     | (585.160)               | (460.518)               |
| <b>XI</b>  | <b>Bất động sản đầu tư</b>                                 | <b>15</b>               | <b>92.783</b>           |
| <b>a</b>   | Nguyên giá   | 100.296                 | 155.728                 |
| <b>b</b>   | Giá trị hao mòn lũy kế                                     | (7.513)                 | (6.553)                 |
| <b>XII</b> | <b>Tài sản Có khác</b>                                     | <b>16</b>               | <b>12.507.261</b>       |
| <b>1</b>   | Các khoản phải thu   | 8.973.940               | 7.401.546               |
| <b>2</b>   | Các khoản lãi, phí phải thu                                | 2.840.641               | 2.929.142               |
| <b>3</b>   | Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                | 33(c) 1.436             | 1.641                   |
| <b>4</b>   | Tài sản Có khác  | 1.616.961               | 1.556.606               |
|            | - Trong đó: Lợi thế thương mại                             | 17 75.409               | 84.835                  |
| <b>5</b>   | Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | (925.717)               | (507.665)               |
|            | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>  | <b>313.877.828</b>      | <b>1256.258.500</b>     |

(Các thuyết minh đính kèm là bộ phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này)

|             | Thuyết minh  | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|-------------|--|-------------------------|-------------------------|
| <b>B</b>    | <b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                         |                         |                         |
|             | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>   |                         |                         |
| <b>I</b>    | <b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>          | <b>18</b>               | <b>1.847.879</b>        |
|             |  |                         | -                       |
| <b>II</b>   | <b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>                         | <b>19</b>               | <b>46.101.157</b>       |
| <b>1</b>    | Tiền gửi của các TCTD khác                                   |                         | 36.212.214              |
| <b>2</b>    | Vay các TCTD khác  |                         | 9.888.943               |
| <b>III</b>  | <b>Tiền gửi của khách hàng</b>                               | <b>20</b>               | <b>220.176.022</b>      |
| <b>V</b>    | <b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b> | <b>21</b>               | <b>297.000</b>          |
| <b>VI</b>   | <b>Phát hành giấy tờ có giá</b>                              | <b>22</b>               | <b>6.022.222</b>        |
| <b>VII</b>  | <b>Các khoản nợ khác</b>                                     | <b>23</b>               | <b>9.832.378</b>        |
| <b>1</b>    | Các khoản lãi, phí phải trả                                  |                         | 2.755.868               |
| <b>3</b>    | Các khoản phải trả và công nợ khác                           |                         | 7.076.510               |
|             | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                                      |                         | <b>284.276.658</b>      |
|             | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>  |                         |                         |
| <b>VIII</b> | <b>Vốn chủ sở hữu</b>  | <b>24</b>               | <b>29.601.170</b>       |
| <b>1</b>    | Vốn của TCTD   |                         | 18.983.251              |
| <b>a</b>    | Vốn điều lệ  |                         | 18.155.054              |
| <b>c</b>    | Thặng dư vốn cổ phần   |                         | 828.197                 |
| <b>2</b>    | Quỹ của TCTD   |                         | 3.209.154               |
| <b>5</b>    | Lợi nhuận chưa phân phối                                     |                         | 5.977.328               |
| <b>6</b>    | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát                          |                         | 1.431.437               |
|             | <b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                   |                         | <b>29.601.170</b>       |
|             | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                    |                         | <b>313.877.828</b>      |
|             |  |                         | <b>256.258.500</b>      |

(Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này)

|  | Thuyết minh                                    | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|--|--|-------------------------|-------------------------|
| <b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b> |  |                         |                         |
| <b>I</b>                                       | <b>NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT KHÁC</b> | <b>187.346.052</b>      | <b>115.197.892</b>      |
| <b>1</b>                                       | Bảo lãnh vay vốn                               | 53.016                  | 37.093                  |
| <b>2</b>                                       | Cam kết giao dịch hối đoái                     | 88.651.794              | 36.433.120              |
|  | Cam kết mua ngoại tệ                           | 6.483.336               | 3.930.388               |
|  | Cam kết bán ngoại tệ                           | 9.679.615               | 5.694.997               |
|  | Cam kết giao dịch hoán đổi                     | 72.488.843              | 26.807.735              |
| <b>4</b>                                       | Cam kết trong nghiệp vụ L/C                    | 25.280.378              | 27.892.246              |
| <b>5</b>                                       | Bảo lãnh khác                                  | 57.845.135              | 46.232.202              |
| <b>6</b>                                       | Các cam kết khác                               | 15.515.729              | 4.603.231               |

Người lập



Lê Thị Huyền Trang  
Phó phòng Phòng Kế toán  
Tổng hợp và Báo cáo

Người soát xét



Lê Thị Lợi  
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Lưu Trung Thái  
Tổng Giám Đốc

(Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

(Mẫu B03/TCTD-HN)

|             | Thuyết minh   | 2017<br>Triệu VND | 2016<br>Triệu VND  |                    |
|-------------|---|-------------------|--------------------|--------------------|
| <b>1</b>    | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự   | 25                | 19.876.026         | 15.552.477         |
| <b>2</b>    | Chi phí lãi và các chi phí tương tự   | 25                | (8.657.074)        | (7.573.533)        |
| <b>I</b>    | <b>Thu nhập lãi thuần</b>   | <b>25</b>         | <b>11.218.952</b>  | <b>7.978.944</b>   |
| <b>3</b>    | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ   | 26                | 3.222.839          | 1.297.890          |
| <b>4</b>    | Chi phí hoạt động dịch vụ   | 26                | (2.092.163)        | (615.250)          |
| <b>II</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>   | <b>26</b>         | <b>1.130.676</b>   | <b>682.640</b>     |
| <b>III</b>  | <b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>  | <b>27</b>         | <b>201.772</b>     | <b>113.354</b>     |
| <b>V</b>    | <b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn</b> | <b>28</b>         | <b>144.445</b>     | <b>101.443</b>     |
| <b>5</b>    | Thu nhập từ hoạt động khác  | 29                | 1.633.022          | 1.019.373          |
| <b>6</b>    | Chi phí hoạt động khác  | 29                | (523.948)          | (142.554)          |
| <b>VI</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>  | <b>29</b>         | <b>1.109.074</b>   | <b>876.819</b>     |
| <b>VII</b>  | <b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>   | <b>30</b>         | <b>62.157</b>      | <b>102.157</b>     |
| <b>VIII</b> | <b>Chi phí hoạt động</b>  | <b>31</b>         | <b>(5.999.239)</b> | <b>(4.174.668)</b> |
| <b>IX</b>   | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro</b>                      |                   | <b>7.867.837</b>   | <b>5.680.689</b>   |
| <b>X</b>    | <b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>   | <b>32</b>         | <b>(3.252.111)</b> | <b>(2.030.104)</b> |
| <b>XI</b>   | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>  |                   | <b>4.615.726</b>   | <b>3.650.585</b>   |
| <b>7</b>    | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  | 33                | (1.125.106)        | (766.870)          |
| <b>8</b>    | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   | 33                | (205)              | (164)              |

(Các thuyết minh đính kèm là bộ phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này)



|             | Thuyết minh                                    | 2017<br>Triệu VND | 2016<br>Triệu VND  |
|-------------|--|-------------------|--------------------|
| <b>XII</b>  | <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>      | <b>33</b>         | <b>(1.125.311)</b> |
| <b>XIII</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                      | <b>3.490.415</b>  | <b>2.883.551</b>   |
| <b>XIV</b>  | <b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>     | <b>(29.212)</b>   | <b>(28.252)</b>    |
| <b>XV</b>   | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b> | <b>34</b>         | <b>1.625</b>       |

Người lập



Lê Thị Huyền Trang  
Phó phòng Phòng Kế toán  
Tổng hợp và Báo cáo

Người soát xét



Lê Thị Lợi  
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Lưu Trung Thái  
Tổng Giám Đốc

(Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017 (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

(Mẫu B04/TCTD-HN)

|  | 2017<br>Triệu VND | 2016<br>Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>   |                   |                   |
| <b>01</b> Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được                                      | 19.964.527        | 15.491.948        |
| <b>02</b> Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả   | (8.246.817)       | (7.041.749)       |
| <b>03</b> Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được  | 1.130.676         | 682.640           |
| <b>04</b> Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán                       | 233.337           | 301.534           |
| <b>05</b> Chi phí khác   | (1.882.694)       | (1.538.408)       |
| <b>06</b> Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro                 | 779.399           | 508.786           |
| <b>07</b> Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ                                   | (3.254.598)       | (2.210.107)       |
| <b>08</b> Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm   | (980.880)         | (736.336)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động</b> | <b>7.742.950</b>  | <b>5.458.308</b>  |
| <b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>   |                   |                   |
| <b>09</b> Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác                                    | 157.328           | (3.479.239)       |
| <b>10</b> Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán  | 2.090.622         | (4.194.635)       |
| <b>11</b> (Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác                  | (68.173)          | 43.018            |
| <b>12</b> Tăng các khoản cho vay khách hàng  | (33.450.440)      | (29.288.584)      |
| <b>13</b> Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư             | (4.021.459)       | (1.474.413)       |
| <b>14</b> Tăng khác về tài sản hoạt động   | (1.460.837)       | (1.341.016)       |
| <b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>   |                   |                   |
| <b>15</b> Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước                                   | 1.847.879         | (1.411.502)       |
| <b>16</b> Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác  | 21.388.181        | 17.135.490        |
| <b>17</b> Tăng tiền gửi của khách hàng   | 25.363.625        | 13.247.013        |
| <b>18</b> Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá   | 3.655.269         | (83.105)          |
| <b>19</b> Tăng/(giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro                       | 38.830            | (59.788)          |
| <b>21</b> Tăng khác về nợ hoạt động  | 889.684           | 2.105.472         |
| <b>22</b> Chi từ các quỹ của TCTD  | (170.753)         | (165.843)         |

(Các thuyết minh đính kèm là bộ phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này)

|   | 2017<br>Triệu VND | 2016<br>Triệu VND  |
|---|-------------------|--------------------|
| <b>I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                | <b>24.002.706</b> | <b>(3.508.824)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>  |                   |                    |
| <b>01</b> Mua sắm tài sản cố định   | (502.937)         | (560.725)          |
| <b>02</b> Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                            | 100.127           | 289.677            |
| <b>04</b> Mua sắm bất động sản đầu tư   | (6.539)           | -                  |
| <b>07</b> Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                                | (197.590)         | -                  |
| <b>08</b> Tiền thu từ đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                             | 1.130.293         | 587.075            |
| <b>09</b> Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 62.157            | 61.686             |
| <b>II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                   | <b>585.511</b>    | <b>377.713</b>     |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |                   |                    |
| <b>01</b> Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu                                      | 171.275           | -                  |
| <b>04</b> Cổ tức trả cho cổ đông  | (1.054.493)       | (22.185)           |
| <b>III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                               | <b>(883.218)</b>  | <b>(22.185)</b>    |
| <b>IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>   | <b>23.704.999</b> | <b>(3.153.296)</b> |
| <b>V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>                     | <b>22.849.070</b> | <b>26.002.366</b>  |
| <b>VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (Thuyết minh 35)</b> | <b>46.554.069</b> | <b>22.849.070</b>  |

Người lập



Lê Thị Huyền Trang  
Phó phòng Phòng Kế toán  
Tổng hợp và Báo cáo

Người soát xét



Lê Thị Lợi  
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Lưu Trung Thái  
Tổng Giám Đốc

(Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017 (Mẫu B05/TCTD-HN)

### 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 và Quyết định số 00374/GP-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 50 năm.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn cổ phần của Ngân hàng là 18.155.053.630.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17.127.409.090.000 VND). Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 VND.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 21 Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, chín mươi sáu (96) chi nhánh (trong đó có hai (2) chi nhánh tại nước ngoài), một trăm tám mươi tám (188) phòng giao dịch, một (1) văn phòng đại diện tại nước ngoài được NHNNVN cấp phép thành lập (ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, chín mươi một (91) chi nhánh (trong đó có hai (2) chi nhánh tại nước ngoài), một trăm bảy mươi sáu (176) phòng giao dịch, một (1) văn phòng đại diện tại nước ngoài được NHNNVN cấp phép thành lập).

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “MB”).

(\*) Trong năm 2017, Ngân hàng đã chuyển nhượng 50% vốn góp vào Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (trước đây là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MB) cho hai đối tác là Ngân hàng Shinsei Bank, Limited (49%), theo Hợp đồng liên doanh ngày 21 tháng 11 năm 2016, được sửa đổi lần 4 vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành (1%), theo Hợp đồng ngày 30 tháng 11 năm 2016. Ngân hàng vẫn giữ quyền kiểm soát đối với MB Shinsei sau khi chuyển nhượng phần vốn góp này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, MB có bảy (7) công ty con như sau:

|   | TÊN CÔNG TY   | GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG   | LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG                                       | TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NGÂN HÀNG |            |
|---|---|---|--|----------------------------|------------|
|   |   |   |  | 31/12/2017                 | 31/12/2016 |
| 1 | <b>CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP QUẢN ĐỘI (“MB AMC”)</b> | 0105281799 ngày 11 tháng 7 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp               | Quản lý nợ và khai thác tài sản                          | <b>100,00%</b>             | 100,00%    |
| 2 | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (“MBS”)</b>                                     | 116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp               | Chứng khoán  | <b>79,52%</b>              | 79,52%     |
| 3 | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB (“MB CAP”)</b>                           | 06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp              | Quản lý quỹ đầu tư                                       | <b>90,77%</b>              | 90,77%     |
| 4 | <b>CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MB SHINSEI (*)</b>                                      | 27/GP-NHNN ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp               | Tài chính tiêu dùng                                      | <b>50,00%</b>              | 100,00%    |
| 5 | <b>TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI (“MIC”)</b>                             | 43/GPĐC18/KDBH ngày 21 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài Chính cấp                           | Bảo hiểm phi nhân thọ                                    | <b>69,58%</b>              | 69,58%     |
| 6 | <b>CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MB AGEAS</b>                                    | 74/GP/KDBH ngày 21 tháng 07 năm 2016 do Bộ Tài Chính cấp                              | Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính | <b>61,00%</b>              | 61,00%     |
| 7 | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MBLAND (“MB LAND”) (**)</b>                       | 0102631822 ngày 21 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp              | Kinh doanh bất động sản                                  | <b>65,29%</b>              | 65,29%     |
|   | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REMAX (***)</b>   | 0304136549 ngày 8 tháng 2 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp | Đầu tư xây dựng công trình khu dân cư, cao ốc văn phòng  | <b>0,00%</b>               | 65,29%     |

(\*\*) MB sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con.

(\*\*\*) Trong năm 2017, MB đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Việt REMAX.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, MB có 13.094 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.656 nhân viên).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### A. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

### B. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

### C. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### D. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của MB là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất (“Triệu VND”).

### E. Hình thức kế toán áp dụng

MB sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được MB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### A. Cơ sở hợp nhất

#### i. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của MB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### ii. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của MB trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của MB trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

#### iii. Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà MB có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi trong tài sản thuần của đơn vị nhận đầu tư tương ứng với phần sở hữu lợi ích của MB.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà MB được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của MB, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà MB phải chia sẻ vượt quá lợi ích của MB trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà MB có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

#### iv. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ MB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư

trong phạm vi lợi ích của MB tại đơn vị nhận đầu tư. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

#### **v. Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho MB. Sự kiểm soát tồn tại khi MB có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

### **B. Ngoại tệ**

#### **i. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh của MB được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái quy định vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại Thuyết minh 43), các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của MB được quy đổi sang VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **ii. Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh giao dịch.

### **C. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng.

Vàng được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **D. Chứng khoán kinh doanh**

#### **i. Phân loại**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác, được mua với mục đích bán lại để thu lợi nhuận trong ngắn hạn.

#### **ii. Ghi nhận**

MB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Ngân hàng trở thành một bên đối tác của hợp đồng mua các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch).

#### **iii. Đo lường**

Chứng khoán kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”) như được trình bày trong Thuyết minh 3(g).

Các chứng khoán kinh doanh khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi giá thị trường thấp hơn giá đang ghi trên sổ sách kế toán.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“thị trường UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UPCOM tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM nhưng được tự do mua bán

trên thị trường OTC, giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Đối với các loại chứng khoán nợ kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này được hạch toán theo giá gốc.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ kinh doanh trong thời gian nắm giữ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Dự phòng rủi ro tín dụng của chứng khoán kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

#### iv. Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

### E. Chứng khoán đầu tư

#### i. Phân loại

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. MB phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, MB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

##### Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà MB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

##### Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể

được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

#### ii. Ghi nhận

MB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày MB trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

#### iii. Đo lường

##### Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau đó các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UpCom”) là giá đóng cửa vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (“OTC”) là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND. Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Dự phòng rủi ro giảm giá chứng khoán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

##### Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày



đáo hạn của chứng khoán đó.

Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ trừ đi dự phòng giảm giá khi giá gốc được phân bổ cao hơn giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chứng khoán nợ đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá chứng khoán nợ đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là MB khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và MB không trích lập dự phòng giảm giá đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn của chứng khoán nợ đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh 3(g).

Các chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán) được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán được tính theo giá thị trường của các chứng khoán này. Trong trường hợp không có giá thị trường hoặc giá thị trường không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này sẽ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi MB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và dự phòng giảm giá của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của các chứng khoán này tăng lên sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

#### iv. Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được dừng ghi nhận khi

các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

#### v. Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng.

Ngân hàng kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 (“Công văn 8499”) và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 (“Công văn 925”). Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàng ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 (“Thông tư 19”) quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2015 (“Thông tư 14”) và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 08”) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19. Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, MB phải trích lập đủ số dự phòng

cụ thể nói trên. MB trích lập dự phòng này định kỳ hàng tháng. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

MB không phải trích lập dự phòng chung cho các trái phiếu đặc biệt này.

## **F. Các khoản đầu tư dài hạn**

### **i. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà MB có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền chi phối đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà MB được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của MB, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của các công ty liên kết mà MB phải chia sẻ vượt quá lợi ích của MB trong công ty liên kết đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà MB có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho các công ty liên kết.

### **ii. Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà MB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các đơn vị nhận đầu tư mà MB đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của MB tại đơn vị nhận đầu tư.

Dự phòng giảm giá được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc MB đã

chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các khoản đầu tư này.

## **G. Cho vay khách hàng**

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng chung và dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có thời hạn không quá 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của MB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản cho vay này chấm dứt, hay khi MB chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản cho vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho VAMC, MB tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các hướng dẫn trong Công văn 8499 và Công văn 925.

### **i. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng**

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của các khoản cho vay theo Điều 11 của Thông tư 02. Phương pháp phân loại các khoản cho vay khách hàng của MB dựa trên cả hai yếu tố định tính và định lượng được NHNNVN phê duyệt trong Công văn số 8738/NHNN-CNH ngày 25 tháng 9 năm 2008 (“Công văn 8738”). Trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản cho vay khách hàng theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 02 khác nhau thì khoản cho vay này phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Theo đó, các khoản cho vay được phân loại theo mức độ rủi ro như sau:

| STT | XẾP HẠNG | NHÓM NỢ | MÔ TẢ                  |
|-----|----------|---------|------------------------|
| 1   | AAA      | Nhóm 1  | Nợ đủ tiêu chuẩn       |
| 2   | AA       | Nhóm 1  | Nợ đủ tiêu chuẩn       |
| 3   | A        | Nhóm 1  | Nợ đủ tiêu chuẩn       |
| 4   | BBB      | Nhóm 2  | Nợ cần chú ý           |
| 5   | BB       | Nhóm 2  | Nợ cần chú ý           |
| 6   | B        | Nhóm 3  | Nợ dưới tiêu chuẩn     |
| 7   | CCC      | Nhóm 3  | Nợ dưới tiêu chuẩn     |
| 8   | CC       | Nhóm 4  | Nợ nghi ngờ            |
| 9   | C        | Nhóm 4  | Nợ nghi ngờ            |
| 10  | D        | Nhóm 5  | Nợ có khả năng mất vốn |

Theo Điều 10, khoản 3a của Thông tư 02, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;
- Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; và
- Ngân hàng đáp ứng được các quy định của NHNNVN về các giới hạn tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, MB có thể thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay như đã được phân loại hiện tại. Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 02 có hiệu lực

thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ sau ngày 1 tháng 4 năm 2015 không được giữ nguyên nhóm nợ và được phân loại vào nhóm nợ tương ứng theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 02.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với MB mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì MB buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi MB tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, MB thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối, các ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn và của MB.

MB cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm thông tin tín dụng thuộc NHNNVN ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp. MB điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư

09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại cuối mỗi quý được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng đối với Quý 4, dự phòng cụ thể được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11) trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 02, cụ thể như sau:

- Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng và tài sản đảm bảo có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá.
- Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của MB.

| STT      | NHÓM NỢ                | TỶ LỆ DỰ PHÒNG CỤ THỂ |
|----------|------------------------|-----------------------|
| <b>1</b> | Nợ đủ tiêu chuẩn       | 0%                    |
| <b>2</b> | Nợ cần chú ý           | 5%                    |
| <b>3</b> | Nợ dưới tiêu chuẩn     | 20%                   |
| <b>4</b> | Nợ nghi ngờ            | 50%                   |
| <b>5</b> | Nợ có khả năng mất vốn | 100%                  |

| LOẠI TÀI SẢN BẢO ĐẢM  | TỶ LỆ KHẤU TRỪ TỐI ĐA |
|---|-----------------------|
| Tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam  | 100%                  |
| Vàng miếng, trừ vàng miếng không có giá niêm yết và các loại vàng khác, tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ   | 95%                   |
| Trái phiếu chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Có thời hạn còn lại dưới 1 năm</li> <li>• Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm</li> <li>• Có thời hạn còn lại trên 5 năm</li> </ul> | 95%<br>85%<br>80%     |
| Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán  | 70%                   |
| Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán  | 65%                   |
| Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá (trừ các chứng khoán và giấy tờ có được quy định tại Điểm c, Khoản 6, Điều 12, Thông tư 02), do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành   | 50%                   |
| Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá (trừ các chứng khoán và giấy tờ có được quy định tại Điểm c, Khoản 6, Điều 12, Thông tư 02), do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành   | 30%                   |
| Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành  | 30%                   |
| Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành  | 10%                   |
| Bất động sản  | 50%                   |
| Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác  | 30%                   |

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

Theo Công văn 8738, dự phòng chung và dự phòng cụ thể của MB tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trích lập dựa trên dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

MB trích lập và duy trì khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung bằng 0,75% tổng số dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

#### **ii. Dự phòng cho các khoản cho vay khách hàng liên quan đến giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng mua bán chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB, công ty con của Ngân hàng**

Các khoản cho vay này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Đối với các khoản cho vay quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được áp dụng tương tự như chính sách kế toán áp dụng đối với các khoản phải thu khác như được trình bày trong Thuyết minh 3(n).

#### **H. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 tương tự như chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh 3(g).

#### **I. Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng**

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. MB không lập dự phòng cho các khoản cam kết ngoại bảng, trừ khi MB phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh; trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

#### **J. Các công cụ tài chính phái sinh**

##### **i. Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ**

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được ghi nhận theo giá trị thuần trong báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên giá trị hợp đồng. Chênh lệch giữa số lượng tiền tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá ghi trên hợp đồng và số lượng tiền tệ cam kết mua/bán được quy đổi theo tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Số dư của hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay vào cuối mỗi tháng. Lãi/lỗ từ các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### **ii. Các hợp đồng hoán đổi lãi suất**

Giá trị cam kết trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng

tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn tiền tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự như đối với các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

## **K. Tài sản cố định hữu hình**

### **i. Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

### **ii. Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 6 - 30 năm
- Máy móc thiết bị 3 - 6 năm
- Phương tiện vận tải 6 -10 năm
- Các tài sản cố định hữu hình khác 4 - 6 năm

## **L. Tài sản cố định vô hình**

### **i. Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5

năm.

## **ii. Quyền sử dụng đất**

### **Quyền sử dụng đất có thời hạn**

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua đất và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 30 đến 46 năm.

### **Quyền sử dụng đất vô thời hạn**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

## **iii. Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

## **M. Bất động sản đầu tư**

### **i. Bất động sản đầu tư cho thuê**

#### **Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là 40 năm.

## ii. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## N. Các tài sản có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của MB, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

MB xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các

tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

### THỜI GIAN QUÁ HẠN

### MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG

|  |      |
|--|------|
| • Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30%  |
| • Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm        | 50%  |
| • Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm         | 70%  |
| • Từ ba (03) năm trở lên                       | 100% |

Chi phí dự phòng phát sinh trong năm được hạch toán vào “Chi phí dự phòng rủi ro” trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## O. Các khoản dự phòng

### i. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2017, dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tài bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (“Thông tư 125”), Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm (“Nghị định 73”), và Công văn số 1938/BTC-QLBH ngày 3 tháng 2 năm 2016 của Bộ

Tài chính.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017, dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Nghị định 73 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 về Hướng dẫn thi hành Nghị định 73, và Công văn số 1938/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 3 tháng 2 năm 2016.

### ii. Các khoản dự phòng khác

Một khoản dự phòng khác các khoản dự phòng được trình bày trong các Thuyết minh 3(d), 3(e), 3(f), 3(g), 3(h), 3(i), 3(n) và 3(o)(i) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, MB có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở



thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **P. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua và sáp nhập một công ty khác. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Ngân hàng trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại sẽ được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

#### **Q. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho MB từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho MB và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được MB chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, MB đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp

dụng phi hồi tố từ năm 2012.

#### **R. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước**

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

#### **S. Tiền gửi và vay các TCTD khác**

Tiền gửi và vay các TCTD khác được phản ánh theo giá gốc.

#### **T. Tiền gửi của khách hàng**

Tiền gửi của khách hàng được phản ánh theo giá gốc.

#### **U. Phát hành giấy tờ có giá**

Phát hành giấy tờ có giá được phản ánh theo giá gốc. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

#### **V. Các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

#### **W. Vốn điều lệ**

##### **i. Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

##### **ii. Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

#### **X. Các quỹ dự trữ**

##### **i. Các quỹ dự trữ của Ngân hàng**

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 (“Nghị định 93”), trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc sau:

|                                | <b>PHÂN PHỐI HÀNG NĂM</b> | <b>SỐ DƯ TỐI ĐA</b> |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% lợi nhuận sau thuế     | Vốn điều lệ         |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 10% lợi nhuận sau thuế    | Không quy định      |

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ này được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

**Các quỹ dự trữ của công ty con Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP**

**Quân đội (“MB AMC”)**

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận được MB AMC thực hiện tương tự như Ngân hàng. Các quỹ dự trữ và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu sẽ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào cuối năm theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“MBS”) và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“MB Capital”)**

MBS và MB Capital trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm

|                                | <b>TỶ LỆ TRÍCH LẬP HÀNG NĂM</b> | <b>SỐ DƯ TỐI ĐA</b> |
|--------------------------------|---------------------------------|---------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% lợi nhuận sau thuế           | 10% vốn điều lệ     |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 5% lợi nhuận sau thuế           | 10% vốn điều lệ     |

2014 như sau:

Các quỹ khác của MBS và MB Capital thực hiện việc trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (“MB Shinsei”)**

Theo Nghị định 93, MB Shinsei phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (“MIC”) và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (“MB Ageas”)**

MIC và MB Ageas phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ.

**Các công ty con khác**

Các công ty con khác trích lập các quỹ dự trữ theo hướng dẫn của Ngân hàng. Các tỷ lệ trích lập thông thường phù hợp với các tỷ lệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Nghị định 93.

**Y. Doanh thu**

**i. Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ

được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 theo chính sách phân loại nợ được trình bày tại Thuyết minh 3(g) được ghi nhận khi MB thực sự thu được.

Thu nhập lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của MBS được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi khoản tiền lãi là không chắc chắn.

**ii. Thu nhập từ phí và hoa hồng**

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

**iii. Thu nhập từ hoạt động đầu tư**

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của MB được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, MB chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### **iv. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### **v. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm (“Nghị định 73”), Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 Hướng dẫn thi hành Nghị định 73, cụ thể như sau:

- hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; và
- hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có

thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào thu nhập khoản tiền cho bên mua bảo hiểm nợ mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng đối với mỗi loại sản phẩm đã được Bộ Tài chính phê duyệt khi sản phẩm được phát hành. Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phần ảnh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm. Các khoản doanh thu và chi phí liên quan đến các khoản nhận tái bảo hiểm mà bên nhượng tái bảo hiểm chưa gửi bản thanh toán về tái bảo hiểm được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của bên nhượng tái bảo hiểm. Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng.

#### **z. Chi phí lãi**

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

##### **aa. Chi phí hoạt động dịch vụ**

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

##### **bb. Chi phí cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi MIC và MB Ageas chấp nhận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho MIC và MB Ageas và MIC và MB Ageas chấp nhận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Các chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

##### **cc. Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### dd. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### ee. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

MB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền

mua cổ phiếu.

#### ff. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

#### gg. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của MB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

#### hh. Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại từng thời điểm, MB có các cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay và các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. MB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh các cam kết chắc chắn về các dòng tiền dự kiến trong tương lai.

#### ii. Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của MB và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, MB phân loại các công cụ tài chính như sau:

##### (i). Tài sản tài chính

**Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một

trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MB xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà MB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được MB xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được MB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### **Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

các khoản mà MB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được MB xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- các khoản được MB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà MB nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban

đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

#### **(ii). Nợ phải trả tài chính**

#### **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được phát sinh chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ

nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về đo lường giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### jj. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

#### 4. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

|                                | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|--------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Tiền mặt tại quỹ bằng VND      | 1.373.927               | 1.161.239               |
| Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ | 465.087                 | 355.432                 |
| Vàng                           | 3.018                   | 3.281                   |
|                                | <b>1.842.032</b>        | <b>1.519.952</b>        |

#### 5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

|   | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)    | 5.466.939               | 9.280.759               |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)        | 226.317                 | 277.966                 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii) | 990.426                 | 443.753                 |
|   | <b>6.683.682</b>        | <b>10.002.478</b>       |

#### i. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc (“DTBB”). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

#### LOẠI TIỀN GỬI

#### TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC

|   | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|---|------------|------------|
| Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:                         |            |            |
| Khách hàng  |            |            |
| • Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn dưới 12 tháng       | 8,00%      | 8,00%      |
| • Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên | 6,00%      | 6,00%      |
| • Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng                     | 3,00%      | 3,00%      |
| • Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên               | 1,00%      | 1,00%      |
| Tổ chức tín dụng nước ngoài                                       |            |            |
| • Tiền gửi bằng ngoại tệ  | 1,00%      | 1,00%      |

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

|                          | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
|--------------------------|------------|------------|
| Dự trữ bắt buộc bằng VND | 1,20%      | 1,20%      |
| Dự trữ bắt buộc bằng USD | 0,05%      | 0,05%      |

Ngân hàng Nhà nước quyết định lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc và lãi suất tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc đối với từng loại hình tổ chức tín dụng và từng loại tiền gửi trong từng thời kỳ.

- ii. **Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Kip Lào (“LAK”) và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và tiền gửi ký quỹ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.**

Tỷ lệ tiền gửi ký quỹ tại thời điểm cuối năm như sau:

| LOẠI TIỀN GỬI   | TỶ LỆ KÝ QUỸ |            |
|---|--------------|------------|
|   | 31/12/2017   | 31/12/2016 |
| • Tiền gửi bằng ngoại tệ khác LAK có thời hạn dưới 12 tháng       | 10,00%       | 10,00%     |
| • Tiền gửi bằng ngoại tệ khác LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên | 0,00%        | 0,00%      |
| • Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng                     | 5,00%        | 5,00%      |
| • Tiền gửi bằng LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên               | 0,00%        | 0,00%      |

Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

- iii. **Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Khmer Riels (“KHR”) và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại Vương quốc Campuchia và tiền gửi ký quỹ theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi ký quỹ được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ ký quỹ tương ứng.**

Tỷ lệ tiền gửi ký quỹ tại thời điểm cuối năm như sau:

| LOẠI TIỀN GỬI                     | TỶ LỆ KÝ QUỸ |            |
|-----------------------------------|--------------|------------|
|                                   | 31/12/2017   | 31/12/2016 |
| • Tiền gửi bằng ngoại tệ khác KHR | 12,50%       | 12,50%     |
| • Tiền gửi bằng KHR               | 8,00%        | 8,00%      |

Khoản tiền gửi ký quỹ 8% bằng KHR không được hưởng lãi suất, khoản tiền gửi ký quỹ 12,50% bằng ngoại tệ khác KHR được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Ngân hàng Quốc gia Campuchia quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn.

## 6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

|                                     | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>        |                         |                         |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND      | 5.825.375               | 587.283                 |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 11.934.083              | 3.164.561               |
|                                     | <b>17.759.458</b>       | <b>3.751.844</b>        |
| <b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>        |                         |                         |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND      | 17.209.350              | 9.133.249               |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 3.796.553               | -                       |
|                                     | <b>21.005.903</b>       | <b>9.133.249</b>        |
| <b>Cho vay các TCTD khác</b>        |                         |                         |
| Cho vay bằng VND                    | 11.724.656              | 13.678.613              |
| Cho vay bằng ngoại tệ               | 3.203.385               | 585.309                 |
|                                     | <b>14.928.041</b>       | <b>14.263.922</b>       |
| Dự phòng rủi ro (i)                 | (196.000)               | (196.216)               |
|                                     | <b>53.497.402</b>       | <b>26.952.799</b>       |

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

|                                 | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|---------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn       | 35.737.944              | 23.201.171              |
| Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn | 196.000                 | 196.000                 |
|                                 | <b>35.933.944</b>       | <b>23.397.171</b>       |

## i. Dự phòng rủi ro tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

|                                 | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|---------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể | 196.000                 | 196.216                 |

Biến động dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể của tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

|   | 2017<br>Triệu VND | 2016<br>Triệu VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm                                 | 196.216           | 269.000           |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32) | (216)             | (72.784)          |
| Số dư cuối năm                                | <b>196.000</b>    | <b>196.216</b>    |



Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

|                                     | 31/12/2017    | 31/12/2016    |
|-------------------------------------|---------------|---------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND      | 0,15%         | 0,30%         |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 0,00%         | 0,00%         |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND         | 1,50% - 4,30% | 4,70% - 5,90% |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ    | 1,65% - 2,30% | 0,90% - 2,40% |
| Cho vay bằng VND                    | 1,50% - 4,90% | 4,60% - 5,80% |
| Cho vay bằng ngoại tệ               | 1,65% - 2,60% | 1,00% - 2,50% |

## 7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

|  | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| <b>Chứng khoán nợ</b>  |                         |                         |
| • Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành                          | 2.000.398               | -                       |
| <b>Chứng khoán vốn</b>   |                         |                         |
| • Chứng khoán vốn do các TCTD trong nước phát hành                     | 64.116                  | 9.273                   |
| • Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành | 775.450                 | 1.051.392               |
|  | <b>2.839.964</b>        | <b>1.060.665</b>        |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (i)                             | (35.439)                | (134.670)               |
|  | <b>2.804.525</b>        | <b>925.995</b>          |

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

|                        | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Chứng khoán nợ</b>  |                         |                         |
| • Chưa niêm yết        | 2.000.398               | -                       |
| <b>Chứng khoán vốn</b> |                         |                         |
| • Đã niêm yết          | 486.169                 | 511.805                 |
| • Chưa niêm yết        | 353.397                 | 548.860                 |
|                        | <b>2.839.964</b>        | <b>1.060.665</b>        |

## i. Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

|  | 2017<br>Triệu VND | 2016<br>Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm                                      | 134.670           | 145.242           |
| Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội | -                 | 16.851            |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)      | (99.231)          | (27.391)          |
| Sử dụng dự phòng trong năm                         | -                 | (32)              |
| Số dư cuối năm                                     | 35.439            | 134.670           |

## 8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

|                                      | TỔNG GIÁ TRỊ<br>CỦA HỢP ĐỒNG<br>(THEO TỶ GIÁ NGÀY HIỆU<br>LỰC HỢP ĐỒNG) | TỔNG GIÁ TRỊ GHI SỔ KẾ TOÁN<br>(THEO TỶ GIÁ TẠI NGÀY BÁO<br>CÁO) |                          |                            |
|--------------------------------------|---|--|--------------------------|----------------------------|
|                                      | Triệu VND   | Tài sản<br>Triệu VND   | Nợ phải trả<br>Triệu VND | Giá trị chuẩn<br>Triệu VND |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b> |   |  |                          |                            |
| Giao dịch kỳ hạn tiền tệ             | 12.148.089  | 52.086   | -                        | 52.086                     |
| Giao dịch hoán đổi tiền tệ           | 35.433.725  | 69.506   | -                        | 69.506                     |
|                                      | <b>47.581.814</b>   | <b>121.592</b>   | -                        | <b>121.592</b>             |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b> |   |  |                          |                            |
| Giao dịch kỳ hạn tiền tệ             | 4.931.999   | 36.636   | -                        | 36.636                     |
| Giao dịch hoán đổi tiền tệ           | 12.378.859  | 16.783   | -                        | 16.783                     |
|                                      | <b>17.310.858</b>   | <b>53.419</b>  | -                        | <b>53.419</b>              |

## 9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

|  | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| <b>Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng và Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei</b> |                         |                         |
| Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước                                      | 176.766.210             | 176.766.210             |
| Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá                         | 582.932                 | 582.932                 |
| Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư   | 478.524                 | 478.524                 |
| Các khoản trả thay cho khách hàng  | 599                     | 599                     |
| Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài                                      | 3.743.619               | 3.743.619               |
| <b>Các khoản cho vay khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB</b>                 |                         |                         |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng                         | 2.616.258               | 2.616.258               |
|  | <b>184.188.142</b>      | <b>184.188.142</b>      |

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng như sau:

|  | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| <b>Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng và Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei</b> |                         |                         |
| Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn  | 176.179.134             | 144.555.920             |
| Nhóm 2 - Nợ cần chú ý  | 3.175.093               | 1.904.761               |
| Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn  | 735.553                 | 896.027                 |
| Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ   | 668.431                 | 476.547                 |
| Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn  | 813.673                 | 614.623                 |
| <b>Các khoản cho vay khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB</b>                 |                         |                         |
| Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn  | 2.616.258               | 2.289.824               |
|  | <b>184.188.142</b>      | <b>150.737.702</b>      |

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay theo thời gian như sau:

|  | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>Cho vay khách hàng của Ngân hàng và Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei</b> |                                       |                                       |
| Ngắn hạn   | 189.375.349                           | 71.772.504                            |
| Trung hạn  | 31.695.588                            | 29.174.292                            |
| Dài hạn  | 60.500.947                            | 47.501.082                            |
| <b>Các khoản cho vay khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB</b>       |                                       |                                       |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng - ngắn hạn    | 2.616.258                             | 2.289.824                             |
|  | <b>184.188.142</b>                    | <b>150.737.702</b>                    |

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

|  | <b>31/12/2017</b>  |              | <b>31/12/2016</b>  |              |
|--|--------------------|--------------|--------------------|--------------|
|  | <b>Triệu VND</b>   | <b>%</b>     | <b>Triệu VND</b>   | <b>%</b>     |
| <b>Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng và Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei</b> |                    |              |                    |              |
| Cho vay các TCKT   | 117.200.517        | 63,63        | 99.979.943         | 66,33        |
| Công ty Nhà nước   | 6.081.478          | 3,30         | 4.047.755          | 2,70         |
| Công ty TNHH MTV Vốn Nhà nước 100%   | 8.673.961          | 4,71         | 9.137.795          | 6,06         |
| Công ty TNHH trên MTV vốn Nhà nước lớn hơn 50%                                     | 595.785            | 0,32         | 275.504            | 0,18         |
| Công ty TNHH khác  | 40.149.294         | 21,80        | 34.206.595         | 22,69        |
| Công ty Cổ phần Vốn Nhà nước lớn hơn 50% (Nhà nước chiếm cổ phần chi phối)         | 7.567.805          | 4,11         | 7.831.438          | 5,20         |
| Công ty cổ phần khác   | 48.148.735         | 26,15        | 38.933.748         | 25,83        |
| Công ty hợp danh   | 294                | 0,00         | -                  | -            |
| Doanh nghiệp tư nhân   | 8.394              | 0,00         | 2.331.261          | 1,55         |
| Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài  | 5.607.202          | 3,04         | 2.877.505          | 1,91         |
| Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã   | 367.569            | 0,20         | 338.342            | 0,21         |
| Cho vay cá nhân  | 60.106.848         | 32,63        | 45.053.274         | 29,89        |
| Hộ kinh doanh, cá nhân   | 60.106.848         | 32,63        | 45.053.274         | 29,89        |
| Cho vay khác   | 520.900            | 0,28         | 605.215            | 0,40         |
| Đơn vị hành chính sự nghiệp, đoàn thể và hiệp hội                                  | 245.557            | 0,13         | 412.340            | 0,27         |
| Thành phần kinh tế khác  | 275.343            | 0,15         | 192.875            | 0,13         |
| Cho vay tại các chi nhánh nước ngoài   | 3.743.619          | 2,03         | 2.809.446          | 1,86         |
| Cho vay doanh nghiệp   | 2.985.186          | 1,62         | 2.206.153          | 1,46         |
| Cho vay cá nhân  | 758.433            | 0,41         | 603.293            | 0,40         |
| <b>Các khoản cho vay khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB</b>             | <b>181.571.884</b> | <b>98,58</b> | <b>181.571.884</b> | <b>98,48</b> |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng                     | 2.616.258          | 1,42         | 2.289.824          | 1,52         |
|  | <b>184.188.14</b>  | <b>100</b>   | <b>150.737.702</b> | <b>100</b>   |

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

|   | <b>31/12/2017</b>  |              | <b>31/12/2016</b>  |              |
|---|--------------------|--------------|--------------------|--------------|
|   | <b>Triệu VND</b>   | <b>%</b>     | <b>Triệu VND</b>   | <b>%</b>     |
| <b>Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng và Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei</b>                                      |                    |              |                    |              |
| Nông lâm nghiệp, thủy sản   | 2.664.821          | 1,45         | 2.054.667          | 1,36         |
| Khai khoáng   | 4.214.614          | 2,29         | 3.346.030          | 2,22         |
| Công nghiệp chế biến, chế tạo   | 30.512.045         | 16,57        | 23.770.461         | 15,76        |
| Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí  | 6.136.832          | 3,33         | 5.468.420          | 3,63         |
| Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải   | 696.279            | 0,38         | 544.159            | 0,36         |
| Xây dựng  | 18.252.316         | 9,91         | 14.172.008         | 9,40         |
| Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác   | 44.063.175         | 23,92        | 36.893.657         | 24,48        |
| Vận tải, kho bãi  | 10.925.421         | 5,93         | 11.183.378         | 7,42         |
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống  | 2.877.726          | 1,56         | 1.700.284          | 1,13         |
| Thông tin và truyền thông   | 2.948.128          | 1,60         | 3.271.982          | 2,17         |
| Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm  | 791.791            | 0,43         | 548.658            | 0,36         |
| Hoạt động kinh doanh bất động sản   | 5.391.071          | 2,93         | 6.435.478          | 4,27         |
| Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ   | 224.198            | 0,12         | 243.171            | 0,16         |
| Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ  | 754.706            | 0,41         | 665.285            | 0,44         |
| Giáo dục và đào tạo   | 253.829            | 0,14         | 242.091            | 0,16         |
| Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội   | 299.009            | 0,16         | 277.107            | 0,18         |
| Nghệ thuật, vui chơi, giải trí  | 85.303             | 0,05         | 74.827             | 0,05         |
| Hoạt động dịch vụ khác  | 230.300            | 0,14         | 327.264            | 0,23         |
| Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình | 46.506.701         | 25,23        | 34.419.505         | 22,84        |
| Dư nợ tại các chi nhánh nước ngoài  | 3.743.619          | 2,03         | 2.809.446          | 1,86         |
| <b>Các khoản cho vay khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB</b>  | <b>181.571.884</b> | <b>98,58</b> | <b>148.447.878</b> | <b>98,48</b> |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng  | 2.616.258          | 1,42         | 2.289.824          | 1,52         |
|   | <b>184.188.142</b> | <b>100</b>   | <b>150.737.702</b> | <b>100</b>   |

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

|                       | <b>31/12/2017</b> | <b>31/12/2016</b> |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Cho vay bằng VND      | 6,50% - 13,50%    | 6,50% - 14,50%    |
| Cho vay bằng ngoại tệ | 2,65% - 4,75%     | 2,65% - 4,75%     |

#### **10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG**

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

|                                      | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Dự phòng rủi ro tín dụng chung (i)   | 1.319.692                             | 1.097.297                             |
| Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể (ii) | 805.992                               | 953.016                               |
|                                      | <b>2.125.684</b>                      | <b>2.050.313</b>                      |

**i. Biến động dự phòng rủi ro tín dụng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:**



Số dư đầu năm

Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 32)

Tăng do sáp nhập SDFC

Số dư cuối năm

**ii. Biến động dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:**



Số dư đầu năm

Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 32)

Phân loại lại sang dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (Thuyết minh 16(ii))

Tăng do sáp nhập SDFC

Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm

Số dư cuối năm



Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

**NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017**

**NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**

| Tại Việt Nam     | Tại các chi nhánh nước ngoài | Tổng cộng        | Tại Việt Nam     | Tại các chi nhánh nước ngoài | Tổng cộng        |
|------------------|------------------------------|------------------|------------------|------------------------------|------------------|
| Triệu VND        | Triệu VND                    | Triệu VND        | Triệu VND        | Triệu VND                    | Triệu VND        |
| 1.076.124        | 21.173                       | 1.097.297        | 847.387          | 21.567                       | 868.954          |
| 216.375          | 6.020                        | 222.395          | 228.175          | (394)                        | 227.781          |
| -                | -                            | -                | 562              | -                            | 562              |
| <b>1.292.499</b> | <b>27.193</b>                | <b>1.319.692</b> | <b>1.076.124</b> | <b>21.173</b>                | <b>1.097.297</b> |

**NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017**

**NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**

| Tại Việt Nam   | Tại các chi nhánh nước ngoài | Tổng cộng      | Tại Việt Nam   | Tại các chi nhánh nước ngoài | Tổng cộng      |
|----------------|------------------------------|----------------|----------------|------------------------------|----------------|
| Triệu VND      | Triệu VND                    | Triệu VND      | Triệu VND      | Triệu VND                    | Triệu VND      |
| 894.850        | 58.166                       | 953.016        | 1.017.866      | 89.562                       | 1.107.428      |
| 1.199.559      | 148.659                      | 1.348.218      | 537.171        | 48.859                       | 586.030        |
| (352.255)      | -                            | (352.255)      | -              | -                            | -              |
| -              | -                            | -              | 29.561         | -                            | 29.561         |
| (1.034.485)    | (108.502)                    | (1.142.987)    | (689.748)      | (80.255)                     | (770.003)      |
| <b>707.669</b> | <b>98.323</b>                | <b>805.992</b> | <b>894.850</b> | <b>58.166</b>                | <b>953.016</b> |

## 11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

|   | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| <b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>                         |                         |                         |
| <i>Chứng khoán nợ</i>   |                         |                         |
| • Trái phiếu Chính phủ  | 23.334.935              | 22.017.624              |
| • Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh                              | 13.821.134              | 17.434.868              |
| • Trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành | 4.958.155               | 5.863.358               |
| • Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành                     | 555.000                 | 555.000                 |
| <i>Chứng khoán vốn</i>  |                         |                         |
| • Cổ phiếu do các TCTD trong nước phát hành                       | 105.000                 | 105.000                 |
| • Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành                       | 317.653                 | 704.672                 |
|   | 43.091.877              | 46.225.522              |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)          | (57.517)                | (94.693)                |
|   | <b>43.034.360</b>       | <b>46.130.829</b>       |
| <b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>                    |                         |                         |
| <i>Chứng khoán nợ</i>   |                         |                         |
| • Trái phiếu Chính phủ  | 20.348                  | -                       |
| • Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành                     | 2.430.000               | 2.230.000               |
| • Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành                     | 5.494.729               | 3.046.635               |
| • Trái phiếu đặc biệt   | -                       | 3.404.718               |
|   | 7.945.077               | 8.681.353               |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)      | (302.366)               | (1.526.262)             |
|   | 7.642.711               | 7.155.091               |
|   | <b>50.677.071</b>       | <b>53.285.920</b>       |

Kỳ hạn gốc và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

|   | 31/12/2017         |                   | 31/12/2016          |                   |
|---|--------------------|-------------------|---------------------|-------------------|
|   | Kỳ hạn             | Lãi suất năm      | Kỳ hạn              | Lãi suất năm      |
| <b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>                       |                    |                   |                     |                   |
| Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh      | 3 năm -<br>20 năm  | 3,80% -<br>11,60% | 6 tháng<br>- 15 năm | 5,56% -<br>10,35% |
| Trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành | 6 tháng<br>- 5 năm | 6,70% -<br>11,70% | 10 tháng<br>- 5 năm | 5,56% -<br>10,35% |
| Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành                     | 5 năm              | 9,15% -<br>10,50% | 5 năm               | 9,15%             |
| <b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>                  |                    |                   |                     |                   |
| Trái phiếu chính phủ  | 20 năm             | 7,00%             | Không áp dụng       | Không áp dụng     |
| Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành                     | 3 năm<br>- 11 năm  | 9,00% -<br>14,00% | 3 năm<br>- 11 năm   | 9,00% -<br>14,00% |
| Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành                     | 1 năm<br>- 10 năm  | 8,50% -<br>10,50% | 1 năm<br>- 10 năm   | 8,00%<br>-11,00%  |

**i. Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:**

|   | 2017<br>Triệu VND | 2016<br>Triệu VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm   | 94.693            | 57.432            |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28) | (37.176)          | 37.261            |
| Số dư cuối năm  | <b>57.517</b>     | <b>94.693</b>     |

**ii. Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trong năm như sau:**

|  | 2017<br>Triệu VND | 2016<br>Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm  | 1.526.262         | 765.532           |
| Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)                  | 24.159            | 34.428            |
| Tăng do sáp nhập SDFC  | -                 | 271.083           |
| - Trong đó: Dự phòng của trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành | -                 | 150.970           |
| Sử dụng dự phòng trong năm                                     | (2.570.237)       | (545.360)         |
| Dự phòng trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh 32)                  | 1.322.182         | 1.000.579         |
| Số dư cuối năm   | <b>302.366</b>    | <b>1.526.262</b>  |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, MB đã tắt toàn bộ số trái phiếu đặc biệt nên số dư dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn không bao gồm dự phòng trái phiếu đặc biệt (ngày 31 tháng 12 năm 2016: số dư dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm 1.248.053 triệu VND dự phòng trái phiếu đặc biệt).

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ chưa niêm yết (không bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu đặc biệt) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và MB đã trích lập đầy đủ dự phòng:

|                        | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn       | 10.923.468                            | 7.800.941                             |
| Nợ có khả năng mất vốn | 200.000                               | 400.000                               |
|                        | <b>10.823.468</b>                     | <b>8.200.941</b>                      |

## 12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

|  | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết (i)        | 50.061                                | 108.761                               |
| Đầu tư dài hạn khác (ii)               | 1.064.147                             | 866.557                               |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (iii) | (129.646)                             | (133.059)                             |
|  | <b>984.562</b>                        | <b>842.259</b>                        |

### i. Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

|                                | <b>Giá gốc của các khoản đầu tư</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>Giá trị thuần theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--------------------------------|---|--|
| Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc | 31.680  | 34.761   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư MIC     | 15.300  | 15.300   |
|                                | <b>46.980</b>   | <b>50.061</b>  |

### Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

|                                | <b>Giá gốc của các khoản đầu tư</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>Giá trị thuần theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--------------------------------|---|--|
| Công ty Cổ phần VIETASSET      | 25.000  | 25.000   |
| Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc | 65.675  | 68.461   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư MIC     | 15.300  | 15.300   |
|                                | <b>105.975</b>  | <b>108.761</b>   |

## ii. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

|                                | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Đầu tư vào các tổ chức kinh tế | 608.448                               | 527.615                               |
| Đầu tư vào các quỹ đầu tư      | 27.135                                | 28.166                                |
| Đầu tư dài hạn khác            | 428.564                               | 310.776                               |
|                                | <b>1.064.147</b>                      | <b>866.557</b>                        |

## iii. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

|   | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Số dư đầu năm   | 133.059                         | 221.292                         |
| Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)                                       | 11.087                          | 25.613                          |
| Sử dụng dự phòng trong năm  | (2.781)                         | (117.543)                       |
| Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội                                  | -                               | 7                               |
| Phân loại lại sang dự phòng rủi ro cho tài sản Có nội bảng khác (Thuyết minh 16(i)) | (11.719)                        | -                               |
| Tăng do sáp nhập SDFC   | -                               | 3.690                           |
| Số dư cuối năm  | <b>129.646</b>                  | <b>133.059</b>                  |

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH***Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017***Nguyên giá**

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

Tăng trong năm

Giảm trong năm

Giảm do bán Công ty Cổ phần Việt REMAX

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

Khấu hao trong năm

Giảm trong năm

Giảm do bán Công ty Cổ phần Việt REMAX

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Giá trị còn lại**

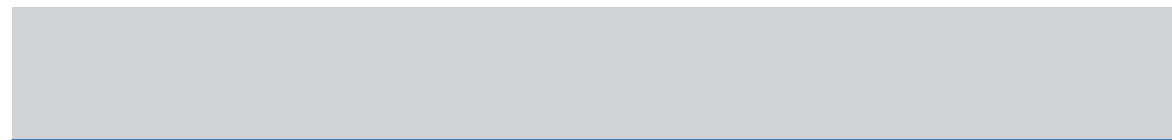
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Nhà cửa và vật kiến trúc<br>Triệu VND | Máy móc thiết bị<br>Triệu VND | Phương tiện vận tải<br>Triệu VND | Các tài sản cố định hữu hình khác<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND |
|---------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|--|------------------------|
| 1.233.699                             | 5876.682                      | 601.573                          | 140.314  | 2.852.268              |
| 139.423                               | 132.306                       | 79.619                           | 2.039  | 353.387                |
| (106)                                 | (2.671)                       | (116.958)                        | (1.719)  | (121.454)              |
| -                                     | (185)                         | (953)                            | (32)   | (1.170)                |
| <b>1.373.016</b>                      | <b>1.006.132</b>              | <b>563.281</b>                   | <b>140.602</b>                                 | <b>3.083.031</b>       |
| 101.902                               | 697.480                       | 429.097                          | 109.575  | 1.338.054              |
| 55.062                                | 109.289                       | 64.488                           | 20.576   | 249.415                |
| (42)                                  | (2.661)                       | (85.657)                         | (1.619)  | (89.979)               |
| -                                     | (133)                         | (959)                            | -  | (1.092)                |
| <b>156.922</b>                        | <b>803.975</b>                | <b>406.969</b>                   | <b>128.532</b>                                 | <b>1.496.398</b>       |
| 1.131.797                             | 179.202                       | 172.476                          | 30.739   | 1.514.214              |
| 1.216.094                             | 202.157                       | 156.312                          | 12.070   | 1.586.633              |

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)**

*Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**Nguyên giá**

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016

Tăng trong năm

Giảm trong năm

Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Tăng do sáp nhập SDFC

---

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016

Khấu hao trong năm

Giảm trong năm

Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Tăng do sáp nhập SDFC

---

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Giá trị còn lại**

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

---



| Nhà cửa và vật kiến trúc<br>Triệu VND | Máy móc thiết bị<br>Triệu VND | Phương tiện vận tải<br>Triệu VND | Các tài sản cố định hữu hình khác<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND |
|---------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|--|------------------------|
| 483.617                               | 722.027                       | 487.691                          | 126.844  | 1.820.179              |
| 734.299                               | 157.203                       | 68.950                           | 15.252   | 975.704                |
| (40.989)                              | (8.813)                       | (12.018)                         | (2.020)  | (63.840)               |
| 56.772                                | 4.866                         | 54.436                           | -  | 116.074                |
| -                                     | 1.399                         | 2.514                            | 238  | 4.151                  |
| <b>1.233.699</b>                      | <b>876.682</b>                | <b>601.573</b>                   | <b>140.314</b>                                 | <b>2.852.268</b>       |
| 68.355                                | 600.596                       | 335.175                          | 84.968   | 1.089.094              |
| 36.604                                | 102.929                       | 68.510                           | 27.701   | 235.744                |
| (9.603)                               | (10.188)                      | (3.703)                          | (3.306)  | (26.800)               |
| 6.546                                 | 2.769                         | 26.601                           | -  | 35.916                 |
| -                                     | 1.374                         | 2.514                            | 212  | 4.100                  |
| <b>101.902</b>                        | <b>697.480</b>                | <b>429.097</b>                   | <b>109.575</b>                                 | <b>1.338.054</b>       |
| 415.262                               | 121.431                       | 152.516                          | 41.876   | 731.085                |
| 1.131.797                             | 179.202                       | 172.476                          | 30.739   | 1.514.214              |

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

|                                     | <b>Quyền sử dụng đất<br/>Triệu VND</b> | <b>Phần mềm máy vi tính<br/>Triệu VND</b> | <b>Các tài sản vô hình khác<br/>Triệu VND</b> | <b>Tổng cộng<br/>Triệu VND</b> |
|-------------------------------------|--|---|---|--------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                   |  |   |   |                                |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017   | 964.940                                | 436.531                                   | 2.677   | 1.404.148                      |
| Tăng trong năm                      | 15.824                                 | 185.396                                   | 338   | 201.558                        |
| Thanh lý                            | -                                      | -   | (2.677)                                       | (2.677)                        |
| Giảm khác                           | -                                      | (42)                                      | -   | (42)                           |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | <b>980.764</b>                         | <b>621.885</b>                            | <b>338</b>                                    | <b>1.602.987</b>               |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>       |  |   |   |                                |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017   | 105.223                                | 355.102                                   | 193   | 460.518                        |
| Khấu hao trong năm                  | 18.043                                 | 106.741                                   | 96  | 124.880                        |
| Thanh lý                            | -                                      | -   | (196)   | (196)                          |
| Giảm khác                           | -                                      | (42)                                      | -   | (42)                           |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | <b>123.266</b>                         | <b>461.801</b>                            | <b>93</b>                                     | <b>585.160</b>                 |
| <b>Giá trị còn lại</b>              |  |   |   |                                |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017   | 859.717                                | 81.429                                    | 2.484   | 943.630                        |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 857.498                                | 160.084                                   | 245   | 1.017.827                      |

Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

|  | <b>Quyền sử dụng đất<br/>Triệu VND</b> | <b>Phần mềm máy vi tính<br/>Triệu VND</b> | <b>Các tài sản vô hình khác<br/>Triệu VND</b> | <b>Tổng cộng<br/>Triệu VND</b> |
|--|--|---|---|--------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                  |  |   |   |                                |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016                  | 933.908                                | 363.495                                   | 277.311                                       | 1.574.714                      |
| Tăng trong năm                                     | 13.980                                 | 75.806                                    | 2.677   | 92.463                         |
| Thanh lý   | -                                      | (6.662)                                   | -   | (6.662)                        |
| Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội | 17.052                                 | 1.902                                     | -   | 18.954                         |
| Tăng do sáp nhập SDFC                              | -                                      | 2.077                                     | -   | 2.077                          |
| Giảm khác  | -                                      | (87)                                      | (277.311)                                     | (277.398)                      |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016                | <b>964.940</b>                         | <b>436.531</b>                            | <b>2.677</b>                                  | <b>1.404.148</b>               |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>                      |  |   |   |                                |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016                  | 87.506                                 | 286.604                                   | -   | 374.110                        |
| Khấu hao trong năm                                 | 17.717                                 | 71.448                                    | 193   | 89.358                         |
| Thanh lý   | -                                      | (6.662)                                   | -   | (6.662)                        |
| Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội | -                                      | 1.887                                     | -   | 1.887                          |
| Tăng do sáp nhập SDFC                              | -                                      | 1.912                                     | -   | 1.912                          |
| Giảm khác  | -                                      | (87)                                      | -   | (87)                           |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016                | <b>105.223</b>                         | <b>355.102</b>                            | <b>193</b>                                    | <b>460.518</b>                 |
| <b>Giá trị còn lại</b>                             |  |   |   |                                |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016                  | 846.402                                | 76.891                                    | 277.311                                       | 1.200.604                      |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016                | 859.717                                | 81.429                                    | 2.484   | 943.630                        |

## 15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

|                               | <b>2017<br/>Triệu VND</b> | <b>2016<br/>Triệu VND</b> |
|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                           |                           |
| Số dư đầu năm                 | 155.728                   | 301.988                   |
| Tăng trong năm                | 6.539                     | -                         |
| Giảm trong năm                | (61.971)                  | (146.260)                 |
| Số dư cuối năm                | 100.296                   | 155.728                   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                           |                           |
| Số dư đầu năm                 | 6.553                     | 3.537                     |
| Khấu hao trong năm            | 2.948                     | 3.016                     |
| Giảm trong năm                | (1.988)                   | -                         |
| Số dư cuối năm                | 7.513                     | 6.553                     |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                           |                           |
| Số dư đầu năm                 | 149.175                   | 298.451                   |
| Số dư cuối năm                | 92.783                    | 149.175                   |

**16. TÀI SẢN CÓ KHÁC**

|   | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|---|---------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>Các khoản phải thu</b>   |                                       |                                       |
| • Xây dựng cơ bản dở dang   | 1.766.138                             | 1.725.526                             |
| • Các khoản phải thu nội bộ   | 204.179                               | 98.267                                |
| • Các khoản tạm ứng và đặt cọc hợp đồng xây dựng trụ sở và chi nhánh của MB | 1.932.247                             | 1.766.102                             |
| • Các khoản ký quỹ bảo lãnh tại ngân hàng nước ngoài                        | 197.600                               | 57.809                                |
| • Dịch vụ thanh toán trước hối phiếu theo L/C                               | 2.624.145                             | 1.696.277                             |
| • Các khoản phải thu khách hàng tại các công ty con                         | 683.145                               | 963.757                               |
| • Các khoản trả trước cho người bán   | 434.797                               | 66.427                                |
| • Phải thu từ dịch vụ Bank Plus   | 548.603                               | 341.265                               |
| • Các khoản phải thu khác   | 583.086                               | 686.116                               |
| <b>Các khoản lãi, phí phải thu</b>  | <b>8.973.940</b>                      | <b>7.401.546</b>                      |
| • Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh 33(c))           | 2.840.641                             | 2.929.142                             |
| <b>Tài sản Có khác</b>  | 1.436                                 | 1.641                                 |
| • Chi phí chờ phân bổ   | 683.118                               | 554.016                               |
| • Lợi thế thương mại (Thuyết minh 17)                                       | 75.409                                | 84.835                                |
| • Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD                            | 812.094                               | 868.737                               |
| • Các tài sản có khác   | 46.340                                | 49.018                                |
| Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (i)                        | 1.616.961                             | 1.556.606                             |
|   | (925.717)                             | (507.665)                             |
|   | <b>12.507.261</b>                     | <b>11.381.270</b>                     |

**i. Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:**

|   | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Số dư đầu năm   |                                 |                                 |
| Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)   | 507.665                         | 214.818                         |
| Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội  | 359.532                         | 288.498                         |
| Tăng do sáp nhập SDFC   | -                               | 5.235                           |
| Phân loại lại từ dự phòng rủi ro cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng (Thuyết minh 10(ii)) | -                               | 40.621                          |
| Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 12(iii))                       | 352.255                         | -                               |
|   | 11.719                          | -                               |
| Sử dụng dự phòng trong năm  | (305.454)                       | (41.507)                        |
| Số dư cuối năm  | <b>925.717</b>                  | <b>507.665</b>                  |

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

|   | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|---|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")              | 94.261                                | 94.261                                |
| Thời gian phân bổ (năm)                               | 10                                    | 10                                    |
| - Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm              | 9.426                                 | -                                     |
| - Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm                   | 84.835                                | -                                     |
| Lợi thế thương mại tăng trong năm                     | -                                     | 94.261                                |
| - LTTM phát sinh trong năm                            | -                                     | 94.261                                |
| Lợi thế thương mại giảm trong năm                     | (9.426)                               | (9.426)                               |
| - Giá trị LTTM phân bổ trong năm                      | (9.426)                               | (9.426)                               |
| Tổng giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm | <b>75.409</b>                         | <b>84.835</b>                         |

**18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

|  | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng VND | 1.847.879                             | -                                     |

Khoản tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng VND hưởng lãi suất không kỳ hạn là 1%/năm.

**19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC**

|                                     | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|-------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn               | 5.007.079                             | 28.717                                |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND      | 62.996                                | 59.691                                |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 20.245.509                            | 9.639.384                             |
| <b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>           |                                       |                                       |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND         | 10.896.630                            | 3.108.859                             |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ    | 36.212.214                            | 12.836.651                            |
| <b>Tiền vay</b>                     |                                       |                                       |
| Tiền vay bằng VND                   | 4.022.590                             | 8.153.613                             |
| Tiền vay bằng ngoại tệ              | 5.866.353                             | 3.722.712                             |
|                                     | <b>9.888.943</b>                      | <b>11.876.325</b>                     |
|                                     | <b>46.101.157</b>                     | <b>24.712.976</b>                     |

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

|                                     | 31/12/2017    | 31/12/2016    |
|-------------------------------------|---------------|---------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND      | 0,30%         | 0,30%         |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 0,00%         | 0,00%         |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND         | 1,50% - 4,00% | 4,10% - 5,30% |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ    | 1,55% - 2,10% | 0,80% - 1,80% |
| Tiền vay bằng VND                   | 1,50% - 4,60% | 4,00% - 5,20% |
| Tiền vay bằng ngoại tệ              | 1,60% - 2,40% | 0,60% - 2,00% |

## 20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

|  | 31/12/2017<br>triệu VND | 31/12/2016<br>triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| <b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>           | 55.128.418              | 41.991.572              |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND         | 11.168.617              | 24.104.557              |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ    | 128.468.424             | 114.494.086             |
| <b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>              |                         |                         |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND            | 4.332.214               | 4.040.221               |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ       | 1.470.883               | 654.655                 |
| <b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>        |                         |                         |
| Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND      | 189.365                 | 230.029                 |
| Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ | 8.296.118               | 8.994.851               |
| <b>Tiền ký quỹ</b>                     |                         |                         |
| Tiền ký quỹ bằng VND                   | 11.121.983              | 302.426                 |
| Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ              | <b>220.176.022</b>      | <b>194.812.397</b>      |

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

|                 | 31/12/2017<br>triệu VND | 31/12/2016<br>triệu VND |
|-----------------|-------------------------|-------------------------|
| Tổ chức kinh tế | 127.581.927             | 110.714.552             |
| Cá nhân         | 92.594.095              | 84.097.845              |
|                 | <b>220.176.022</b>      | <b>194.812.397</b>      |

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

|  | 31/12/2017    | 31/12/2016    |
|--|---------------|---------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi vốn chuyên dùng, tiền ký quỹ bằng VND      | 0,30%         | 0,30%         |
| Tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi vốn chuyên dùng, tiền ký quỹ bằng ngoại tệ | 0,00%         | 0,00%         |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND  | 0,50% - 7,00% | 1,00% - 7,00% |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ   | 0,00%         | 0,00%         |

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo chính sách của Ngân hàng theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của NHNNVN.

## 21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro là vốn nhận từ nguồn vốn viện trợ ODA Nhật Bản với Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) bằng VND thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong khuôn khổ Dự án tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thỏa thuận khung được ký kết vào ngày 17 tháng 3 năm 2010. Các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư có thời hạn là trung và dài hạn và có lãi suất năm theo kỳ trả nợ đầu tiên là khác nhau cho các lần nhận nợ khác nhau, sau đó được điều chỉnh hàng quý trong suốt thời hạn trả nợ của khoản vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lãi suất năm áp dụng cho các nguồn vốn tài trợ này là 4,92% (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4,92%).

## 22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

|   | 31/12/2017       | 31/12/2016       |
|---|------------------|------------------|
| Trái phiếu phổ thông phát hành (i)                              | 2.000.000        | 2.000.000        |
| Trái phiếu phổ thông phát hành cho khách hàng doanh nghiệp (ii) | 3.230.000        | 170.000          |
| Trái phiếu phổ thông phát hành cho khách hàng cá nhân (iii)     | 792.222          | 160.000          |
| Giấy tờ có giá khác   | -                | 36.953           |
|   | <b>6.022.222</b> | <b>2.366.953</b> |

### i. Chi tiết trái phiếu phổ thông phát hành năm 2010:

| Ngày phát hành       | Kỳ hạn | Lãi suất (%/năm) | Giá trị Triệu VND |
|----------------------|--------|------------------|-------------------|
| 28 tháng 12 năm 2010 | 11 năm | 12,00%           | 2.000.000         |

- ii. Trái phiếu phổ thông do MB phát hành cho các khách hàng doanh nghiệp có kỳ hạn từ 5 năm đến 10 năm và có lãi suất năm từ 8,20% đến 8,45% (ngày 31 tháng 12 năm 2016: kỳ hạn 3 năm và có lãi suất năm là 8,20%).
- iii. Trái phiếu phổ thông do MB phát hành cho các khách hàng cá nhân có kỳ hạn từ 3 năm đến 5 năm và có lãi suất năm từ 8,00% đến 8,75% (ngày 31 tháng 12 năm 2016: kỳ hạn 3 năm và có lãi suất năm là 8,20%).

### 23. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

|  | 31/12/2017<br>triệu VND | 31/12/2016<br>triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả  | 2.755.868               | 2.345.611               |
| Các khoản phải trả và công nợ khác   | 7.076.510               | 5.173.947               |
| • Doanh thu chờ phân bổ  | 617.246                 | 381.751                 |
| • Các khoản phải trả nội bộ  | 886.238                 | 572.519                 |
| • Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư thực hiện<br>hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán | 1.437.134               | 648.402                 |
| • Các khoản phải trả cho khách hàng  | 1.762.386               | 2.204.067               |
| • Các khoản phải trả cổ tức  | 21.377                  | 18.617                  |
| • Phải trả liên quan đến dự án bất động sản  | 5.119                   | 3.721                   |
| • Các khoản phải trả khác  | 1.929.448               | 1.212.984               |
| • Thuế phải trả (Thuyết minh 38)   | 329.053                 | 131.886                 |
|  | <b>9.832.378</b>        | <b>7.519.558</b>        |





## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### i. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

|  | Vốn điều lệ<br>Triệu VND | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>Triệu VND | Quỹ dự phòng tài<br>chính<br>Triệu VND |
|--|--------------------------|--------------------------------------|--|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>                                     | <b>17.127.409</b>        | <b>828.197</b>                       | <b>1.588.748</b>                       |
| Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu   | 171.275                  | -                                    | -                                      |
| Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu (iii)                                   | 856.370                  | -                                    | -                                      |
| Lợi nhuận thuần trong năm  | -                        | -                                    | -                                      |
| Trích bổ sung các quỹ cho năm 2016   | -                        | -                                    | 301.476                                |
| Trả cổ tức trong năm bằng tiền mặt (iii)                                     | -                        | -                                    | -                                      |
| Sử dụng quỹ trong năm  | -                        | -                                    | (3.185)                                |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  | -                        | -                                    | -                                      |
| Trích quỹ dự trữ bắt buộc của các<br>chi nhánh nước ngoài                    | -                        | -                                    | -                                      |
| Tăng do bán một phần sở hữu tại Công ty<br>Tài chính TNHH MB Shinsei (*)     | -                        | -                                    | -                                      |
| Tăng lợi ích cổ đông không kiểm soát do<br>thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con | -                        | -                                    | -                                      |
| (Giảm)/tăng vốn và quỹ cho các cổ đông<br>không kiểm soát                    | -                        | -                                    | (437)                                  |
| Biến động khác   | -                        | -                                    | -                                      |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>                                   | <b>18.155.054</b>        | <b>828.197</b>                       | <b>1.886.602</b>                       |

(\*) Đây là khoản lợi nhuận phát sinh từ việc Ngân hàng chuyển nhượng 50% vốn góp vào Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei ("MB Shinsei") (trước đây là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MB) cho hai đối tác là Ngân hàng Shinsei Bank, Limited (49%), theo Hợp đồng liên doanh ngày 21 tháng 11 năm 2016, được sửa đổi lần 4 vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành (1%), theo Hợp đồng ngày 30 tháng 1 năm 2016. Ngân hàng vẫn giữ quyền kiểm soát đối với MB Shinsei sau khi chuyển nhượng phần vốn góp này, do đó, kết quả từ việc chuyển nhượng phần vốn góp được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

| Quý dự trữ bổ sung<br>vốn điều lệ<br>Triệu VND | Quý Khác<br>Triệu VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối<br>Triệu VND | Lợi ích của cổ đông<br>không kiểm soát<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND |
|--|-----------------------|--|---|------------------------|
| <b>803.078</b>                                 | <b>305.174</b>        | <b>4.699.337</b>                         | <b>1.236.503</b>                                    | <b>26.588.446</b>      |
| -  | -                     | -  | -   | 171.275                |
| -  | -                     | (856.370)                                | -   | -                      |
| -  | -                     | 3.519.627                                | (29.212)  | 3.490.415              |
| 151.674  | 229.846               | (682.996)                                | -   | -                      |
| -  | -                     | (1.027.645)                              | (26.848)  | (1.054.493)            |
| -  | (167.568)             | -  | -   | (170.753)              |
| -  | -                     | (199.348)                                | -   | (199.348)              |
| -  | 1.992                 | (1.992)                                  | -   | -                      |
| -  | -                     | 615.000                                  | -   | 615.000                |
| -  | -                     | -  | 248.913   | 248.913                |
| (378)  | (1.266)               | -  | 2.081   | -                      |
| -  | -                     | (88.285)                                 | -   | (88.285)               |
| <b>954.374</b>                                 | <b>368.178</b>        | <b>5.977.328</b>                         | <b>1.431.437</b>                                    | <b>29.601.170</b>      |

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

|  | Vốn điều lệ<br>Triệu VND | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>Triệu VND | Quỹ dự phòng tài<br>chính<br>Triệu VND |
|--|--------------------------|--------------------------------------|--|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>                                     | <b>16.000.000</b>        | <b>718.524</b>                       | <b>1.337.439</b>                       |
| Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu   | 311.818                  | 109.673                              | -                                      |
| Tăng vốn do trả cổ tức bằng<br>cổ phiếu                                      | 815.591                  | -                                    | -                                      |
| Lợi nhuận thuần trong năm  | -                        | -                                    | -                                      |
| Trích bổ sung các quỹ cho năm 2015   | -                        | -                                    | 252.206                                |
| Tạm trích quỹ cho năm 2016   | -                        | -                                    | -                                      |
| Trả cổ tức trong năm bằng tiền mặt   | -                        | -                                    | -                                      |
| Sử dụng quỹ trong năm  | -                        | -                                    | -                                      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  | -                        | -                                    | -                                      |
| Trích quỹ dự trữ bắt buộc của các<br>chi nhánh nước ngoài                    | -                        | -                                    | -                                      |
| Thu hồi tài sản góp vốn tại Công ty<br>Cổ phần Địa ốc MB (*)                 | -                        | -                                    | -                                      |
| Tăng do mua Tổng Công Ty Bảo<br>hiểm Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội               | -                        | -                                    | -                                      |
| Tăng lợi ích cổ đông không kiểm soát<br>do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con | -                        | -                                    | -                                      |
| (Giảm)/tăng vốn và quỹ cho các cổ<br>đông không kiểm soát                    | -                        | -                                    | (897)                                  |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>                                   | <b>17.127.409</b>        | <b>828.197</b>                       | <b>1.588.748</b>                       |

| <b>Quý dự trữ bổ sung<br/>vốn điều lệ<br/>Triệu VND</b> | <b>Quý Khác<br/>Triệu VND</b> | <b>Lợi nhuận<br/>chưa phân phối<br/>Triệu VND</b> | <b>Lợi ích của cổ đông<br/>không kiểm soát<br/>Triệu VND</b> | <b>Tổng cộng<br/>Triệu VND</b> |
|---|-------------------------------|---|--|--------------------------------|
| <b>676.274</b>  | <b>227.978</b>                | <b>3.633.134</b>                                  | <b>589.702</b>   | <b>23.183.051</b>              |
| -   | -                             | -   | -  | 421.491                        |
| -   | -                             | (815.591)   | -  | -                              |
| -   | -                             | 2.911.803   | (28.252)   | 2.883.551                      |
| 127.141   | 188.965                       | (568.312)   | -  | -                              |
| -   | 43.536                        | (43.536)  | -  | -                              |
| -   | -                             | -   | (22.185)   | (22.185)                       |
| -   | (165.843)                     | -   | -  | (165.843)                      |
| -   | -                             | (154.770)   | -  | (154.770)                      |
| -   | 755                           | (755)   | -  | -                              |
| -   | -                             | (272.835)   | -  | (272.835)                      |
| -   | 10.313                        | 10.199  | 267.095  | 287.607                        |
| -   | -                             | -   | 428.379  | 428.379                        |
| (897)   | (530)                         | -   | 1.764  | -                              |
| <b>803.078</b>  | <b>305.174</b>                | <b>4.699.337</b>                                  | <b>1.236.503</b>   | <b>26.588.446</b>              |

## ii. Vốn điều lệ

| 31/12/2017   | Số cổ phiếu          | Số cổ phiếu       |
|--|----------------------|-------------------|
| <b>Vốn cổ phần được duyệt</b>                          | 1.815.505.363        | 18.155.054        |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b><br>Cổ phiếu phổ thông  | 1.815.505.363        | 18.155.054        |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b><br>Cổ phiếu phổ thông | <b>1.815.505.363</b> | <b>18.155.054</b> |

| 31/12/2016   | Số cổ phiếu          | Số cổ phiếu      |
|--|----------------------|------------------|
| <b>Vốn cổ phần được duyệt</b>                          | 1.712.740.909        | 17.127.40        |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b><br>Cổ phiếu phổ thông  | 1.712.740.909        | 17.127.40        |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b><br>Cổ phiếu phổ thông | <b>1.712.740.909</b> | <b>17.127.40</b> |

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

## iii. Cổ tức

Ngày 9 tháng 2 năm 2017, Thường trực Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã thông qua việc

thực hiện tạm ứng cổ tức cho cổ đông đợt 1 từ lợi nhuận năm 2016 với tỷ lệ 6% tương ứng với số tiền là 1.027.645 triệu VND. Ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng đã thông qua phương án phân phối khoản cổ tức 856.370 triệu VND thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ phân phối là 100 : 5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 5 cổ phiếu phát hành thêm) (2016: phân phối khoản cổ tức 815.591 triệu VND thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ phân phối là 100 : 5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 5 cổ phiếu phát hành thêm)).

**25. THU NHẬP LÃI THUẦN**

|   | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ</b> |                                 |                                 |
| Tiền gửi tại các TCTD khác                            | 693.404                         | 340.619                         |
| Cho vay khách hàng và các TCTD khác                   | 14.226.838                      | 10.900.297                      |
| Các khoản đầu tư chứng khoán nợ                       | 3.604.969                       | 3.321.269                       |
| Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh                         | 1.059.411                       | 792.848                         |
| Các hoạt động tín dụng khác                           | 291.404                         | 197.444                         |
|   | <b>19.876.026</b>               | <b>15.552.477</b>               |
| <b>Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự cho</b>  |                                 |                                 |
| Các khoản tiền gửi của TCTD khác và khách hàng        | (7.448.078)                     | (6.503.004)                     |
| Các khoản tiền vay NHNNVN và các TCTD khác            | (654.339)                       | (549.251)                       |
| Phát hành giấy tờ có giá                              | (335.578)                       | (272.412)                       |
| Các hoạt động tín dụng khác                           | (219.079)                       | (248.866)                       |
|   | <b>(8.657.074)</b>              | <b>(7.573.533)</b>              |
| Thu nhập lãi thuần                                    | <b>11.218.952</b>               | <b>7.978.944</b>                |

**26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

|   | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>  |                                 |                                 |
| Dịch vụ thanh toán và tiền mặt  | 547.388                         | 411.470                         |
| Dịch vụ môi giới chứng khoán  | 262.309                         | 203.605                         |
| Dịch vụ quản lý quỹ   | 14.083                          | 10.579                          |
| Doanh thu từ hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định<br>và quản lý dịch vụ cho thuê | 383.144                         | 293.558                         |
| Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm  | 1.850.510                       | 236.630                         |
| Dịch vụ khác  | 165.405                         | 142.048                         |
|   | <b>3.222.839</b>                | <b>1.297.890</b>                |
| <b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>  |                                 |                                 |
| Dịch vụ thanh toán và tiền mặt  | (160.477)                       | (155.901)                       |
| Chi phí về dịch vụ môi giới chứng khoán   | (57.902)                        | (83.494)                        |
| Chi phí từ hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định<br>và quản lý dịch vụ cho thuê   | (277.866)                       | (131.207)                       |
| Chi phí cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm   | (1.565.559)                     | (134.271)                       |
| Dịch vụ khác  | (30.359)                        | (110.377)                       |
|   | <b>(2.092.163)</b>              | <b>(615.250)</b>                |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ  | 1.130.676                       | 682.640                         |

**27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI**

|  | <b>2017</b><br>Triệu VND | <b>2016</b><br>Triệu VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| <b>Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối</b>            |                          |                          |
| Lãi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay               | 390.305                  | 380.809                  |
| Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ     | 282.993                  | 259.466                  |
|  | <b>673.298</b>           | <b>640.275</b>           |
| <b>Chi phí cho kinh doanh ngoại hối</b>            |                          |                          |
| Lỗ từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay                | (192.012)                | (226.478)                |
| Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ      | (279.514)                | (300.443)                |
|  | <b>(471.526)</b>         | <b>(526.921)</b>         |
| <b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b> | <b>201.772</b>           | <b>113.354</b>           |

**28. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH, CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VÀ GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

|  | <b>2017</b><br>Triệu VND | <b>2016</b><br>Triệu VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn           | 283.47                   | 530.887                  |
| Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn            | (240.191)                | (359.533)                |
|  | <b>43.284</b>            | <b>171.354</b>           |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)                             | 99.231                   | 27.391                   |
| Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11(i)) | 37.176                   | (37.261)                 |
| Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11(ii))       | (24.159)                 | (34.428)                 |
| Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 12(iii))                               | (11.087)                 | (25.613)                 |
|  | <b>101.161</b>           | <b>(69.911)</b>          |
|  | <b>144.445</b>           | <b>101.443</b>           |



**29. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

|  | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>            |                                 |                                 |
| Thu từ các khoản nợ đã xử lý                 | 779.399                         | 508.786                         |
| Thu từ hoạt động ủy thác                     | 29.319                          | 2.305                           |
| Thu từ thanh lý tài sản                      | 100.127                         | 345.386                         |
| Thu từ các hoạt động kinh doanh bất động sản | 257.070                         | 19.817                          |
| Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác  | 167.543                         | 42.117                          |
| Thu từ hoạt động kinh doanh khác             | 299.566                         | 100.962                         |
|  | <b>1.633.022</b>                | <b>1.019.373</b>                |
| <b>Chi phí hoạt động khác</b>                |                                 |                                 |
| Chi từ các công cụ tài chính phái sinh khác  | (143.789)                       | (44.735)                        |
| Chi từ thanh lý tài sản                      | (24.445)                        | -                               |
| Chi từ hoạt động kinh doanh bất động sản     | (201.718)                       | -                               |
| Chi cho hoạt động kinh doanh khác            | (153.996)                       | (97.819)                        |
|  | <b>(523.948)</b>                | <b>(142.554)</b>                |
|  | <b>1.109.074</b>                | <b>876.819</b>                  |

**30. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN**

|  | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Cổ tức nhận được từ góp vốn, mua cổ phần   | 32.206                          | 27.135                          |
| Cổ tức nhận được từ chứng khoán kinh doanh   | 27.736                          | 21.040                          |
| Cổ tức/phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết | 2.215                           | 53.982                          |
|  | <b>62.157</b>                   | <b>102.157</b>                  |

**31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**

|  | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí                  | 34.282                          | 34.074                          |
| Lương và các chi phí liên quan                         | 3.410.749                       | 2.411.830                       |
| Chi phí lương và phụ cấp                               | 3.203.571                       | 2.261.772                       |
| Các chi phí theo lương                                 | 178.043                         | 142.287                         |
| Chi trợ cấp, chi khác                                  | 29.135                          | 7.771                           |
| Chi phí về tài sản                                     | 967.191                         | 821.682                         |
| Trong đó:  |                                 |                                 |
| Chi phí khấu hao                                       | 377.243                         | 328.118                         |
| Chi phí thuê văn phòng                                 | 390.341                         | 344.933                         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 567.695                         | 557.323                         |
| Trong đó:  |                                 |                                 |
| Chi cho hoạt động quản lý công vụ                      | 67.420                          | 59.112                          |
| Chi phí quảng cáo, tiếp thị và thông tin liên lạc      | 300.090                         | 254.992                         |
| Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng | 144.834                         | 121.902                         |
| Chi phí hoạt động khác                                 | 874.488                         | 227.857                         |
|  | <b>5.999.239</b>                | <b>4.174.668</b>                |

**32. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG**

|   | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|---|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Hoàn nhập dự phòng cụ thể tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác | 6(I)                   | (216)                           | (72.784)                        |
| Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng                           | 10(I)                  | 222.395                         | 227.781                         |
| Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng                          | 10(II)                 | 1.348.218                       | 586.030                         |
| Trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác            | 16(I)                  | 359.532                         | 288.498                         |
| Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành              | 11(II)                 | 1.322.182                       | 1.000.579                       |
|   |                        | <b>3.252.111</b>                | <b>2.030.104</b>                |

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****A. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

|  | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>         |                                 |                                 |
| Năm hiện hành                                  | 1.125.106                       | 766.870                         |
| <b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>          |                                 |                                 |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | 205                             | 164                             |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>      | <b>1.125.311</b>                | <b>767.034</b>                  |

**B. Đối chiếu thuế suất thực tế thuế thu nhập doanh nghiệp**

|   | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế  | 4.615.726                       | 3.650.585                       |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>                             |                                 |                                 |
| - Thu nhập không chịu thuế                                  | (55.808)                        | (99.248)                        |
| - Các giao dịch nội bộ được miễn thuế khi hợp nhất          | 707.056                         | 202.299                         |
| - Lợi nhuận khác  | 46.120                          | (30.014)                        |
| - Lợi nhuận chịu thuế của các công ty con                   | (122.206)                       | (141.493)                       |
| - Tài sản thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận            | -                               | 580                             |
| - Chuyển lỗ tính thuế TNDN từ năm trước của các công ty con | (2.535)                         | -                               |
| - Chi phí không được khấu trừ thuế                          | 100.541                         | 51.679                          |
|   | <b>5.288.894</b>                | <b>3.634.388</b>                |
| Chi phí thuế TNDN theo thuế suất của Ngân hàng              | 1.057.779                       | 726.878                         |
| Thuế TNDN của các chi nhánh nước ngoài                      | 2.719                           | 9.649                           |
| Thuế TNDN của các công ty con                               | 69.329                          | 31.676                          |
| Dự phòng thừa trong những năm trước                         | (4.721)                         | (1.333)                         |
| Ghi giảm thuế TNDN hoãn lại của các công ty con             | 205                             | 164                             |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>              | <b>1.125.311</b>                | <b>767.034</b>                  |

**C. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Biến động tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

|  | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Số dư đầu năm                                  | 1.641                           | 1.805                           |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | (205)                           | (164)                           |
| Số dư cuối năm                                 | <b>1.436</b>                    | <b>1.641</b>                    |

**D. Thuế suất áp dụng**

Ngân hàng, các chi nhánh nước ngoài và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận cho 2017 (2016: 20%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng là 3.519.627 triệu VND (2016: 2.911.803 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.801.803.436 cổ phiếu (2016: 1.792.288.038 cổ phiếu), được tính như sau:

**i. Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông:**

|  | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 3.519.627                       | 2.911.803                       |

**ii. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

|   | <b>2017</b>   | <b>2016</b><br><b>Trình bày lại (*)</b> |
|---|---------------|---|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang   | 1.712.740.909 | 1.600.000.000                           |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm   | 3.425.482     | 21.091.902                              |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành bổ sung cho cổ đông hiện hữu                            | -             | 4.000.000                               |
| Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức   | 85.637.045    | 167.196.136                             |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 | 1.801.803.436 | 1.792.288.038                           |

**iii. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|                          | <b>2017</b><br><b>VND</b> | <b>2016</b><br><b>Trình bày lại (*)</b><br><b>VND</b> | <b>2016</b><br><b>Như đã trình</b><br><b>bày trước đây</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------|---------------------------|---|--|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.953                     | 1.625   | 1.706  |

(\*)Việc trình bày lại tính đến ảnh hưởng của việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm.

Ngân hàng không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có ảnh hưởng suy giảm. Do vậy, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|  | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Tiền mặt và vàng   | 1.842.032                             | 1.519.952                             |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước                                    | 6.683.682                             | 10.002.478                            |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 38.028.355                            | 11.326.640                            |
|  | <b>46.554.069</b>                     | <b>22.849.070</b>                     |

**36. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

|                          | <b>31/12/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
|                          | <b>Phải thu/(Phải trả)</b>            | <b>Phải thu/(Phải trả)</b>            |
| <b>Số dư</b>             |                                       |                                       |
| <b>Cổ đông lớn</b>       |                                       |                                       |
| Tiền gửi tại Ngân hàng   | (14.684.594)                          | (9.808.305)                           |
| Tiền Ngân hàng cho vay   | 2.302.647                             | 2.377.649                             |
| Tiền Ngân hàng vay       | (2.000.000)                           | (3.700.000)                           |
| Tiền Ngân hàng gửi       | 3.906.790                             | 2.603.123                             |
| Phát hành giấy tờ có giá | (2.000.000)                           | (2.000.000)                           |

|  | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>Giao Dịch</b>                           |                                 |                                 |
| <b>Cổ đông lớn</b>                         |                                 |                                 |
| Chi phí lãi tiền gửi                       | (438.766)                       | (678.073)                       |
| Chi phí lãi tiền vay                       | (239.930)                       | (226.230)                       |
| Chi phí lãi từ giấy tờ có giá đã phát hành | (240.000)                       | (238.000)                       |
| Thu nhập lãi tiền gửi                      | 603                             | 10.093                          |
| Thu nhập lãi tiền vay                      | 268.215                         | 304.058                         |

Ngân hàng TMCP Quân đội thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 10/NQ-MB-ĐHCEĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng Cổ đông, theo đó tỷ lệ chi trả thù lao và ngân sách hoạt động là 1% lợi nhuận sau thuế.

Thu nhập của Ban Điều hành được chi trả theo Quy chế Lương của Ngân hàng.

**37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN**

|   | <b>2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>2016</b><br><b>Triệu VND</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người) | 11.835                          | 9.975                           |
| Thu nhập của cán bộ, công nhân viên                         |                                 |                                 |
| 1. Lương và phụ cấp   | 1.900.444                       | 1.437.777                       |
| 2. Thưởng   | 760.269                         | 491.835                         |
| 3. Thu nhập khác  | 542.787                         | 332.160                         |
| <b>Tổng thu nhập</b>  | <b>3.203.571</b>                | <b>2.261.772</b>                |
| Tiền lương bình quân tháng (*)                              | 13,38                           | 12,59                           |
| Thu nhập bình quân tháng (*)                                | 22,56                           | 18,90                           |

(\*)Trình bày lại chỉ tiêu lương và thu nhập bình quân tháng cho năm 2016 đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân để nhất quán với cách trình bày các chỉ tiêu này cho năm 2017.



**38. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

|                            | <b>1/1/2017</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>Số phát sinh trong năm</b><br><b>Triệu VND</b> |
|----------------------------|-------------------------------------|---|
| Thuế giá trị gia tăng      | 24.215                              | 166.522   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 77.668                              | 1.125.106   |
| Các loại thuế khác         | 30.003                              | 458.684   |
|                            | <b>131.886</b>                      | <b>1.750.312</b>                                  |

**NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

|                            | <b>1/1/2016</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>Số phát sinh trong năm</b><br><b>Triệu VND</b> |
|----------------------------|-------------------------------------|---|
| Thuế giá trị gia tăng      | 50.749                              | 132.123   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 31.286                              | 766.870   |
| Các loại thuế khác         | 28.377                              | 307.566   |
|                            | <b>110.412</b>                      | <b>1.206.559</b>                                  |

**39. BÁO CÁO BỘ PHẬN****A. Mức độ tập trung của tài sản, nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng theo khu vực địa lý**

| <b>NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017</b> | <b>Cho vay khách hàng gộp</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>Tiền gửi của khách hàng</b><br><b>Triệu VND</b> |
|----------------------------------|---|--|
| Trong nước                       | 180.444.523                                       | 218.953.413  |
| Nước ngoài                       | 3.743.619   | 1.222.609  |
|                                  | <b>184.188.142</b>                                | <b>220.176.022</b>                                 |

| <b>NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016</b> | <b>Cho vay khách hàng gộp</b><br><b>Triệu VND</b> | <b>Tiền gửi của khách hàng</b><br><b>Triệu VND</b> |
|----------------------------------|---|--|
| Trong nước                       | 147.928.256                                       | 194.027.056  |
| Nước ngoài                       | 2.809.446   | 785.341  |
|                                  | <b>150.737.702</b>                                | <b>194.812.397</b>                                 |



| <b>Giảm do bán Công ty Cổ phần Việt REMAX<br/>Triệu VND</b> | <b>Số đã nộp trong năm<br/>Triệu VND</b> | <b>31/12/2017<br/>Triệu VND</b> |
|---|--|---------------------------------|
| (14)  | (144.443)                                | 46.280                          |
| 120   | (980.880)                                | 222.014                         |
| 79  | (428.007)                                | 60.759                          |
| <b>185</b>  | <b>(1.553.330)</b>                       | <b>329.053</b>                  |

| <b>Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ<br/>phần Bảo hiểm Quân đội<br/>Triệu VND</b> | <b>Số đã nộp trong năm<br/>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016<br/>Triệu VND</b> |
|---|--|---------------------------------|
| 13.681  | (172.338)                                | 24.215                          |
| 15.848  | (736.336)                                | 77.668                          |
| 937   | (306.877)                                | 30.003                          |
| <b>30.466</b>   | <b>(1.215.551)</b>                       | <b>131.886</b>                  |

| <b>Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng<br/>Triệu VND</b> | <b>Công cụ tài chính phái sinh<br/>Triệu VND</b> | <b>Kinh doanh và đầu tư<br/>chứng khoán - gộp<br/>Triệu VND</b> |
|---|--|---|
| 83.178.528  | 47.581.814                                       | 53.876.918  |
| -   | -  | -   |
| <b>83.178.528</b>   | <b>47.581.814</b>                                | <b>53.876.918</b>   |

| <b>Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng<br/>Triệu VND</b> | <b>Công cụ tài chính phái sinh<br/>Triệu VND</b> | <b>Kinh doanh và đầu tư<br/>chứng khoán - gộp<br/>Triệu VND</b> |
|---|--|---|
| 74.161.541  | 17.310.858                                       | 55.967.540  |
| -   | -  | -   |
| <b>74.161.541</b>   | <b>17.310.858</b>                                | <b>55.967.540</b>   |

**39. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)****B. Báo cáo bộ phận theo vùng địa lý**

MB theo dõi thông tin tài chính chia theo các vùng địa lý chính như sau:

|   | <b>Miền Bắc<br/>Triệu VND</b> |
|---|-------------------------------|
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>              |                               |
| Tài sản                                       | 227.190.673                   |
| Nợ phải trả                                   | 198.724.370                   |
| Tài sản cố định - thuần                       | 2.298.052                     |
| <b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b> |                               |
| Doanh thu                                     | 14.635.529                    |
| Chi phí                                       | 11.743.149                    |
| Lợi nhuận trước thuế                          | 2.892.380                     |
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>              |                               |
| Tài sản                                       | 185.330.754                   |
| Nợ phải trả                                   | 160.752.310                   |
| Tài sản cố định - thuần                       | 2.097.785                     |
| <b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b> |                               |
| Doanh thu                                     | 9.369.652                     |
| Chi phí                                       | 7.144.931                     |
| Lợi nhuận trước thuế                          | 2.224.721                     |

**c. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực hoạt động**

Cho mục đích quản lý, MB được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực như sau

**Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp:**

Các dịch vụ, sản phẩm cung cấp cho các khách hàng cá nhân bao gồm: tiền gửi khách hàng; tín dụng; dịch vụ thẻ và dịch vụ chuyển tiền; dịch vụ cho các khách hàng doanh nghiệp như cung cấp tín dụng, bảo lãnh, tiền gửi...

**Đầu tư:**

Đầu tư chứng khoán và bất động sản

**Hoạt động liên ngân hàng:**

Các hoạt động huy động, cho vay liên ngân hàng và các hoạt động liên ngân hàng khác.

**Khối quản lý tài sản:**

Các quỹ đầu tư và hoạt động của MB AMC

| Miền Trung<br>Triệu VND | Miền Nam<br>Triệu VND | Khu vực khác<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND |
|-------------------------|-----------------------|---------------------------|------------------------|
| 20.266.231              | 61.336.437            | 5.084.487                 | 313.877.828            |
| 19.959.365              | 60.509.001            | 5.083.922                 | 284.276.658            |
| 75.089                  | 197.799               | 33.520                    | 2.604.460              |
| 2.458.022               | 7.686.753             | 359.957                   | 25.140.261             |
| 1.980.360               | 6.393.817             | 407.209                   | 20.524.535             |
| 477.662                 | 1.292.936             | (47.252)                  | 4.615.726              |
| Miền Trung<br>Triệu VND | Miền Nam<br>Triệu VND | Khu vực khác<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND |
| 16.159.939              | 51.037.528            | 3.730.279                 | 256.258.500            |
| 15.818.111              | 49.421.248            | 3.678.385                 | 229.670.054            |
| 87.299                  | 243.535               | 29.225                    | 2.457.844              |
| 1.976.536               | 6.450.438             | 288.625                   | 18.085.251             |
| 1.762.029               | 5.269.095             | 258.611                   | 14.434.666             |
| 214.507                 | 1.181.343             | 30.014                    | 3.650.585              |

**Hoạt động kinh doanh bảo hiểm:**

Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas

**Các hoạt động chung không phân bổ:**

Các hoạt động chung không phân bổ và hoạt động của các công ty con khác MB AMC

**39. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

MB hoạt động trong lĩnh vực khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, đầu tư, hoạt động liên ngân hàng, khối quản lý tài sản, hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động không phân bổ.

| <b>TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017</b> | <b>Khách hàng cá nhân và<br/>doanh nghiệp<br/>Triệu VND</b> | <b>Đầu tư<br/>Triệu VND</b> |
|--------------------------------------|---|-----------------------------|
| Tài sản                              | 182.849.718   | 182.849.718                 |
| Nợ phải trả                          | 224.534.165   | 224.534.165                 |
| Tài sản cố định - thuần              | -   | -                           |
| <b>2017</b>                          |   |                             |
| Doanh thu                            | 6.840.388   | 6.840.388                   |
| Chi phí                              | 4.215.396   | 4.215.396                   |
| Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế            | 2.624.992   | 2.624.992                   |
| <b>TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016</b> | <b>Khách hàng cá nhân và<br/>doanh nghiệp<br/>Triệu VND</b> | <b>Đầu tư<br/>Triệu VND</b> |
| Tài sản                              | 152.434.049   | 51.939.271                  |
| Nợ phải trả                          | 197.421.284   | 2.000.000                   |
| Tài sản cố định - thuần              | -   | -                           |
| <b>2016</b>                          |   |                             |
| Doanh thu                            | 5.467.195   | 2.444.694                   |
| Chi phí                              | 247.020   | 313.249                     |
| Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế            | 5.220.175   | 2.131.445                   |

**40. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Thuyết minh này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành MB sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

**i. Chính sách quản lý rủi ro**

Định hướng của MB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt

động mang tính then chốt giúp MB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MB phải duy trì cơ cấu danh mục tài sản, nợ phải trả và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, MB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến mua bán ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của MB có đủ khả năng phòng

| Hoạt động liên ngân hàng<br>Triệu VND | Khối quản lý tài sản<br>Triệu VND | Hoạt động kinh doanh bảo hiểm<br>Triệu VND | Hoạt động chung không phân bổ<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND |
|---------------------------------------|-----------------------------------|--|--|------------------------|
| 52.843.813                            | 3.294.559                         | 4.156.801                                  | 20.103.224                                 | 313.877.828            |
| 46.132.461                            | 704.757                           | 2.423.419                                  | 5.235.901                                  | 284.276.658            |
| -                                     | 39.038                            | 218.217                                    | 2.347.205                                  | 2.604.460              |
| 1.092.897                             | 11.058.725                        | 2.084.866                                  | 1.324.994                                  | 25.140.261             |
| 1.052.557                             | 10.684.876                        | 2.252.292                                  | 1.802.206                                  | 20.524.535             |
| 40.340                                | 373.849                           | (167.426)                                  | (477.212)                                  | 4.615.726              |

| Hoạt động liên ngân hàng<br>Triệu VND | Khối quản lý tài sản<br>Triệu VND | Hoạt động kinh doanh bảo hiểm<br>Triệu VND | Hoạt động chung không phân bổ<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND |
|---------------------------------------|-----------------------------------|--|--|------------------------|
| 24.554.912                            | 2.145.154                         | 4.020.337                                  | 21.164.777                                 | 256.258.500            |
| 24.140.703                            | 932.115                           | 2.100.129                                  | 3.075.823                                  | 229.670.054            |
| -                                     | 35.536                            | 137.314                                    | 2.284.994                                  | 2.457.844              |
| 1.107.884                             | 519.855                           | 270.576                                    | 8.275.047                                  | 18.085.251             |
| 585.055                               | 475.833                           | 287.691                                    | 12.525.818                                 | 14.434.666             |
| 522.829                               | 44.022                            | (17.115)                                   | (4.250.771)                                | 3.650.585              |

ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, MB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản tiền gửi không kỳ hạn (“Nostro”) ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác và

các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

## ii. Rủi ro tín dụng

MB chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi MB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi MB cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà MB gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của MB. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra MB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoài bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

MB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;

- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

MB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản cho vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

| <b>TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017</b>           | <b>Quá hạn đến 90 ngày<br/>Triệu VND</b> | <b>Quá hạn từ 91 đến 180 ngày<br/>Triệu VND</b> |
|--|--|---|
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp        | -  | -   |
| Cho vay khách hàng - gộp                       | 3.175.093                                | 735.553   |
| Chứng khoán đầu tư - gộp                       | -  | -   |
| <i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i> | -  | -   |
| Tài sản Có khác - gộp                          | -  | -   |
|  | <b>3.175.093</b>                         | <b>735.553</b>                                  |

| <b>TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016</b>           | <b>Quá hạn đến 90 ngày<br/>Triệu VND</b> | <b>Quá hạn từ 91 đến 180 ngày<br/>Triệu VND</b> |
|--|--|---|
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp        | -  | -   |
| Cho vay khách hàng - gộp                       | 1.904.761                                | 896.027   |
| Chứng khoán đầu tư - gộp                       | -  | -   |
| <i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i> | -  | -   |
| Tài sản Có khác - gộp                          | -  | 150.000   |
|  | <b>1.904.761</b>                         | <b>1.046.027</b>                                |

Chi tiết về các tài sản đảm bảo MB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

|                          | <b>31/12/2017<br/>Triệu VND</b> | <b>31/12/2016<br/>Triệu VND</b> |
|--------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Bất động sản             | 157.477.863                     | 118.026.326                     |
| Động sản                 | 211.708.082                     | 247.546.673                     |
| Giấy tờ có giá           | 46.027.838                      | 22.502.024                      |
| Các khoản phải thu       | 35.104.997                      | 45.975.439                      |
| Các tài sản đảm bảo khác | 46.335.767                      | 50.382.274                      |
|                          | <b>496.654.547</b>              | <b>484.432.736</b>              |

Ngân hàng đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được NHNNVN chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở cho việc cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định.

#### Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá

Các tài sản tài chính không quá hạn hay không bị giảm giá của MB bao gồm các khoản nợ Nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và

Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228 và Thông tư 89. MB đánh giá rằng MB hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

#### Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày báo cáo được trình bày dưới đây:

| Quá hạn từ 181 đến 360 ngày<br>Triệu VND | Quá hạn trên 360 ngày<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND |
|--|------------------------------------|------------------------|
| -  | 196.000                            | 196.000                |
| 668.431                                  | 813.673                            | 813.673                |
| -  | 200.000                            | 200.000                |
| -  | 200.000                            | 200.000                |
| -  | 990.955                            | 990.955                |
| <b>668.431</b>                           | <b>2.200.628</b>                   | <b>6.779.705</b>       |
| Quá hạn từ 181 đến 360 ngày<br>Triệu VND | Quá hạn trên 360 ngày<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND |
| -  | 196.000                            | 196.000                |
| 476.547                                  | 885.071                            | 4.162.406              |
| -  | 400.000                            | 400.000                |
| -  | 400.000                            | 400.000                |
| -  | 931.295                            | 1.081.295              |
| <b>476.547</b>                           | <b>2.412.366</b>                   | <b>5.839.701</b>       |

MB chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản đảm bảo này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành hiện không có hướng dẫn

về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị của tài sản đảm bảo được định giá hàng năm hoặc tại thời điểm cho vay theo phương pháp định giá của MB.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một

khoảng thời gian phù hợp.

MB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MB. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Triệu VND)**

|   | <b>Quá hạn<br/>đến 3 tháng</b> | <b>Quá hạn<br/>trên 3 tháng</b> |
|---|--------------------------------|---------------------------------|
| <b>Tài sản</b>  |                                |                                 |
| Tiền mặt và vàng  | -                              | -                               |
| Tiền gửi tại NHNN   | -                              | -                               |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp                       | -                              | 196.000                         |
| Chứng khoán kinh doanh - gộp                                  | -                              | -                               |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | -                              | -                               |
| Cho vay khách hàng - gộp                                      | 3.062.103                      | 2.193.251                       |
| Chứng khoán đầu tư - gộp                                      | -                              | 200.000                         |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp                                 | -                              | 32.530                          |
| Tài sản cố định và bất động sản đầu tư                        | -                              | -                               |
| Tài sản Có khác - gộp   | -                              | 990.955                         |
|   | <b>3.062.103</b>               | <b>3.612.736</b>                |
| <b>Nợ phải trả</b>  |                                |                                 |
| Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN                              | -                              | -                               |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác                             | -                              | -                               |
| Tiền gửi của khách hàng                                       | -                              | -                               |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro         | -                              | -                               |
| Phát hành giấy tờ có giá                                      | -                              | -                               |
| Các khoản nợ khác   | -                              | -                               |
|   | -                              | -                               |
| <b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>                             | <b>3.062.103</b>               | <b>3.612.736</b>                |



các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những có cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

| Đến 1 tháng         | Từ trên 1 đến 3 tháng | Từ trên 3 đến 12 tháng | Từ trên 1 đến 5 năm | Trên 5 năm        | Tổng cộng          |
|---------------------|-----------------------|------------------------|---------------------|-------------------|--------------------|
| 1.842.032           | -                     | -                      | -                   | -                 | 1.842.032          |
| 6.683.682           | -                     | -                      | -                   | -                 | 6.683.682          |
| 31.839.238          | 13.353.508            | 6.287.184              | 2.017.472           | -                 | 53.693.402         |
| 839.566             | -                     | 2.000.398              | -                   | -                 | 2.839.964          |
| 121.592             | -                     | -                      | -                   | -                 | 121.592            |
| 13.646.728          | 34.857.684            | 54.790.177             | 45.472.596          | 30.165.603        | 184.188.142        |
| 208.997             | 299.901               | 2.672.355              | 35.215.044          | 12.440.657        | 51.036.954         |
| -                   | -                     | -                      | 1.081.678           | -                 | 1.114.208          |
| -                   | -                     | -                      | 2.276.831           | 420.412           | 2.697.243          |
| 3.788.147           | 427.419               | 7.134.924              | 1.091.533           | -                 | 13.432.978         |
| <b>58.969.982</b>   | <b>48.938.512</b>     | <b>72.885.038</b>      | <b>87.155.154</b>   | <b>43.026.672</b> | <b>317.650.197</b> |
| 1.847.879           | -                     | -                      | -                   | -                 | 1.847.879          |
| 35.210.040          | 8.031.207             | 2.671.606              | 164.284             | 24.020            | 46.101.157         |
| 66.347.908          | 17.336.734            | 51.373.961             | 85.112.442          | 4.977             | 220.176.022        |
| 68                  | -                     | 3.715                  | 264.337             | 28.880            | 297.000            |
| -                   | -                     | -                      | 6.022.222           | -                 | 6.022.222          |
| 6.391.728           | 876.254               | 2.564.396              | -                   | -                 | 9.832.378          |
| <b>109.797.623</b>  | <b>26.244.195</b>     | <b>56.613.678</b>      | <b>91.563.285</b>   | <b>57.877</b>     | <b>284.276.658</b> |
| <b>(50.827.641)</b> | <b>22.694.317</b>     | <b>16.271.360</b>      | <b>(4.408.131)</b>  | <b>42.968.795</b> | <b>33.373.539</b>  |

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (triệu VND)**

|   | <b>Quá hạn<br/>đến 3 tháng</b> | <b>Quá hạn<br/>trên 3 tháng</b> |
|---|--------------------------------|---------------------------------|
| <b>Tài sản</b>  |                                |                                 |
| Tiền mặt và vàng  | -                              | -                               |
| Tiền gửi tại NHNN   | -                              | -                               |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp                       | -                              | 196.000                         |
| Chứng khoán kinh doanh - gộp                                  | -                              | -                               |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | -                              | -                               |
| Cho vay khách hàng - gộp                                      | 1.904.761                      | 2.257.645                       |
| Chứng khoán đầu tư - gộp                                      | -                              | 400.000                         |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp                                 | -                              | 32.530                          |
| Tài sản cố định và bất động sản đầu tư                        | -                              | -                               |
| Tài sản Có khác - gộp   | -                              | 1.081.295                       |
|   | <b>1.904.761</b>               | <b>3.967.470</b>                |
| <b>Nợ phải trả</b>  |                                |                                 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                                 | -                              | -                               |
| Tiền gửi của khách hàng                                       | -                              | -                               |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro         | -                              | -                               |
| Phát hành giấy tờ có giá                                      | -                              | -                               |
| Các khoản nợ khác   | -                              | -                               |
|   | -                              | -                               |
| <b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>                             | <b>1.904.761</b>               | <b>3.967.470</b>                |

| Đến 1 tháng         | Từ trên 1 đến 3 tháng | Từ trên 3 đến 12 tháng | Từ trên 1 đến 5 năm | Trên 5 năm        | Tổng cộng          |
|---------------------|-----------------------|------------------------|---------------------|-------------------|--------------------|
| 1.519.952           | -                     | -                      | -                   | -                 | 1.519.952          |
| 10.002.478          | -                     | -                      | -                   | -                 | 10.002.478         |
| 7.266.384           | 10.538.710            | 7.147.921              | 2.000.000           | -                 | 27.149.015         |
| 1.060.665           | -                     | -                      | -                   | -                 | 1.060.665          |
| 53.419              | -                     | -                      | -                   | -                 | 53.419             |
| 9.043.719           | 27.803.139            | 35.802.374             | 31.601.677          | 42.324.387        | 150.737.702        |
| 3.753.482           | 4.468.104             | 4.633.903              | 39.757.412          | 1.893.974         | 54.906.875         |
| -                   | -                     | -                      | 437.451             | 505.337           | 975.318            |
| -                   | -                     | -                      | 95.960              | 2.511.059         | 2.607.019          |
| 7.770.481           | 538.499               | 1.198.494              | 1.300.166           | -                 | 11.888.935         |
| <b>40.470.580</b>   | <b>43.348.452</b>     | <b>48.782.692</b>      | <b>75.192.666</b>   | <b>47.234.757</b> | <b>260.901.378</b> |
| 15.973.756          | 6.884.032             | 1.612.542              | 242.646             | -                 | 24.712.976         |
| 73.861.162          | 45.807.401            | 49.968.160             | 25.171.590          | 4.084             | 194.812.397        |
| -                   | 211                   | 15.060                 | 242.899             | -                 | 258.170            |
| 36.953              | -                     | -                      | 2.330.000           | -                 | 2.366.953          |
| 4.936.333           | 1.222.906             | 1.275.580              | 84.739              | -                 | 7.519.558          |
| <b>94.808.204</b>   | <b>53.914.550</b>     | <b>52.871.342</b>      | <b>28.071.874</b>   | <b>4.084</b>      | <b>229.670.054</b> |
| <b>(54.337.624)</b> | <b>(10.566.098)</b>   | <b>(4.088.650)</b>     | <b>47.120.792</b>   | <b>47.230.673</b> | <b>31.231.324</b>  |

#### iv. Rủi ro thị trường

##### Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

MB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng, đánh giá mức độ tác động của lãi suất tới thu nhập của MB dựa trên các kịch bản giả định về biến động của lãi suất. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sở

##### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Triệu VND)

|   | Quá hạn          | Không hưởng lãi   |
|---|------------------|-------------------|
| <b>Tài sản</b>  |                  |                   |
| Tiền mặt và vàng  | -                | 1.842.032         |
| Tiền gửi tại NHNN   | -                | -                 |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp                       | 196.000          | -                 |
| Chứng khoán kinh doanh - gộp                                  | -                | 2.839.964         |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | -                | -                 |
| Cho vay khách hàng - gộp                                      | 5.255.354        | -                 |
| Chứng khoán đầu tư - gộp                                      | 200.000          | 422.653           |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp                                 | 32.530           | 1.081.678         |
| Tài sản cố định và bất động sản đầu tư                        | -                | 2.697.243         |
| Tài sản Có khác - gộp   | 990.955          | 12.442.023        |
|   | <b>6.674.839</b> | <b>21.325.593</b> |
| <b>Nợ phải trả</b>  |                  |                   |
| Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN                              | -                | -                 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                                 | -                | -                 |
| Tiền gửi của khách hàng                                       | -                | -                 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro         | -                | -                 |
| Phát hành giấy tờ có giá                                      | -                | -                 |
| Các khoản nợ khác   | -                | 9.832.378         |
|   | -                | <b>9.832.378</b>  |
| <b>Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng</b>          | <b>6.674.839</b> | <b>11.493.215</b> |

kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MB được phân loại theo kỳ định lại lãi suất theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Kỳ định lại lãi suất theo hợp đồng là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

| Đến 1 tháng         | Từ trên 1 đến 3 tháng | Từ trên 3 đến 6 tháng | Từ trên 6 đến 12 tháng | Trên 1 năm        | Tổng cộng          |
|---------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|--------------------|
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                 | 1.842.032          |
| 6.683.682           | -                     | -                     | -                      | -                 | 6.683.682          |
| 31.997.238          | 13.195.508            | 5.649.712             | 637.472                | 2.017.472         | 53.693.402         |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                 | 2.839.964          |
| 121.592             | -                     | -                     | -                      | -                 | 121.592            |
| 56.331.049          | 102.993.672           | 9.656.414             | 7.136.664              | 2.814.989         | 184.188.142        |
| 118.997             | 299.901               | 959.849               | 1.489.131              | 47.546.423        | 51.036.954         |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                 | 1.114.208          |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                 | 2.697.243          |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                 | 13.432.978         |
| <b>95.252.558</b>   | <b>116.489.081</b>    | <b>16.265.975</b>     | <b>9.263.267</b>       | <b>52.378.884</b> | <b>317.650.197</b> |
| 1.847.879           | -                     | -                     | -                      | -                 | 1.847.879          |
| 35.210.040          | 8.031.207             | 1.413.902             | 1.257.704              | 188.304           | 46.101.157         |
| 127.519.561         | 20.151.557            | 26.247.281            | 20.208.439             | 26.049.184        | 220.176.022        |
| 68                  | -                     | 2.004                 | 1.711                  | 293.217           | 297.000            |
| -                   | -                     | -                     | -                      | 6.022.222         | 6.022.222          |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                 | 9.832.378          |
| <b>164.577.548</b>  | <b>28.182.764</b>     | <b>27.663.187</b>     | <b>21.467.854</b>      | <b>32.552.927</b> | <b>284.276.658</b> |
| <b>(69.324.990)</b> | <b>88.306.317</b>     | <b>(11.397.212)</b>   | <b>(12.204.587)</b>    | <b>19.825.957</b> | <b>33.373.539</b>  |

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Triệu VND)**

|   | <b>Quá hạn</b>   | <b>Không hưởng lãi</b> |
|---|------------------|------------------------|
| <b>Tài sản</b>  |                  |                        |
| Tiền mặt và vàng  | -                | 1.519.952              |
| Tiền gửi tại NHNN   | -                | -                      |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp                       | 196.000          | 406.294                |
| Chứng khoán kinh doanh - gộp                                  | -                | 1.060.665              |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | -                | -                      |
| Cho vay khách hàng - gộp                                      | 4.162.406        | -                      |
| Chứng khoán đầu tư - gộp                                      | 400.000          | 498.757                |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp                                 | 32.530           | 942.788                |
| Tài sản cố định và bất động sản đầu tư                        | -                | 2.607.019              |
| Tài sản Có khác - gộp   | 1.081.295        | 10.807.640             |
|   | <b>5.872.231</b> | <b>17.843.115</b>      |
| <b>Nợ phải trả</b>  |                  |                        |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                                 | -                | 59.546                 |
| Tiền gửi của khách hàng                                       | -                | 3.638.230              |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro         | -                | -                      |
| Phát hành giấy tờ có giá                                      | -                | -                      |
| Các khoản nợ khác   | -                | 7.519.558              |
|   | -                | <b>11.217.334</b>      |
| <b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng</b>               | <b>5.872.231</b> | <b>6.625.781</b>       |

| Đến 1 tháng         | Từ trên 1 đến 3 tháng | Từ trên 3 đến 6 tháng | Từ trên 6 đến 12 tháng | Trên 1 năm          | Tổng cộng          |
|---------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|---------------------|--------------------|
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                   | 1.519.952          |
| 10.002.478          | -                     | -                     | -                      | -                   | 10.002.478         |
| 6.860.090           | 10.538.710            | 6.626.085             | 521.836                | 2.000.000           | 27.149.015         |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                   | 1.060.665          |
| 53.419              | -                     | -                     | -                      | -                   | 53.419             |
| 25.945.818          | 61.850.922            | 37.276.376            | 14.840.639             | 6.661.541           | 150.737.702        |
| 3.344.725           | 4.598.104             | 1.430.482             | 3.073.421              | 41.561.386          | 54.906.875         |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                   | 975.318            |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                   | 2.607.019          |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                   | 11.888.935         |
| <b>46.206.530</b>   | <b>76.987.736</b>     | <b>45.332.943</b>     | <b>18.435.896</b>      | <b>50.222.927</b>   | <b>260.901.378</b> |
| 15.914.210          | 6.884.032             | 1.207.234             | 405.308                | 242.646             | 24.712.976         |
| 44.457.613          | 42.010.166            | 24.187.692            | 18.366.146             | 62.152.550          | 194.812.397        |
| -                   | 211                   | 703                   | 14.357                 | 242.899             | 258.170            |
| 36.953              | -                     | -                     | -                      | 2.330.000           | 2.366.953          |
| -                   | -                     | -                     | -                      | -                   | 7.519.558          |
| <b>60.408.776</b>   | <b>48.894.409</b>     | <b>25.395.629</b>     | <b>18.785.811</b>      | <b>64.968.095</b>   | <b>229.670.054</b> |
| <b>(14.202.246)</b> | <b>28.093.327</b>     | <b>19.937.314</b>     | <b>(349.915)</b>       | <b>(14.745.168)</b> | <b>31.231.324</b>  |

Bảng dưới đây phân tích tính độ mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của MB với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

| Loại tiền | Mức tăng lãi suất<br>31/12/2017 | Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế<br>31/12/2017 |
|-----------|---------------------------------|--|
| VND       | 2,00%                           | 409.092  |
| USD       | 1,00%                           | (32.133)                                       |

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

| Loại tiền | Mức tăng lãi suất<br>31/12/2016 | Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế<br>31/12/2016 |
|-----------|---------------------------------|--|
| VND       | 2,00%                           | 399.752  |
| USD       | 1,00%                           | (4.971)  |

**Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của MB cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của MB chủ yếu bằng VND và Đô la Mỹ (“USD”). Một số tài sản khác của MB bằng tiền tệ khác ngoài VND và USD. MB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của MB và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.





**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017 (TRIỆU VND)**

**Tài sản**

Tiền mặt và vàng

Tiền gửi tại NHNN

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp

Chứng khoán kinh doanh - gộp

Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

Cho vay khách hàng - gộp

Chứng khoán đầu tư - gộp

Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp

Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản Có khác - gộp

**Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu**

Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN

Tiền gửi và vay các TCTD khác

Tiền gửi của khách hàng

Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

Phát hành giấy tờ có giá

Các khoản nợ khác

Vốn chủ sở hữu

**Trạng thái tiền tệ nội bảng**

| VND                | USD                | EUR              | Vàng         | Tiền tệ khác     | Tổng cộng          |
|--------------------|--------------------|------------------|--------------|------------------|--------------------|
| 1.373.927          | 332.239            | 102.633          | 3.018        | 30.215           | 1.842.032          |
| 5.466.898          | 909.718            | -                | -            | 307.066          | 6.683.682          |
| 34.759.381         | 16.179.503         | 2.647.244        | -            | 107.274          | 53.693.402         |
| 2.839.964          | -                  | -                | -            | -                | 2.839.964          |
| 8.864.309          | (8.721.547)        | 1.159            | -            | (22.329)         | 121.592            |
| 160.131.699        | 23.100.092         | 22.108           | -            | 934.243          | 184.188.142        |
| 46.551.954         | 4.485.000          | -                | -            | -                | 51.036.954         |
| 1.113.492          | -                  | 716              | -            | -                | 1.114.208          |
| 2.684.424          | 8.783              | -                | -            | 4.036            | 2.697.243          |
| 10.340.916         | 2.651.729          | 331.336          | -            | 108.997          | 13.432.978         |
| <b>274.126.964</b> | <b>38.945.517</b>  | <b>3.105.196</b> | <b>3.018</b> | <b>1.469.502</b> | <b>317.650.197</b> |
| 1.847.879          | -                  | -                | -            | -                | 1.847.879          |
| 29.275.178         | 16.391.891         | 213.119          | -            | 220.969          | 46.101.157         |
| 193.363.843        | 23.444.602         | 2.914.569        | -            | 453.008          | 220.176.022        |
| 297.000            | -                  | -                | -            | -                | 297.000            |
| 6.022.222          | -                  | -                | -            | -                | 6.022.222          |
| 9.629.648          | 121.950            | 1.128            | -            | 79.652           | 9.832.378          |
| 29.601.170         | -                  | -                | -            | -                | 29.601.170         |
| <b>270.036.940</b> | <b>39.958.443</b>  | <b>3.128.816</b> | <b>-</b>     | <b>753.629</b>   | <b>313.877.828</b> |
| <b>4.090.024</b>   | <b>(1.012.926)</b> | <b>(23.620)</b>  | <b>3.018</b> | <b>715.873</b>   | <b>3.772.369</b>   |

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Triệu VND)**



**Tài sản**

Tiền mặt và vàng

Tiền gửi tại NHNN

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp

Chứng khoán kinh doanh - gộp

Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

Cho vay khách hàng - gộp

Chứng khoán đầu tư - gộp

Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp

Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản Có khác - gộp

---

**Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu**

Tiền gửi và vay các TCTD khác

Tiền gửi của khách hàng

Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

Phát hành giấy tờ có giá

Các khoản nợ khác

Vốn chủ sở hữu

---

**Trạng thái tiền tệ nội bảng**

---

| VND                | USD                | EUR              | Vàng         | Tiền tệ khác   | Tổng cộng          |
|--------------------|--------------------|------------------|--------------|----------------|--------------------|
| 1.161.239          | 267.655            | 58.288           | 3.281        | 29.489         | 1.519.952          |
| 6.846.150          | 3.068.777          | -                | -            | 87.551         | 10.002.478         |
| 23.399.145         | 992.451            | 2.717.570        | -            | 39.849         | 27.149.015         |
| 1.060.665          | -                  | -                | -            | -              | 1.060.665          |
| 1.102.414          | (1.026.180)        | (332)            | -            | (22.483)       | 53.419             |
| 129.231.439        | 21.081.174         | 28.354           | -            | 396.735        | 150.737.702        |
| 50.475.075         | 4.431.800          | -                | -            | -              | 54.906.875         |
| 974.688            | -                  | 630              | -            | -              | 975.318            |
| 2.593.552          | 8.563              | -                | -            | 4.904          | 2.607.019          |
| 9.873.857          | 1.938.489          | 12.375           | -            | 64.214         | 11.888.935         |
| <b>226.718.224</b> | <b>30.762.729</b>  | <b>2.816.885</b> | <b>3.281</b> | <b>600.259</b> | <b>260.901.378</b> |
| 17.821.714         | 6.883.351          | 18               | -            | 7.893          | 24.712.976         |
| 166.135.164        | 25.489.764         | 2.826.031        | -            | 361.438        | 194.812.397        |
| 258.170            | -                  | -                | -            | -              | 258.170            |
| 2.366.953          | -                  | -                | -            | -              | 2.366.953          |
| 7.344.845          | 159.363            | 1.775            | -            | 13.575         | 7.519.558          |
| 26.588.446         | -                  | -                | -            | -              | 26.588.446         |
| <b>220.515.292</b> | <b>32.532.478</b>  | <b>2.827.824</b> | <b>-</b>     | <b>382.906</b> | <b>256.258.500</b> |
| <b>6.202.932</b>   | <b>(1.769.749)</b> | <b>(10.939)</b>  | <b>3.281</b> | <b>217.353</b> | <b>4.642.878</b>   |

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của MB trong trường hợp:

#### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Loại tiền tệ | VND giảm giá 1%<br>so với USD và EUR<br>Triệu VND | VND giảm giá 1%<br>so với USD và EUR<br>Triệu VND |
|--------------|---|---|
| USD          | 8.103   | (8.103)   |
| EUR          | 189   | (189)   |
|              | <b>8.292</b>                                      | <b>(8.292)</b>                                    |

#### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Loại tiền tệ | VND giảm giá 1%<br>so với USD và EUR<br>Triệu VND | VND giảm giá 1%<br>so với USD và EUR<br>Triệu VND |
|--------------|---|---|
| USD          | 14.158  | (14.158)  |
| EUR          | 87  | (87)  |
|              | <b>14.245</b>                                     | <b>(14.245)</b>                                   |

## 41. CAM KẾT

### Hợp đồng thuê

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

| Loại tiền tệ   | 31/12/2017<br>Triệu VND | 31/12/2016<br>Triệu VND |
|----------------|-------------------------|-------------------------|
| Dưới 1 năm     | 256.663                 | 198.064                 |
| Từ 1 đến 5 năm | 472.477                 | 749.062                 |
| Trên 5 năm     | 106.744                 | 353.980                 |
|                | <b>835.884</b>          | <b>1.320.671</b>        |

## 42. THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày đo lường.



**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

|  | <b>Giá trị hợp lý<br/>thông qua BCKQHĐKD<br/>Triệu VND</b> |
|--|--|
| <b>Tài sản tài chính</b>   |  |
| TTiền mặt và vàng  | 1.842.032  |
| Tiền gửi tại NHNN  | -  |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác                                | -  |
| Chứng khoán kinh doanh   | 2.804.525  |
| Các công cụ tài chính phái sinh<br>và các tài sản tài chính khác | 121.592  |
| Cho vay khách hàng   | -  |
| Chứng khoán đầu tư   | -  |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn  | -  |
| Tài sản tài chính khác   | -  |
|  | <b>4.768.149</b>   |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>                                     |  |
| Nợ phải trả chính phủ và NHNN Việt Nam                           | -  |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                                    | -  |
| Tiền gửi của khách hàng  | -  |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro            | -  |
| Phát hành giấy tờ có giá   | -  |
| Các khoản nợ phải trả tài chính khác                             | -  |
|  | -  |

(\*) MB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



## GIÁ TRỊ GHI SỔ

## GIÁ TRỊ HỢP LÝ

| Giữ đến ngày<br>đáo hạn<br>Triệu VND | Cho vay và phải<br>thu<br>Triệu VND | Sẵn sàng để<br>bán<br>Triệu VND | Hạch toán theo<br>giá trị phân bổ<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND | Triệu VND |
|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|--|------------------------|-----------|
| -                                    | -                                   | -                               | -  | 1.842.032              | 1.832.862 |
| -                                    | 6.683.682                           | -                               | -  | 6.683.682              | 6.682.178 |
| -                                    | 53.497.402                          | -                               | -  | 53.497.402             | (*)       |
| -                                    | -                                   | -                               | -  | 2.804.525              | (*)       |
| -                                    | -                                   | -                               | -  | 121.592                | (*)       |
| -                                    | -                                   | -                               | -  | -                      | -         |
| -                                    | 182.062.458                         | -                               | -  | 182.062.458            | (*)       |
| 7.642.711                            | -                                   | 43.034.360                      | -  | 50.677.071             | (*)       |
| -                                    | -                                   | 984.562                         | -  | 984.562                | (*)       |
| -                                    | 7.195.479                           | -                               | -  | 7.195.479              | (*)       |
| <b>7.642.711</b>                     | <b>249.439.021</b>                  | <b>44.018.922</b>               | <b>-</b>                                       | <b>305.868.803</b>     |           |
| -                                    | -                                   | -                               | 1.847.879                                      | 1.847.879              | (*)       |
| -                                    | -                                   | -                               | 46.101.157                                     | 46.101.157             | (*)       |
| -                                    | -                                   | -                               | 220.176.022                                    | 220.176.022            | (*)       |
| -                                    | -                                   | -                               | 297.000  | 297.000                | (*)       |
| -                                    | -                                   | -                               | 6.022.222                                      | 6.022.222              | (*)       |
| -                                    | -                                   | -                               | 7.999.841                                      | 7.999.841              | (*)       |
| -                                    | -                                   | -                               | <b>282.444.121</b>                             | <b>282.444.121</b>     |           |

**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**Giá trị hợp lý  
thông qua BCKQHĐKD  
Triệu VND**

**Tài sản tài chính**

|  |                   |
|--|-------------------|
| Tiền mặt và vàng   | 1.519.952         |
| Tiền gửi tại NHNN  | -                 |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác                                | -                 |
| Các công cụ tài chính phái sinh<br>và các tài sản tài chính khác | 53.419<br>925.995 |
| Chứng khoán kinh doanh   | -                 |
| Cho vay khách hàng   | -                 |
| Chứng khoán đầu tư   | -                 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn  | -                 |
| Tài sản tài chính khác   | <b>2.499.366</b>  |

**Nợ phải trả tài chính**

|   |   |
|---|---|
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                         | - |
| Tiền gửi của khách hàng                               | - |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | - |
| Phát hành giấy tờ có giá                              | - |
| Các khoản nợ phải trả tài chính khác                  | - |
|   | - |

(\*) MB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## GIÁ TRỊ GHI SỐ

## GIÁ TRỊ HỢP LÝ

| Giữ đến ngày<br>đáo hạn<br>Triệu VND | Cho vay và phải<br>thu<br>Triệu VND | Sẵn sàng để<br>bán<br>Triệu VND | Hạch toán theo<br>giá trị phân bổ<br>Triệu VND | Tổng cộng<br>Triệu VND | Triệu VND  |
|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|--|------------------------|------------|
| -                                    | -                                   | -                               | -  | 1.519.952              | 1.519.952  |
| -                                    | 10.002.478                          | -                               | -  | 10.002.478             | 10.002.478 |
| -                                    | 26.952.799                          | -                               | -  | 26.952.799             | (*)        |
| -                                    | -                                   | -                               | -  | 53.419                 | (*)        |
| -                                    | -                                   | -                               | -  | 925.995                | (*)        |
| -                                    | 148.687.389                         | -                               | -  | 148.687.389            | (*)        |
| 7.304.604                            | -                                   | 39.455.594                      | -  | 46.760.198             | (*)        |
| -                                    | -                                   | 842.259                         | -  | 842.259                | (*)        |
| -                                    | 6.331.396                           | -                               | -  | 6.331.396              | (*)        |
| <b>7.304.604</b>                     | <b>191.974.062</b>                  | <b>40.297.853</b>               | <b>-</b>                                       | <b>242.075.885</b>     | <b>(*)</b> |
| -                                    | -                                   | -                               | 24.712.976                                     | 24.712.976             | (*)        |
| -                                    | -                                   | -                               | 194.812.397                                    | 194.812.397            | (*)        |
| -                                    | -                                   | -                               | 258.170  | 258.170                | (*)        |
| -                                    | -                                   | -                               | 2.366.953                                      | 2.366.953              | (*)        |
| -                                    | -                                   | -                               | 6.555.975                                      | 6.555.975              | (*)        |
| -                                    | -                                   | -                               | <b>228.706.471</b>                             | <b>228.706.471</b>     | <b>(*)</b> |

**43. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ TẠI NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được MB áp dụng:

**TỶ GIÁ TẠI NGÀY**

|     | <b>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>31/12/2016<br/>VND</b> |
|-----|---------------------------|---------------------------|
| USD | 22.425                    | 22.159                    |
| EUR | 27.124                    | 23.846                    |
| GBP | 30.537                    | 27.755                    |
| CHF | 23.055                    | 21.910                    |
| JPY | 201,27                    | 195                       |
| SGD | 16.969                    | 15.609                    |
| CAD | 17.969                    | 16.771                    |
| AUD | 17.721                    | 16.303                    |

Người lập



Lê Thị Huyền Trang  
Phó phòng Phòng Kế toán  
Tổng hợp và Báo cáo

Người soát xét



Lê Thị Lợi  
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Lưu Trung Thái  
Tổng Giám Đốc

**Xác nhận của người đại diện theo pháp luật  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Lưu Trung Thái  
Tổng Giám đốc

